HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP – THỦY SẢN
TRƯỜNG LONG HÒA

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án ĐẦU TƯ NUÔI NGHÊU THƯƠNG PHẨM TRƯỜNG LONG HÒA

Thị xã Duyên Hải, tháng 8 năm 2024

HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP – THỦY SẢN
TRƯỜNG LONG HÒA

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án ĐẦU TƯ NUÔI NGHÊU THƯƠNG PHẨM TRƯỜNG LONG HÒA

CHỦ DỰ ÁN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
HỢP TÁC XÃ	CÔNG TY TNHH
NÔNG NGHIỆP – THỦY SẢN	MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN
TRƯỜNG LONG HÒA	

Thị xã Duyên Hải, tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Xuất xứ của dự án 1
1.1. Thông tin chung về dự án 1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư 2
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan 2
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) 3
2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM 3
2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án 6
2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM 6
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường 6
3.1. Tổ chức thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường 6
3.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường 7
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường 9
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM 10
5.1. Thông tin về dự án 10
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường 11
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án 12
5.3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng 12
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án 16
5.4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng 16

5.4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành 17
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của đơn vị thi công 20
Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN.....22
1.1. Thông tin về dự án 22
1.1.1. Tên dự án.....22
1.1.2. Thông tin về chủ dự án.....22
1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án 22
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án.....26
1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.....26
1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án.....28
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 29
1.2.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 29
Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa.....29
Bảng 5: Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.....30
1.2.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....31
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án 31
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành.....32
1.5. Biện pháp tổ chức thi công.....34
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....34
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án.....34
1.6.2. Tổng mức đầu tư dự án.....35
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....35
Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....36
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....36
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....36

2.1.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án 42
2.1.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội 42
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án..... 44
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường 44
2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học 49
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án 49
2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn xây dựng 50
2.3.2. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn vận hành 50
2.3.3. Nhận dạng yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án 50
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án 51
Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 52
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng 52
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành 61
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 80
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo 81
Chương 4: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG 84
4.1. Chương trình quản lý môi trường của đơn vị thi công 84
4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường 89
Chương 5: KẾT QUẢ THAM VẤN 90
5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng 90
5.2. Tham vấn bằng văn bản theo quy định 90
5.3. Kết quả tham vấn cộng đồng 90

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT.....91
TÀI LIỆU THAM KHẢO 92

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	CTRXD	Chất thải rắn xây dựng
18	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
19	BTCT	Bêtông cốt thép
20	WHO	World Health Organization

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo 8
Bảng 2: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường 12
Bảng 3: Tọa độ vị trí thực hiện dự án 25
Bảng 4: Quy mô Dự án 29
Bảng 5: Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 30
Bảng 6: Tiến độ thực hiện Dự án 34
Bảng 7: Nhiệt độ trung bình tháng (^{0}C) 37
Bảng 8: Số giờ nắng trung bình tháng (giờ) 38
Bảng 9: Lượng mưa trung bình tháng (mm) 38
Bảng 10: Độ ẩm tương đối trung bình tháng (%) 39
Bảng 11: Dữ liệu kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước biển ven bờ 44
Bảng 12: Thông tin chung về công tác đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu 45
Bảng 13: Dự báo tải lượng khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển 54
Bảng 14: Hệ số tải lượng ô nhiễm của nước thải sinh hoạt 62
Bảng 15: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt 62
Bảng 16: Thành phần ô nhiễm trong khói thải 65
Bảng 17: Hệ số phát thải ô nhiễm từ phương tiện vận tải đường thủy 65
Bảng 18: Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt 67
Bảng 19: Thành phần và khối lượng CTNH 68
Bảng 20: Mức ồn phát sinh của các phương tiện giao thông 69
Bảng 21: Độ ồn của các phương tiện giao thông hoạt động tại dự án 70
Bảng 22: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án 80
Bảng 23: Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM 82

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Ảnh vệ tinh vị trí thực hiện dự án 23
Hình 2: Sơ đồ các điểm góc giới hạn khu đất dự kiến thực hiện Dự án 24
Hình 3: Hiện trạng xung quanh khu vực dự án 28
Hình 4: 04 chòi canh hiện hữu tại khu vực Dự án 30
Hình 5: Quy trình nuôi nghêu thương phẩm 32
Hình 6: Sơ đồ vị trí địa lý thị xã Duyên Hải 36
Hình 7: Hình ảnh công tác lấy mẫu quan trắc hiện trạng môi trường..... 46
Hình 8: Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại 75

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Tỉnh Trà Vinh, với vị trí nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, có hệ sinh thái nước mặn đa dạng, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản phát triển. Diện tích đất cồn và bãi bồi ven biển của tỉnh Trà Vinh rất lớn (khoảng 15.000ha), thích hợp cho nghề nuôi nghêu, sò theo hình thức nuôi thả tự nhiên. Toàn tỉnh Trà Vinh hiện có 7 hợp tác xã nuôi nghêu với tổng diện tích khoảng 1.000 ha, tập trung chủ yếu ở 2 huyện Châu Thành, Cầu Ngang và thị xã Duyên Hải, sản lượng thu hoạch 4.000 - 6.000 tấn/năm. Sản phẩm nghêu Trà Vinh cùng với sản phẩm nghêu của một số tỉnh khác của Việt Nam hiện đã có mặt và chinh phục gần 60 thị trường trên thế giới. Tính đến hết tháng 9/2023 xuất khẩu nhóm mặt hàng các sản phẩm nhuyễn thể có vỏ (nghêu, ốc, hàu, điệp…) của Việt Nam đạt 98 triệu USD. Trong đó, nghêu là sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất với gần 60 triệu USD.

Theo kế hoạch Chiến lược phát triển thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt, địa phương xác định đây là một trong những đối tượng nuôi chủ lực mang lại giá trị kinh tế khá lớn cho người dân ở vùng ven biển, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, đặc biệt là dân nghèo thiếu đất sản xuất. Tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2030, tổng diện tích nuôi nghêu toàn tỉnh đạt 3.300ha. Ngày 25 tháng 10 năm 2023, UBND tỉnh Trà Vinh đã có văn bản số 4788/UBND-CNXD về việc cho phép sử dụng tên địa danh "Trà Vinh" để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm nghêu của tỉnh Trà Vinh và Ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh xác nhận bản đồ vùng sản xuất sản phẩm mang NHCN "Nghêu Trà Vinh". Đồng thời Đã tiến hành nộp Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu ngày 25/12/2023 với Cục sở hữu trí tuệ.

Nắm bắt được những lợi thế, tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa đã đầu tư Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chấp thuận tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1043/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 14/6/2024.

Bên cạnh đó, Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa có sử dụng khu vực biển (với diện tích 2.033.523,7 m^2). Theo quy định tại tiểu mục 8 mục II phục lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án thuộc nhóm II; theo quy định tại điểm b

khoản 1 điều 30 Luật bảo vệ môi trường, Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt.

(cấu trúc và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa được thực hiện theo mẫu số 04 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

- Địa chỉ liên lạc: Số 52A đường Lê Lợi, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Email: travinh@chinhphu.vn

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1043/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

- Dự án phù hợp với mục tiêu "Phát triển nuôi trồng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long bền vững, phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, nước biển dâng; nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị sản phẩm và hiệu quả sản xuất dựa trên việc tổ chức sản xuất phù hợp, đầu tư đồng bộ và áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào toàn chuỗi giá trị sản phẩm; đưa nuôi trồng thủy sản trở thành lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế-xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long" được nêu tại Quyết định số 3550/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

- Dự án phù hợp với với quan điểm, mục tiêu, định hướng, chủ trương của Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững

kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch Phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Dự án phù hợp với Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 quy định vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, trong đó quy hoạch vùng phát triển nuôi trồng thủy sản: Tôm thẻ, tôm sú, cua biển, nghêu, ... tại các huyện: Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú và thị xã Duyên Hải.

- Dự án phù hợp với Kế hoạch số 104/KH-UBND ngà 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 01/12/2021.

- Dự án phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

- Dự án phù hợp với Phương án phân bổ và khoanh đất các chỉ tiêu sử dụng đất Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Chính phủ.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

a) Văn bản pháp lý

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ năm thông qua ngày

18/01/2024;

- Luật Lâm Nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 được Quốc hội nước cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 21/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 25/6/2015, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;

- Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòax hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 01/01/2013, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013;

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, thông qua ngày 13/11/2008, có hiệu lực từ ngày 01/7/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật số 40/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22/11/2013;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 điều 31 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

- Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hướng dẫn quy trình nuôi nghêu (Meretric lyrata);

b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;

- Quy chuẩn QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích;

- QCVN 02-37:2021/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giống động vật thân mềm.

2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1043/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Biên bản ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu.

- Biên bản ngày 10/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc khảo sát thực địa khu đất bãi bồi ven biển để thực hiện dự án nuôi nghêu tại khu vực xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Công văn số 1059/SKHĐT-TTXT ngày 09/5/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phúc đáp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

- Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc cho Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa thuê 937.500,7 m^2 đất, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thực hiện Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM

- Đề xuất dự án đầu tư ngày 20/5/2024 của Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa.

- Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường khu vực thực hiện Dự án.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

3.1. Tổ chức thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa (đơn vị chủ dự án) đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn)

thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt theo đúng quy định.

- Quá trình tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án được tóm tắt như sau:

+ Bước 1: Nghiên cứu Báo cáo đề xuất dự án đầu tư Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa, phối hợp cùng Chủ dự án nghiên cứu và đánh giá môi trường sơ bộ tại khu vực dự kiến thực hiện Dự án.

+ Bước 2: Nghiên cứu về các điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực Dự án và khảo sát thực tế tại khu vực Dự án.

+ Bước 3: Thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích và đánh giá hiện trạng môi trường khu vực Dự án và vùng xung quanh.

+ Bước 4: Căn cứ trên kết quả khảo sát, đo đạc, … thực hiện đánh giá, dự báo các tác động tiêu cực tới môi trường theo các giai đoạn thực hiện dự án.

+ Bước 5: Xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án. Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án.

+ Bước 6: Tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng (theo 03 hình thức theo đúng quy định)

+ Bước 7: Hoàn thiện báo cáo ĐTM của Dự án.

+ Bước 8: Trình Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định báo cáo ĐTM.

+ Bước 9: Hoàn chỉnh nội dung báo cáo theo biên bản Hội đồng thẩm định ĐTM.

3.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Đơn vị tư vấn lập báo cáo: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện

+ Văn phòng đại diện: Số 99C/2, đường Đồng Khởi, khóm 8, phường 6, thành phố Trà Vinh

+ Điện thoại: 0972 029 302 Email: cty.tuthien2018@gmail.com

- Đơn vị thực hiện lấy và thử nghiệm mẫu:

+ Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú

+ Địa chỉ: số 156 đường Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

+ Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, mã số VIMCERTS 292.

Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Danh sách các thành viên trực tiếp tham gia lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa bao gồm:

Bảng 1: Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo

Stt	Họ và tên	Học vị/Chức vụ	Chuyên ngành	Nội dung thực hiện	Chữ ký
A. Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa (gọi tắt là Chủ dự án)					
1	Lâm Minh Thiện	Chủ tịch HĐQT	-	- Cung cấp số liệu, tài liệu liên quan Dự án; - Duyệt nội dung báo cáo ĐTM;	
B. Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (Đơn vị tư vấn)					
I	***Chủ trì lập báo cáo ĐTM***				
1	Từ Chí Thiện	Thạc sĩ - Giám đốc	Khoa học môi trường	Kiểm soát nội dung Báo cáo	
II	***Lập báo cáo***				
1	Nguyễn Hồng Phúc	Kỹ sư - Nhân viên	Kỹ thuật môi trường	Xây dựng chuyên đề của Báo cáo	
2	Phạm Chí Linh	Thạc sĩ - Nhân viên	Quản lý tài nguyên và môi trường		
3	Châu Thị Thúy	Kỹ sư - Nhân viên			
4	Nguyễn Hoàng Nhu	Cử nhân - Nhân viên	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện tổng hợp, 2024

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

- Phương pháp thống kê: Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại khu vực thực hiện Dự án. Phương pháp được áp dụng nhằm cung cấp số liệu cho công tác đánh giá như:

+ Đánh giá hiện trạng môi trường (các thành phần môi trường, tài nguyên sinh vật) khu vực thực hiện Dự án và khu vực lân cận.

+ Thống kê được các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội xung quanh Dự án có khả năng bị tác động bởi quá trình thực hiện Dự án.

- Phương pháp đánh giá nhanh: Dùng để xác định nhanh tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải, nước thải, mức độ gây ồn, rung động phát sinh từ hoạt động của Dự án. Việc tính toán tải lượng chất ô nhiễm dựa trên hệ số ô nhiễm, cụ thể như:

+ Đối với môi trường không khí sử dụng hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa kỳ (USEPA).

+ Đối với tiếng ồn, độ rung sử dụng hệ số ô nhiễm của Ủy ban BVMT U.S và Cục đường bộ Hoa Kỳ tính toán mức độ ồn, rung của phương tiện, máy móc thiết bị thi công theo khoảng cách.

- Phương pháp nhận diện tác động: Phương pháp này được áp dụng thông qua các bước cụ thể sau đây: mô tả các thành phần môi trường; xác định các hoạt động của dự án có ảnh hưởng đến môi trường; xác định đầy đủ các dòng chất thải có liên quan, vấn đề môi trường và các yếu tố môi trường nhạy cảm để phục vụ cho việc đánh giá chi tiết.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này nhằm đánh giá chất lượng môi trường, chất lượng nước thải, tải lượng ô nhiễm,... Trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường liên quan của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường, cũng như các nghiên cứu liên quan trong Chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp điều tra, khảo sát: Mục đích của phương pháp là xác định hiện trạng khu vực thực hiện Dự án, nhằm làm cơ sở cho việc đo đạc, lấy mẫu phân tích, cũng như làm cơ sở cho việc đánh giá và đề xuất các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm, chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường.

Các phương pháp nêu trên được sử dụng từ Chương 1 đến Chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp điều tra xã hội học (tham vấn cộng đồng): Sử dụng khi làm việc với lãnh đạo và đại diện cộng đồng dân cư xã Trường Long Hòa, thị xã

Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh nhằm:

+ Cung cấp cho cộng đồng các thông tin cần thiết để hiểu rõ về Dự án, những tác động tiêu cực của việc thực hiện và những biện pháp giảm thiểu tương ứng;

+ Thông báo tới cộng đồng những lợi ích khi Dự án được thực hiện;

+ Tiếp thu ý kiến phản hồi của những cá nhân, tổ chức có khả năng bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương nơi thực hiện Dự án;

+ Điều chỉnh nội dung của báo cáo ĐTM trên cơ sở đóng góp và ý kiến của cộng đồng, cơ quan, tổ chức về Dự án, để quá trình triển khai thực hiện Dự án phù hợp với thực tế tại địa phương, giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường và đến cộng đồng.

Kết quả phương pháp này được sử dụng tại chương 5 của báo cáo.

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

a) Thông tin chung

- Tên dự án: **DỰ ÁN ĐẦU TƯ NUÔI NGHÊU THƯƠNG PHẨM TRƯỜNG LONG HÒA** *(gọi tắt là Dự án)*

- Địa điểm thực hiện: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

- Chủ dự án: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HÒA** *(gọi tắt là Chủ dự án)*

- Địa chỉ trụ sở: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

b) Phạm vi, quy mô, công suất

b.1) Phạm vi và quy mô dự án

Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa có tổng diện tích là 2.971.024,4 m^2, trong đó:

- Diện tích trong đường triều kiệt (đất bãi bồi) có tổng diện tích là 937.500,7 m^2

- Diện tích ngoài đường triều kiệt (khu vực biển) có tổng diện tích là 2.033.523,7 m^2

b.2) Công suất hoạt động của Dự án

Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa có công suất hoạt động tối đa là 2.079 tấn/vụ nuôi (trung bình 01 vụ nuôi trong khoảng 12 tháng).

c) Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

c.1) Các hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình của Dự án bao gồm: Khu vực thả nuôi nghêu; Chòi canh; Bãi neo đậu phương tiện của dự án và khu vực văn phòng điều hành dự án.

c.2) Các hoạt động của dự án

- Hoạt động xây dựng chòi canh
- Hoạt động thả nuôi nghêu thương phẩm

d) Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Căn cứ theo khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, khu vực thực hiện của Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa **không** sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, … Do đó, dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Như vậy, tại khu vực thực hiện Dự án và xung quanh khu vực dự án đều không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định hiện hành.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình triển khai xây dựng cũng như hoạt động của Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa có phát thải ra môi trường, từ đó có khả năng gây tác động đến chất lượng các thành phần môi trường trong khu vực Dự án các đối tượng xung quanh dự án, cụ thể như sau:

Bảng 2: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

TT	Hạng mục công trình và hoạt động phát sinh chất thải	Các tác động đến môi trường	
		Nguồn tác động liên quan chất thải	**Nguồn tác động không liên quan chất thải**
A	***Giai đoạn xây dựng (hạng mục 02 chòi canh)***		
1	Vận chuyển vật liệu xây dựng	- Bụi, khí thải - CTR xây dựng thông thường - Chất thải nguy hại - Nước thải xây dựng	- Tiếng ồn, độ rung - Sự cố, rủi ro + Tai nạn lao động + Tai nạn giao thông
2	Thi công xây dựng các hạng mục công trình		
3	Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng	- Nước thải sinh hoạt - CTR sinh hoạt	- An ninh trật tự khu vực
B	***Giai đoạn vận hành***		
1	Hoạt động nuôi và thu hoạch nghêu thương phẩm	- Chất thải rắn thông thường	- Sự cố môi trường - Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động
2	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt - CTR sinh hoạt - CTNH (phát sinh từ khu vực văn Phòng	- An ninh trật tự
3	Yếu tố vi khí hậu	- Chất thải rắn do sóng đánh dạt vào - Nước mưa chảy tràn	-

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

5.3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng

a) Nước thải, khí thải

a.1) Nước thải

- Nước thải xây dựng: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 0,5 m^3/ngày. Thành phần: nước thải chứa thành phần ô nhiễm chính là

chất rắn lơ lửng (TSS), hầu như không chứa các chất ô nhiễm nhóm hữu cơ, dinh dưỡng, ... các tác động từ nguồn thải này là không đáng kể.

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 0,32 m^3/ngày. Thành phần: nước thải chứa thành phần các chất ô nhiễm cao, cần được xử lý triệt để.

- Nước mưa chảy tràn: Thời gian thi công xây dựng vào tháng 7/2024, với lưu lượng mưa và thời gian mưa rất thấp.

a.2) Khí thải

- Trong quá trình thi công xây dựng các công trình của dự án, bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ: Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng.

- Thành phần: Khí thải phát sinh với hệ số ô nhiễm rất thấp; Số lượng phương tiện hoạt động rất ít và tần suất không liên tục, … nên thải lượng khí thải phát sinh từ nguồn này được dự báo là rất thấp và không gây tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại

b.1) Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn xây dựng: khối lượng phát sinh ước tính khoảng 12 kg (tương đương 0,1 tấn).

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh ước tính khoảng 02 kg/ngày.

b.2) Chất thải nguy hại (CTNH)

- Trong giai đoạn xây dựng dự án, không phát sinh chất thải nguy hại

c) Các tác động khác

- An ninh trật tự: Xảy ra những xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ công nhân hoặc công nhân với người dân địa phương. Ngoài ra, đời sống sinh hoạt của công nhân dễ phát sinh các tệ nạn xã hội.

- Tai nạn giao thông: Hoạt động của các phương tiện đường bộ vận chuyển VLXD ra vào khu vực dự án và các phương tiện di chuyển của công nhân xây dựng làm tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông đường bộ, chủ yếu trên tuyến đường như: Đường Quốc lộ 53, Nguyễn Kim và đường Nguyễn Xí, đặc biệt tại vị trí gần Trường THCS Trường Long Hòa.

- Tai nạn lao động: Trong quá trình vận chuyển VLXD từ phương tiện

vận chuyển vào khu vực thi công, có thể phát sinh sự cố đổ ngã, … từ đó gây ảnh hưởng nhất định đến sức khỏe công nhân xây dựng.

- Yếu tố môi trường nhạy cảm: Trong phạm vi khu vực dự kiến thực hiện Dự án và xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường *(theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).*

5.3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

a) Nước thải, khí thải

a.1) Nước thải sinh hoạt

- Đối với bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chòi canh,…): Lưu lượng phát sinh tối đa ước tính khoảng 1,28 m^3/ngày

- Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu): Lưu lượng phát sinh tối đa ước tính khoảng 4 m^3/ngày

a.2) Khí thải

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường bộ; Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường thủy

- Khí thải phát sinh từ nguồn này với hệ số ô nhiễm rất thấp, phát sinh trong khoảng không gian rất lớn, … nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại

b.1) Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chòi canh,…): phát sinh tối đa 8 kg/ngày

+ Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu): phát sinh tối đa 100 kg/ngày

+ Vỏ nghêu (hao hụt trong quá trình nuôi): ước tính khoảng 300 - 500 kg/tháng.

- Chất thải rắn trôi dạt vào khu vực Dự án: ước tính phát sinh tối đa khoảng 5 - 10 kg/ngày.

b.2) Chất thải nguy hại (CTNH)

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động bảo trì, sửa chữa phương tiện đường thủy; Phát sinh từ khu vực văn phòng và phát sinh từ hoạt động sửa chữa hệ thống chiếu sáng.

- Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang thải; Chất hấp thụ, giẻ lau, bị nhiễm các thành phần nguy hại; Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; Pin, ắc quy thải

- Khối lượng: ước tính khoảng 25 kg/năm

c) Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án và các phương tiện tuần tra khu nuôi.

- Độ ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông thông dụng như xe môtô và xe ôtô (loại 4 chổ, 7 chổ) có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép, nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

d) Các tác động khác

Trong giai đoạn vận hành của Dự án, có khả năng phát sinh các sự cố môi trường và rủi ro như sau:

- Sự cố nghêu chết hàng loạt: Trong trường hợp xảy ra sự sẽ phát sinh chất thải rắn với khối lượng rất lớn. Với đặc thù khu nuôi là vùng biển, nên rất khó khăn trong công tác thu gom chất thải và kiểm soát phạm vi tác động. Khối lượng chất thải phát sinh được dự báo như sau:

+ **Trường hợp 1:** Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian đầu vụ nuôi *(trong khoảng 01 – 02 tháng sau khi thả giống)*, tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 133,5 tấn.

+ **Trường hợp 2:** Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian cuối vụ nuôi *(trong khoảng 01 – 02 tháng chuẩn bị thu hoạch)*, tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 623,7 tấn.

- Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại): phát sinh sự cố hư hỏng như sụt lún, vỡ hầm, sự cố quá tải, từ đó phát sinh nước thải sinh hoạt chưa xử lý ra môi trường.

- Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu:

+ Phát sinh va chạm giữa phương tiện của dự án và các phương tiện di chuyển trong khu vực.

+ Phát sinh sự cố do kỹ năng xử lý tình huống của người điều khiển phương tiện chưa cao, không mặc áo phao, … dẫn đến sự cố lật tàu/ghe và sự số đuối nước.

+ Vào khoảng thời gian thu hoạch, gia tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông đường thủy.

+ Ngoài ra, khi phát sinh sự cố va chạm giữa các phương tiện sẽ kéo theo phát sinh sự cố tràn dầu.

- An ninh trật tự: Phát sinh xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ lao động, phát sinh các tệ nạn xã hội. Phát sinh tai nạn giao thông trên các tuyến đường phương tiện di chuyển qua (chủ yếu là tuyến đường Quốc lộ 53, Nguyễn Kim và đường Nguyễn Xí).

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a.1) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải xây dựng: Tự ngấm xuống bãi cát, không bố trí các công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải này.

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng, khu vực chòi canh 2 (chòi canh hiện hữu) phục vụ nhu cầu tiêu/tiểu của công nhân xây dựng.

a.2) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, bụi

- Thực hiện kế hoạch thi công và bố trí nhân sự hợp lý.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng.

- Phương tiện vận chuyển VLXD: Phải có dụng cụ che kín thùng xe (vải bạc), đảm bảo không phát sinh bụi và vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

b) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa (loại 12 lít). Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực *(trên tuyến đường Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa)*. Tần suất tối thiểu 01

lần/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Thu gom và cung cấp cho cơ sở thu mua phế liệu. Tại thời điểm lập báo cáo, chất thải đã được xử lý triệt để.

c) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Chỉ sử dụng lao động tại địa phương, ưu tiên lao động lành nghề.

- Có kế hoạch vận chuyển các loại VLXD từ đơn vị cung cấp đến công trường hợp lý.

- Phương tiện vận chuyển VLXD bằng đường bộ đảm bảo không vượt quá tải trọng cho phép của các tuyến đường phương tiện di chuyển qua.

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực.

- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

- Nhìn chung, trong suốt giai đoạn xây dựng dự án, không ghi nhận các vấn đề về mất an ninh trật tự khu vực và hoàn toàn không phát sinh các sự cố tai nạn lao động và tai nạn giao thông.

5.4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a.1) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Xây dựng hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: 03 hầm, với tổng thể tích ước tính khoảng 33,75 m^3

- Biện pháp xử lý bùn dư: Định ký thuê đơn vị hút và xử lý đúng quy định. Tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, khuyến khích lao động sinh hoạt, nghỉ giữa ca tại gia đình, quán ăn, hạn chế tập trung sinh hoạt tại khu vực Dự án.

a.2) Nước mưa chảy tràn

- Thùng chứa CTRSH được bố trí trong khu vực chòi canh, không bố trí ngoài trời.

- Thực hiện thu gom triệt để CTRSH khu vực dự án và chất thải do sóng đánh dạt vào khu vực dự án, hạn chế tối đa rác thải bị nước biển hoặc nước mưa

cuốn trôi và phát tán ra khu vực biển.

a.3) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải, bụi

- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho công nhân, lao động làm việc tại Dự án, hạn chế phương tiện di chuyển trên khu vực bãi bồi.

- Thực hiện kiểm tra, sửa chữa các phương tiện giao thông thủy, đảm bảo các phương tiện luôn đạt mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thực hiện vệ sinh khu vực sân bãi, khu vực bãi đỗ xe bố trí tại khu vực văn phòng.

b) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

b.1) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 08 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng; 01 thùng nhựa, thể tích 60 lít/thùng, có nắp đậy kín. Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực *(trên tuyến đường Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa)*. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn thông thường: Thực hiện thu gom, đóng bao và tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực *(trên tuyến đường Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa).*

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

b.2) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- Khu vực lưu chứa: với diện tích khoảng 1m^2, bố trí tại kho chứa trong Khu vực văn phòng của Dự án.

- Bố trí thiết bị thu gom, lưu chứa CTNH: 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít

- Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Trong trường hợp lưu chứa CTNH trên 01 năm, thực hiện báo cáo kịp thời đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

c.1) Đối với tiếng ồn

- Tất cả các phương tiện phải đảm bảo yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện giao thông (thuộc quyền sở hữu của dự án).

- Đảm bảo thời gian hoạt động trong ngày, hạn chế hoạt động vào thời gian nghỉ trưa, giờ cao điểm.

c.2) Sự cố nghêu chết hàng loạt

- Phương án phòng ngừa phát sinh sự cố: thực hiện theo Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hướng dẫn quy trình nuôi nghêu (Meretric lyrata), Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và Văn bản số 1453/TCTS-NTTS ngày 27/7/2018 của Tổng Cục Thủy sản về hướng dẫn, quản lý nuôi trồng thủy sản bền vững.

- Phương án ứng phó và khắc phục sự cố:

+ Tiến hành báo cáo tới các cơ quan chức năng như Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, .

+ Thực hiện xác định nguyên nhân sự cố: Phối hợp với đơn vị đủ chức năng để lấy và phân tích mẫu bệnh phẩm, mẫu môi trường.

+ Thực hiện thu hoạch nhanh chóng, kịp thời đối với nghêu đạt kích cỡ thương phẩm.

+ Thực hiện thu gom, tiêu hủy vỏ nghêu theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, …

c.3) Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại)

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại) được xây dựng đảm bảo đạt TCVN 10334:2014

- Thực hiện đầy đủ công tác hút bùn thải.

c.4) Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu

- Nhân viên điều khiển phương tiện giao thông thủy phải đảm bảo đủ trình độ vận hành, sử dụng phương tiện; có khả năng bơi tốt, …

- Phương tiện giao thông thủy chỉ hoạt động trong phạm vi vùng biển thuộc dự án.

- Bố trí đầy đủ áo phao, phao cứu sinh, … trên mỗi phương tiện, bố trí

biển báo nguy hiểm ngoài khu vực biển.

- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi (tại khu vực chòi canh), khi có phương tiện đang hoạt động ngoài khu vực biển.

- Bố trí phao vây dầu trên trên mỗi phương tiện.

- Đối với hoạt động thu hoạch:

+ Cần thực hiện khi triều kiệt, đảm bảo hoàn thành trước khi bắt đầu thủy triều lên, … đảm bảo người lao động ra khỏi khu vực Dự án khi thủy triều lên.

+ Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đúng tải trọng.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố, khẩn trương báo cáo sự số đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, … để được hướng dẫn và hỗ trợ khắc phục sự cố.

- Thực hiện khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có).

c.5) An ninh trật tự

- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với lao động ngoài địa phương, phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại dự án.

- Không bố trí khu vực sinh hoạt (ăn uống, nghỉ qua đêm, …) cho lao động thời vụ.

- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trung tâm y tế, trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của đơn vị thi công

5.5.1. Giai đoạn xây dựng

Tại thời điểm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa, đã hoàn thành giai đoạn xây dựng. Do đó, chủ dự án không đề xuất thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn này

5.5.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát chất lượng nước biển ven bờ

- Số lượng: 02 mẫu

- Vị trí giám sát: 01 vị trí ngoài đường triều kiệt (ký hiệu: NB_{vb})

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: pH, Độ muối, DO, TSS, NH_4^+ (tính theo N), Dầu

mỡ khoáng, Fe và tổng Coliform

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển:

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái biển.

b) Giám sát chất lượng trầm tích

- Số lượng: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong đường triều kiệt (ký hiệu: TT)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: As, Cu, Pb, Cr, Fe, As
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích – Cột Trầm tích nước mặn, nước lợ

Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

ĐẦU TƯ NUÔI NGHÊU THƯƠNG PHẨM TRƯỜNG LONG HÒA *(gọi tắt là Dự án)*

1.1.2. Thông tin về chủ dự án

- Tên chủ dự án: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HÒA** *(gọi tắt là Chủ dự án)*

- Địa chỉ trụ sở: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

- Người đại diện theo pháp luật: ông Lâm Minh Thiện. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Điện thoại: 0367 369823

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 2100663646, đăng ký lần đầu ngày 16/12/2020, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 23/11/2023

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Tiến hành các thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư, các thủ tục môi trường: từ tháng 3 đến tháng 11/2024

+ Tiến hành mua trang thiết bị và xây dựng chòi canh: Tháng 7, 8/2024

+ Đưa dự án đi vào hoạt động: Tháng 12/2024

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

- Địa điểm dự kiến thực hiện Dự án: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bao gồm khu vực đất bãi bồi và khu vực biển. Tứ cận tiếp giáp của các khu vực cụ thể như sau:

+ Khu vực trong đường triều kiệt (đất bãi bồi) (ký hiệu: Khu A1 và A3), tọa lạc tại các thửa đất số 24 và 26, cùng tờ bản đồ số 8, với tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp khu vực biển thuộc Dự án
- Phía Tây giáp rừng phòng hộ (thuộc địa phận ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh)
- Phía Nam giáp Khu vực lắp đặt cầu dẫn thuộc Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh

- Phía Bắc giáp khu vực nuôi nghêu của Hợp tác xã Phương Đông

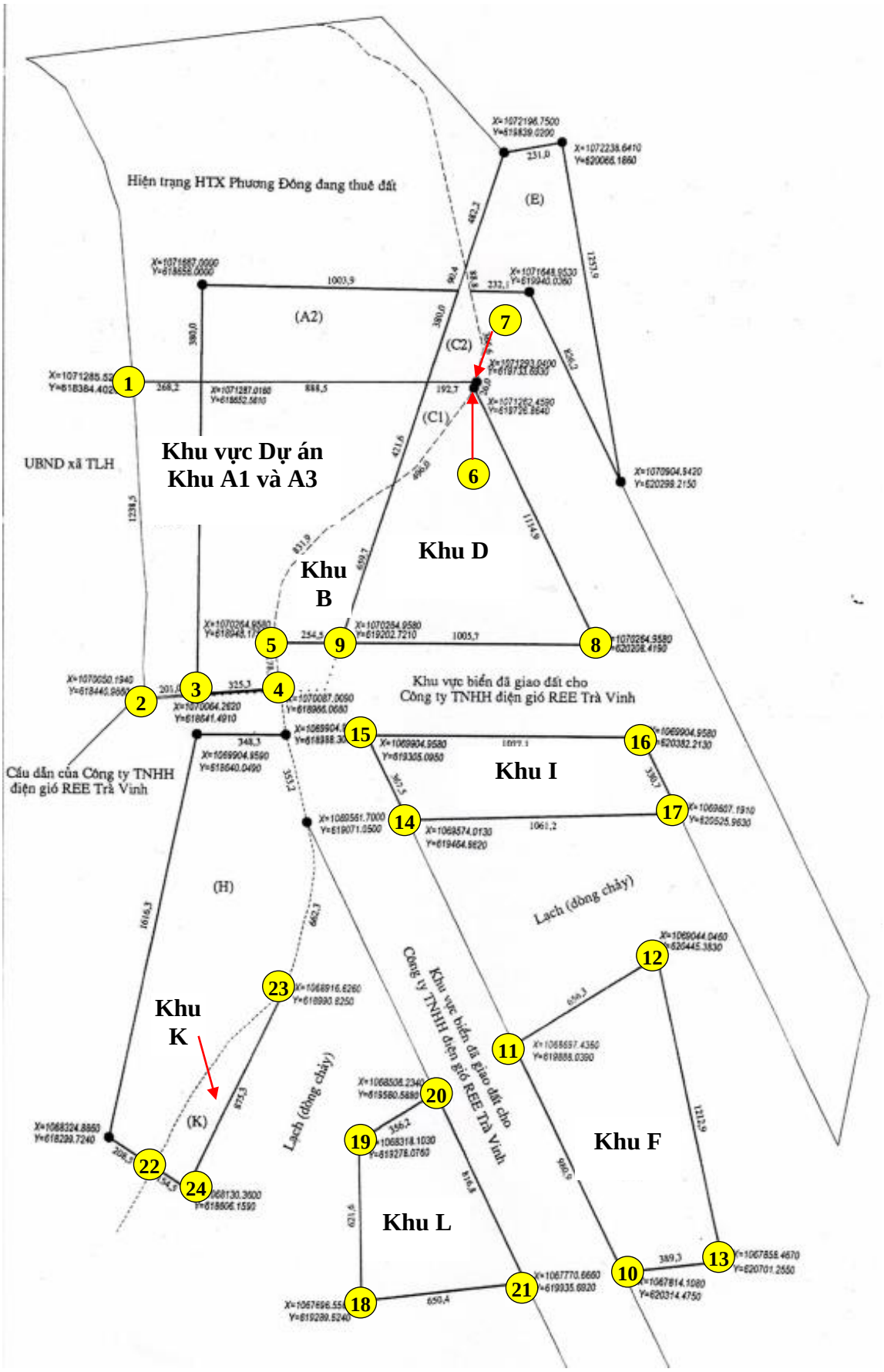
+ Khu vực ngoài đường triều kiệt (khu vực biển) (ký hiệu: Khu B, D, F, I, L, K):

- Phía Đông giáp biển và khu vực lắp đặt turbine thuộc Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh
- Phía Tây giáp khu vực đất bãi bồi (trong đó bao gồm khu đất bãi bồi thuộc dự án)
- Phía Nam giáp biển và khu vực lắp đặt turbine thuộc Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh
- Phía Bắc giáp khu vực nuôi nghêu của Hợp tác xã Phương Đông

Vị trí khu đất dự kiến thực hiện Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa được thể hiện khái quát trong các sơ đồ sau:



Hình 1: Ảnh vệ tinh vị trí thực hiện dự án



Hình 2: Sơ đồ các điểm góc giới hạn khu đất dự kiến thực hiện Dự án

Vị trí khu vực thực hiện dự án được giới hạn bởi các điểm có tọa độ *(Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0$30', múi chiếu 3 độ)* như sau:

Bảng 3: Tọa độ vị trí thực hiện dự án

Điểm góc giới hạn	**Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0$30', múi chiếu 3 độ**	
	X (m)	**Y (m)**
A. Khu vực trong đường triều kiệt (đất bãi bồi: Khu A1 và A3)		
1	1071 285	618 384
2	1070 050	618 440
3	1070 064	618 641
4	1070 087	618 966
5	1070 264	618 948
6	1071 262	619 726
7	1071 293	619 733
B. Khu vực ngoài đường triều kiệt (khu vực biển: Khu B, D, F, I, L, K)		
Khu B, D		
5	1070 264	618 948
6	1071 262	619 726
8	1070 264	620 208
9	1070 264	619 202
Khu F		
10	1067 814	620 314
11	1068 697	619 888
12	1069 044	620 445
13	1067 858	620 701
Khu I		
14	1069 574	619 464
15	1069 904	619 305
16	1069 904	620 382
17	1069 607	620 525
Khu L		

Điểm góc giới hạn	**Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0$30', múi chiếu 3 độ**	
	X (m)	**Y (m)**
18	1067 696	619 289
19	1068 318	619 278
20	1068 506	619 580
21	1067 770	619 935
Khu K		
22	1068 213	618 475
23	1068 916	618 990
24	1068 130	618 606

Nguồn: Sơ đồ khu đất, kèm them Biên bản khảo sát hiện trạng ngày 10/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

Khu vực thực hiện Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa bao gồm khu vực đất bãi bồi và khu vực biển, trong đó:

- Khu vực trong đường triều kiệt (đất bãi bồi): Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải, diện tích đất bãi bồi thực hiện Dự án thuộc Đất nuôi trồng thủy sản; Tại thời điểm lập báo cáo, Chủ dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 25/7/2024.

- Khu vực ngoài đường triều kiệt (khu vực biển): Theo Phương án phân bổ và khoanh đất các chỉ tiêu sử dụng đất Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Chính phủ và Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải, diện tích khu vực biển thực hiện Dự án thuộc Đất mặt nước ven biển; tại thời điểm lập báo cáo khu vực này đo Trung tâm phát triển Quỹ đất quản lý, Chủ dự án đang thực hiện các thủ tục xin thuê khu vực biển.

Tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận vị trí thực hiện Dự án tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1043/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 14/6/2024.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Khu vực thực hiện Dự án nằm hoàn toàn trong vùng đất bãi bồi, khu

vực biển, nên hoàn toàn không tiếp giáp với khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Theo kết quả khảo sát hiện trạng khu vực thực hiện dự án, khu vực xung quanh dự án và theo quy định tại c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thì Dự án không tiếp giáp với khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội xung quanh khu vực thực hiện Dự án:

+ Đối với khu vực biển: Dự án tiếp giáp với Khu vực lắp đặt turbine gió trên biển thuộc Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh; tiếp giáp với khu vực nuôi nghêu do Hợp tác xã Phương Đông làm chủ đầu tư, nên trong quá trình hoạt động của Dự án có thể bị tác động bởi các đối tượng này.

Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động của Dự án bị tác động trực tiếp của chế độ thủy văn/thủy triều biển Đông.

+ Đối với khu vực đất bãi bồi: Dự án tiếp giáp với rừng phòng hộ *(thuộc địa phận ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh)*

Ngoài ra, Dự án tiếp giáp với khu vực nuôi nghêu do Hợp tác xã Phương Đông làm chủ đầu tư, cách Công ty CP thủy sản Thông Thuận Trà Vinh khoảng 200m, nên hoạt động của dự án có thể bị tác động bởi các hoạt động phát thải từ 02 đối tượng này hoặc ngược lại.





Hình 3: Hiện trạng xung quanh khu vực dự án

1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

a) Mục tiêu của dự án

- Tận dụng lợi thế, tiềm năng diện tích mặt nước, đất bãi bồi ven biển để phát triển nuôi nghêu thương phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Giải quyết việc làm và góp phần nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho lao động địa phương.

- Góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương thông qua các hoạt động đóng thuế..

b) Loại hình của dự án

- Căn cứ theo khoản 3 điều 10 Luật Đầu tư công, Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa thuộc dự án Nhóm C.

- Căn cứ theo tiểu mục 8 mục II phục lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án thuộc nhóm II.

- Loại dự án: Đầu tư mới.

- Loại hình của Dự án: Nuôi trồng thủy sản (nghêu thương phẩm) theo hình thức thả nuôi tự nhiên

c) Quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

- Quy mô của dự án: Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa có tổng diện tích là 2.971.024,4 m^2, trong đó:

+ Diện tích trong đường triều kiệt (đất bãi bồi) có tổng diện tích là 937.500,7 m^2

+ Diện tích ngoài đường triều kiệt (khu vực biển) có tổng diện tích là 2.033.523,7 m^2

Quy mô, diện tích các khu vực đất bãi bồi và khu vực biển thuộc Dự án được thống kê trong bảng sau:

Bảng 4: Quy mô Dự án

STT	Ký hiệu khu đất/khu vực biển	Diện tích (m^2)	Hiện trạng quản lý
A	***Khu đất bãi bồi***	***937.500,7***	
1	Khu A1	658.335,6	Chủ dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 25/7/2024
2	Khu A3	279.165,1	
B	***Khu vực biển***	***2.033.523,7***	
1	Khu B	142.345,0	- Trung tâm phát triển Quỹ đất quản lý - Chủ dự án đang thực hiện các thủ tục xin thuê khu vực biển.
2	Khu D	556.940,2	
3	Khu F	555.016,4	
4	Khu I	338.598,3	
5	Khu L	345.897,6	
6	Khu K	94.726,2	
Tổng cộng		***2.971.024,4***	

Nguồn: Biên bản khảo sát hiện trạng ngày 10/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường

- Công suất hoạt động của Dự án: Công suất tối đa là 2.079 tấn/vụ nuôi (trung bình 01 vụ nuôi trong khoảng 12 tháng).

- Công nghệ sản xuất của Dự án: Nuôi trồng thủy sản (nghêu thương phẩm) theo hình thức thả nuôi tự nhiên, không cung cấp thức ăn và sử dụng hóa chất trong quá trình nuôi.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 5: Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

STT	Các hạng mục công trình	Quy mô (m^2)	Các hoạt động	Chất thải phát sinh
1	Diện tích nuôi nghêu thương phẩm	2.970.976,4	Nuôi nghêu thương phẩm	Chất thải rắn thông thường
2	Chòi canh (04 chòi canh, với diện tích mỗi chòi khoảng 12 m^2)	48	Khu vực sinh hoạt của công nhân viên	- Nước thải sinh hoạt - Chất thải rắn thông thường - CTNH
3	Khu vực văn phòng (khu vực thuê, không nằm trong khu đất của Dự án)	200	- Khu vực văn phòng điều hành Dự án - Khu vực sinh hoạt của công nhân viên	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024



Hình 4: 04 chòi canh hiện hữu tại khu vực Dự án

1.2.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường được đầu tư xây dựng tại Dự án bao gồm:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt bố trí tại khu vực chòi canh và văn phòng. Số lượng: 01 hầm/vị trí cụ thể như sau:

+ Tại khu vực chòi canh 2: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m

+ Tại khu vực chòi canh 4: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m

+ Tại Khu vực văn phòng: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3,5m x 2,5m x 1,8m

- Công trình thu gom CTR sinh hoạt: Thùng chứa rác (loại thùng nhựa 12 lít, có nắp đậy) bố trí tại khu vực chòi canh và văn phòng.

- Công trình thu gom CTNH: Bố trí 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít, có nắp đậy

- Công trình ứng phó sự cố: Phao cứu sinh, áo phao, … bố trí tại các phương tiện và tại chòi canh.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nhu cầu về nguyên, nhiên liệu

- Nhu cầu về con giống: Nghêu giống cung cấp cho 01 vụ nuôi ước tính khoảng: 445 tấn/vụ

- Nhu cầu về nhiên liệu: Dự án sử dụng dầu DO để vận hành các phương tiện tuần tra, quản lý bãi nuôi, … với định mức tiêu thụ tối đa khoảng 50 - 100 lít/tháng.

1.3.2. Nhu cầu về sử dụng thức ăn, hóa chất

Hoạt động nuôi nghêu tại Dự án hoàn toàn không sử dụng thức ăn và hóa chất xử lý nước, …

1.3.3. Nhu cầu về sử dụng điện

- Hoạt động nuôi nghêu tại Dự án hoàn toàn không sử dụng điện năng.

- Nhu cầu sử dụng điện năng chủ yếu tại khu vực các chòi canh và văn phòng, với nhu cầu sử dụng khoảng 300 - 500 Kwh/tháng

(Định mức sử dụng điện theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng)

1.3.4. Nhu cầu về sử dụng nước

- Mục đích sử dụng: Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên tại các chòi canh và văn phòng

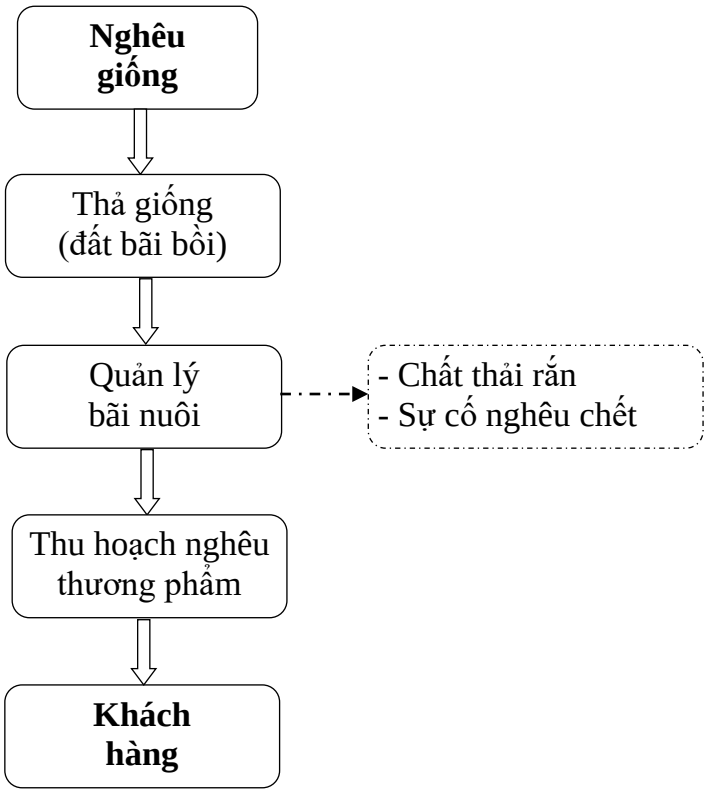
- Lưu lượng nước tiêu thụ: nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành của Dự án được tính theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, cụ thể như sau: Áp dụng định mức sử dụng tối đa 80 lít/người/ngày và với 20 công nhân viên làm việc tại Dự án (lao động thường xuyên), thì nhu cầu sử dụng nước tối đa khoảng 1,6 m^3/ngày đêm.

Riêng đối với lao động thời vụ (làm việc trong khoảng thời gian thu hoạch), Chủ dự án không bố trí khu vực sinh hoạt nên hầu như không sử dụng nước tại khu vực Dự án.

- Nguồn cung cấp: Trung tâm nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn tỉnh Trà Vinh

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

- Quy trình nuôi nghêu thương phẩm của Dự án được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 5: Quy trình nuôi nghêu thương phẩm

**** Thuyết minh quy trình***

- Nghêu giống: Chọn nghêu giống có kích cỡ đồng đều, màu sắc sáng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, không lẫn tạp vật, không bị nhiễm bệnh, có mùi tanh tự nhiên. Trường hợp chuyển giống nghêu ở nơi khác về nuôi, đóng bao khoảng 10kg/bao, dùng bao bì thấm nước, nên chuyển vào sáng sớm hay chiều mát, tránh mưa (đảm bảo thời gian vận chuyển từ lúc thu mua đến lúc thả giống không quá 16 giờ).

- Thả giống: Trước khi xuống giống cần phải thuần hóa nhiệt độ cho nghêu giống thích nghi dần với nhiệt độ bên ngoài từ 15 - 20 phút.

+ Các yếu tố môi trường cơ bản: Nhiệt độ: 28 - 32^{0}C; Độ mặn: 15 -25 ‰; Hàm lượng oxy hòa tan: 4 - 6mg/1; pH: 7 - 8.

+ Thời vụ thả nuôi: Nghêu có thể thả nuôi quanh năm và phụ thuộc vào nguồn giống. Khuyến cáo thời gian thả giống tốt nhất nên tập trung vào tháng 8 - 12 dương lịch để tránh thời tiết nắng nóng, gây thiệt hại cho nghêu.

+ Cách thả giống: Nghêu giống được rải đều trên mặt bãi. Thả giống lúc thủy triều đang lên và lúc triều chưa rút cạn, triều xuống thả ở chỗ nước sâu 10cm để nghêu có thể vùi mình ngay sau khi thả, không thả giống lúc phơi bãi.

- Chăm sóc và quản lý: Sau khi thả giống 15 ngày, chờ thủy triều xuống tiến hành kiểm tra tỷ lệ vùi cát của nghêu, trên cơ sở đó xác định tỷ lệ sống để có kế hoạch thả giống bổ sung cho phù hợp.

+ Thường xuyên theo dõi biến động mặt bãi cũng như lượng phù sa bồi lắng để có hướng khắc phục kịp thời.

+ Kiểm tra các mối nguy có thể ảnh hưởng đến quá trình phát triển của nghêu nuôi như: Nhiệt độ, độ mặn, ảnh hưởng của sóng, gió,...

+ Tiến hành san lấp các chỗ trũng đọng nước trên mặt bãi để tránh hiện tượng nhiệt độ tăng cao cục bộ.

+ Theo dõi dịch hại: Khi triều xuống thường xuyên kiểm tra và thu gom, bắt ốc xanh.

+ Trong quá trình nuôi, nghêu có khuynh hướng di chuyển ra ngoài và chúng thường tập trung ở khu vực phía dưới của hướng dòng chảy, cho nên thường xuyên theo dõi khi mật độ nghêu tập trung thì phải cào và rải đều trở lại. Việc cào vén, san thưa được thực hiện lúc thủy triều xuống và công việc phải hoàn thành trước khi phơi bãi. Việc cào vén san thưa phải hạn chế, chỉ thực hiện khi cần thiết, không thực hiện lúc bãi khô và nhiệt độ cao.

- Thu hoạch: Cỡ thu tốt nhất 50 - 60 con/kg. Nghêu có chất lượng thịt tốt nhất vào tháng 4 - 7 (dương lịch), cần thu nghêu thịt vào lúc triều rút, lúc này chúng đã ăn no, thải các vật thừa trong vỏ, chỉ giữ lại nước nên thịt nghêu rất sạch, ngược lại thu lúc triều lên nghêu thường ngậm cát, chất lượng thịt giảm khi chế biến.

- Nuôi nghêu theo hình thức thả nuôi tự nhiên và không cung cấp thức ăn, hóa chất trong quá trình nuôi, nên không phát sinh các loại chất thải (rắn, lỏng, …) trong quá trình nuôi.

- Tuy nhiên, trong trường hợp phát sinh sự cố nghêu chết đồng loạt, sẽ phát sinh chất thải rắn với khối lượng lớn và có khả năng gây ô nhiễm môi trường tại khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

- Đặc điểm đặc trưng của giai đoạn xây dựng Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa là không đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quá trình nuôi nghêu thương phẩm.

- Trong giai đoạn xây dựng, Dự án chỉ đầu tư xây dựng mới 02 chòi canh (với tổng diện tích khoảng 12 m^2/chòi). Do đó, khối lượng công việc trong giai đoạn này rất ít và được thực hiện trong thời gian ngắn.

- Bên cạnh đó, các chòi canh được xây dựng bằng vật liệu bán kiên cố (nhà tiền chế dạng mái và vách tole, nền lót gạch vỉa hè) nên khối lượng công việc trong giai đoạn xây dựng là rất thấp.

- Biện pháp thi công xây dựng: Thực hiện xây dựng lần lượt từng chòi canh. Thi công bằng phương pháp thủ công, hầu như không sử dụng đến các phương tiện cơ giới.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Tiến độ thực hiện dự án: Thời gian thực hiện Dự án dự kiến trong khoảng 09 tháng (từ tháng 3/2024 đến hết tháng 11/2024) và bắt đầu vận hành Dự án từ tháng 12/2024, cụ thể như sau:

Bảng 6: Tiến độ thực hiện Dự án

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian							
		3/ 2024	…	….	9/ 2024	10/ 2024	11/ 2024	12/ 2024	01/ 2025
1	Thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư, các	-----	-----	-----	-----	-----	----- →		

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian							
		3/ 2024	…	….	9/ 2024	10/ 2024	11/ 2024	12/ 2024	01/ 2025
	thủ tục môi trường								
2	Xây dựng cơ bản		----►						
3	Dự án đi vào hoạt động							----►	

- Thời hạn hoạt động của Dự án: 05 năm (được tính từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

1.6.2. Tổng mức đầu tư dự án

Tổng vốn đầu tư của Dự án là 25.000.000.000 đồng *(bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng*

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

- Giai đoạn xây dựng: Chủ dự án thuê lao động địa phương xây dựng 02 chòi canh, với số lượng nhân công khoảng 10 người.

- Giai đoạn vận hành: Tùy theo từng giai đoạn phát triển của vật nuôi, chủ dự án bố trí nhân công phù hợp với thực tế, qua đó góp phần giảm chi phí đầu tư và giảm phát thải ra môi trường, cụ thể như sau:

+ Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chòi canh,…): 20 người

+ Bộ phận lao động thời vụ (thu hoạch nghêu): 500 người (làm việc theo ca, 04h/ca và trung bình 10 ngày/tháng)

Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

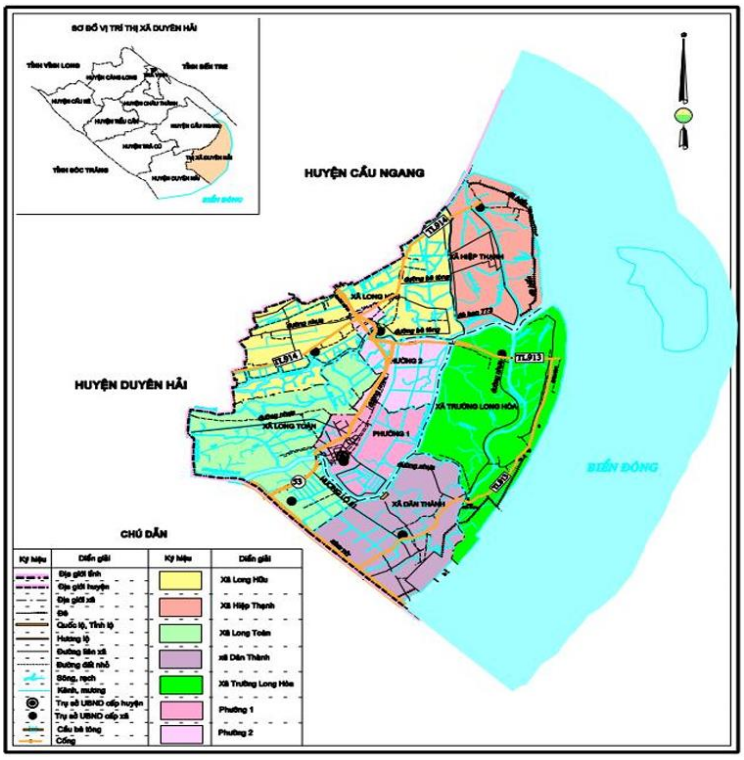
Thị xã Duyên Hải được thành lập theo Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải. Thị xã nằm về phía Nam của tỉnh Trà Vinh, giữa cửa Cung Hầu và Kênh đào Trà Vinh, có địa giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp với Biển Đông;

- Phía Tây và Nam giáp với huyện Duyên Hải;

- Phía Bắc giáp huyện Cầu Ngang.

Thị xã có tổng diện tích tự nhiên là 19.340,39 ha, có 07 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 02 phường và 05 xã (phường 1, phường 2, xã Dân Thành, xã Hiệp Thạnh, xã Long Toàn, xã Long Hữu, xã Trường Long Hòa). Là địa phương có vị trí tiếp giáp trực tiếp với Biển Đông và cửa sông Tiền nên thị xã có tiềm năng, lợi thế rất lớn cho giao thông đường thủy, có đủ điều kiện để phát triển trở thành một điểm trung chuyển đường thủy quốc tế.



Hình 6: Sơ đồ vị trí địa lý thị xã Duyên Hải

b) Địa hình

- Thị xã Duyên Hải có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng ven biển với những giồng cát hình cánh cung chạy dài theo hướng song song với bờ biển. Những giồng cát chủ yếu như: giồng Long Hữu, giồng Long Toàn, giồng Hiệp Thạnh - Trường Long Hòa và rãi rác ven bờ biển.

- Nhìn chung địa hình thị xã khá thấp và tương đối bằng phẳng với cao trình bình quân phổ biến từ 0,4m - 1,2m. Tuy nhiên, do hệ thống sông rạch chằng chịt và sự phân cắt bởi những giồng cát làm cho địa hình mang tính đa dạng và phức tạp.

c) Khí hậu

- Nhiệt độ: Nhiệt độ 06 tháng đầu năm 2023 biến động nhẹ, tăng dần về các tháng cuối năm và dự báo nhiệt độ trung bình năm 2023 tăng so với các năm 2020, 2021 và 2022. Số liệu quan trắc tại Trạm Càng Long cho thấy nhiệt độ trung bình thấp nhất 25,2^{o}C vào tháng 01/2021 và cao nhất là 29,7^{o}C vào tháng 5/2020. Sự phân chia 04 mùa trong năm không rõ chủ yếu là mùa mưa và nắng.

Bảng 7: Nhiệt độ trung bình tháng (^{0}C)

Năm / Tháng	2020	2021	2022	2023
1	26,2	**25,2**	26,3	26,2
2	26,6	25,4	27,4	26,4
3	27,8	27,7	28	26,8
4	29	28,4	28,4	29,2
5	**29,7**	28,5	27,8	28,8
6	27,9	27,9	28,2	28,2
7	27,7	27,2	27	27,3
8	27,9	27,7	27,2	28,4
9	27,7	27	27,2	27,2
10	26,6	27,1	26,9	27,5
11	27,4	27,3	26,8	27,8
12	26,5	26,4	26,3	-
Trung bình năm	***27,58***	***27,15***	***27,29***	***27,62***

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 2022, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh năm 2023)

- Số giờ nắng: Diễn biến qua các năm, số giờ nắng trong tháng có sự biến động giữa các năm và từ năm 2021 có xu hướng tăng dần. Ngoài ra, các tháng 3 và 4 trong năm đều có số giờ nắng cao nhất.

Bảng 8: Số giờ nắng trung bình tháng (giờ)

Năm / Tháng	2020	2021	2022	2023
1	280,2	194,4	245,6	160,0
2	267,1	215,5	237,9	198,2
3	**282,6**	277,7	277,1	274,8
4	266,3	224,2	236,4	242,3
5	240,3	198,7	152,1	186,0
6	163,7	199,2	223,4	174,7
7	183,4	149,7	150,9	130,0
8	175,9	185,4	174	213,1
9	174,4	149	142,3	126,6
10	**126,4**	156,5	139,7	169,3
11	201	158,6	155,6	188,0
12	177,1	198	204,2	-
Trung bình năm	***211,53***	***192,24***	***194,93***	***187,55***

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 2022, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh năm 2023)

- **Lượng mưa:** Lượng mưa trung bình các tháng phân hóa mạnh theo thời gian, chủ yếu tập trung vào mùa mưa (tháng 5 đến tháng 10). Mưa trái mùa thường xuyên xuất hiện với lượng mưa trung bình từ 0,8 - 102,8 mm trong các tháng mùa khô (tháng 11 đến hết tháng 4 năm sau).

Bảng 9: Lượng mưa trung bình tháng (mm)

Năm / Tháng	2020	2021	2022	2023
1	0,8	1,8	1,1	31,8
2	-	0	9,5	9,9
3	-	0	24,7	-
4	30,4	102,8	90,8	33,5

Năm / Tháng	2020	2021	2022	2023
5	125,5	204	193,9	194,4
6	231	245,6	132	152,9
7	302	237,8	267,7	289,5
8	108,7	192,8	303,2	91,5
9	140,7	180,2	248,5	276,2
10	268	162,7	271,7	250,7
11	116,5	302,7	277,9	144,3
12	31,7	3,8	12,7	-
Trung bình năm	***135,53***	***136,18***	***152,81***	***147,47***

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm trung bình của các năm dao động ở mức 74 - 90%.

Bảng 10: Độ ẩm tương đối trung bình tháng (%)

Năm / Tháng	2020	2021	2022	2023
1	77	82	88	82
2	74	82	80	81
3	77	79	80	78
4	77	83	82	81
5	81	87	88	86
6	88	88	86	88
7	86	89	89	89
8	86	88	88	87
9	84	90	88	90
10	90	89	88	89
11	85	87	89	83
12	84	83	83	-
Trung bình năm	***82,42***	***85,58***	***85,75***	***84,91***

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 2022, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh năm 2023)

d) Thủy văn

Do nằm sát biển nên thị xã Duyên Hải chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ triều biển Đông với chế độ bán nhật triều (nước lên - xuống 2 lần/ngày), biên độ triều khá cao và có lưu lượng chảy mạnh thông qua hệ thống sông, rạch, kênh chằng chịt như sông Thâu Râu, sông Ba Động, sông Long Toàn, kênh Tắt,… chi phối toàn bộ lượng nước cho hệ thống sông rạch trên địa bàn các xã. Đây là các sông chính chảy theo hướng từ Đông - Tây phân bố nguồn nước trên toàn thị xã.

e) Hải văn

- Vùng biển Nam Bộ có chế độ bán nhật triều có cường suất lớn nhất Việt Nam. Độ lớn dao động mực nước triều đạt 2 m → 4 m ngày. Độ lớn triều phân bố không đồng đều theo không gian.

- Thủy triều: Tỉnh Trà Vinh chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ bán nhật triều biển Đông qua các cửa sông Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An và kênh Tắt, sông Long Toàn.

- Thủy triều trong ngày có hai lần nước lên và hai lần nước xuống, cao độ mức nước của hai đỉnh triều và hai chân triều không bằng nhau. Sự chênh lệch giữa đỉnh cao và chân thấp trong ngày có thể đạt trên 4,0 m. Thủy triều có đặc điểm sau:

+ Trong một ngày đêm có 2 lần triều lên và 2 lần triều xuống, hình thành đỉnh và chân triều không đều nhau. Biên độ triều hàng ngày đạt khoảng 2,9 m đến 3,4 m. Một pha triều dao động có thời gian 12,4 giờ, chu kỳ ngày đêm khoảng 24,8 giờ.

+ Mỗi tháng có 2 kỳ triều cường (vào ngày 1 và ngày 15 âm lịch) và 2 kỳ triều kém (vào ngày 7 và 23 âm lịch).

+ Trong năm, thủy triều lớn nhất vào tháng 12 và tháng 1 năm sau và yếu nhất vào tháng 6, 7.

+ Ảnh hưởng của thủy triều chủ yếu là vùng ven biển, giảm dần từ biển vào sâu trong nội địa.

(Nguồn: Báo cáo Dự án Điều tra, nghiên cứu, lập bản đồ tọa độ các khu vực an toàn trên biển, các khu vực tránh sóng, tránh bão khu vực biển tỉnh Trà Vinh, 2023)

f) Tài nguyên biển

- Khai thác hải sản: Thị xã có chiều dài bờ biển 24 km với cửa sông lớn là Cung Hầu, đủ điều kiện cho các loại tàu có công suất lớn neo đậu, ra vào

thuận tiện; cho phép hoạt động khai thác hải sản diễn ra quanh năm với sản lượng ổn định. Diện tích ngư trường khai thác lên tới 45.536 hải lý vuông với nhiều bãi cá, tôm, mực tự nhiên; trữ lượng thủy hải sản có khả năng khai thác từ 65.000 - 70.000 tấn/năm, với nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao như cá ngừ, cá hồng, cá thu, cá chim, mực, tôm,... tạo tiềm năng lớn cho việc phát triển ngành khai thác, chế biến hải sản của địa phương.

- Nuôi trồng thủy sản: Với diện tích đất có khả năng đưa vào nuôi trồng thủy sản lớn (đất mặn - lợ ven biển cửa sông, đất bãi bồi ven biển) nếu được quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ nuôi trồng thủy hải sản, thì hoàn toàn có thể khai thác, phát huy các tiềm năng để phát triển mạnh lĩnh vực nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi trồng các loại thủy hải sản nước mặn - lợ có hiệu quả kinh tế cao như tôm, cua, nghêu, sò huyết,...

- Nuôi nghêu: Năm 2021, toàn tỉnh có 7 hợp tác xã và tổ hợp tác nuôi nghêu hoạt động; Giai đoạn 2018 2023, tại tỉnh Trà Vinh, Trung tâm ICAFIS phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy sản và HTX nuôi nghêu Thành Công (xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang), HTX nuôi nghêu nông nghiệp Long Thành và HTX nuôi nghêu - sò Tiến Thành (xã Long Hòa, huyện Châu Thành) cùng thực hiện các tiêu chí của chứng nhận ASC cho nghề nuôi nghêu. Đến 2023, nghề nuôi nghêu Trà Vinh đã đạt được chứng nhận tiêu chuẩn ASC với tổng diện tích 433 ha của 03 HTX: Thành Công 200 ha, Tiến Thành 193 ha, Long Thành 40 ha. Tỉnh Trà Vinh là địa phương thứ 3 của Việt Nam và là vùng nuôi nghêu thứ 3 trên thế giới được chứng nhận ASC *(Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh, 2023)*

g) Tài nguyên rừng

- Thị xã có 2.211,35 ha đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất. Rừng trên địa bàn thị xã là rừng ngập mặn hình thành ở vùng ven biển và cửa sông, thuộc vùng sinh thái trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long, có giá trị nhiều mặt về phòng hộ cũng như về kinh tế.

- Rừng giúp cải thiện môi trường đất, nước trong các khu nuôi thủy sản thông qua việc trồng rừng trên các bờ liếp/bờ xáng sẽ góp phần làm giảm quá trình phèn hóa và rửa trôi trên mặt liếp/bờ, giảm biên độ nhiệt giữa ngày và đêm, hạn chế cường độ bức xạ của ánh nắng mặt trời. Ngoài ra, rừng còn có tác dụng bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thủy hải sản với vai trò vừa là nguồn cung cấp thức ăn vừa là nơi cư trú, dung dưỡng của các loài thủy hải sản sống trong vùng ngập mặn và ven biển.

(nguồn: Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024,

thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh)

2.1.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án

Đặc trưng của loại hình nuôi nghêu thương phẩm hoàn toàn không phát sinh nước thải. Nên trong quá trình hoạt động của dự án không gây các tác động tiêu cực, sức ép đến chất lượng môi trường nước biển ven bờ khu vực thực hiện dự án.

2.1.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội

a) Điều kiện kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất ước đạt: 5.541 tỷ đồng, ước đạt 53,11% so Kế hoạch năm 2024, giảm 9,81% so cùng kỳ, trong đó:

+ Khu vực I ước đạt: 1.553 tỷ đồng, đạt 42,57% KH, giảm 29,34% so cùng kỳ.

+ Khu vực II ước đạt: 1.655 tỷ đồng, đạt 51,72% KH, giảm 11,97 % so cùng kỳ.

+ Khu vực III ước đạt: 2.333 tỷ đồng, đạt 65,08% KH, tăng 12,93% so cùng kỳ.

- Tỷ trọng giá trị sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp - thủy sản chiếm 28,02%, công nghiệp - xây dựng chiếm 29,87% và thương mại - dịch vụ chiếm 42,15%. Cơ cấu sản xuất lĩnh vực nông, lâm, thủy sản giảm 7,75% so cùng kỳ (từ 35,77% xuống còn 28%), lĩnh vực công nghiệp - xây dựng giảm 0,73% so cùng kỳ (từ 30,60% xuống còn 29,87%), lĩnh vực thương mại dịch vụ tăng 8,52% (từ 33,63 tăng lên 42,15%) so với cùng kỳ.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt: 877 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư doanh nghiệp 190 tỷ đồng; vốn đầu tư nhà nước 207 tỷ đồng; vốn đầu tư trong dân 480 tỷ đồng) đạt 53,47% kế hoạch.

b) Điều kiện xã hội

b.1) Lao động, việc làm

- Dân số thị xã Duyên Hải có khoảng 49.069 người (Trong đó: Nữ 24.408 người; nam 24.661 người; dân số thành thị 16.652 người và nông thôn là 32.417 người). Mật độ dân số trung bình khoảng 254 người/km^2. Sự phân bố dân cư trên địa bàn không đồng đều, chủ yếu tập trung tại trung tâm thị xã, trung tâm hành chánh của các xã, phường và dọc các tuyến giao thông thủy, bộ.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, đưa 27/20 lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài đạt 135% kế hoạch; đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp và kết nối giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo, kết quả đạt khá.

b.2) Về tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

- Tổng kinh phí 2024: 5,173 tỷ đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2,682 tỷ đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 2,491 tỷ đồng.

+ Tổng số dư chuyển nguồn sang năm 2024: 2,044 tỷ đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1,104 tỷ đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 0,940 tỷ đồng.

+ Kinh phí giao trong năm 2024: 3,128 tỷ đồng, trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1,578 tỷ đồng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 1,550 tỷ đồng.

- Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024: đã giải ngân được 0,126 tỷ đồng, đơn vị, địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện.

b.3) Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

- Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội lồng ghép vốn ngân sách nhà nước xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, ưu tiên các xã đăng ký xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Nhìn chung, đời sống vật chất - tinh thần của Nhân dân được nâng lên, cảnh quan môi trường có nhiều khởi sắc theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp, an ninh trật tự được đảm bảo, hệ thống chính trị được củng cố theo hướng trong sạch, vững mạnh.

- Đến nay, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch 7.891 hộ/9.377 hộ nông thôn đạt 84,15%, so kế hoạch đạt 101,75% (kế hoạch 82,7%).

- Hoàn thiện và bổ sung hồ sơ xét công nhận xã Long Hữu đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu; xã Hiệp Thạnh xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao qua kiểm tra đạt 18/19 tiêu chí (tiểu tiêu chí 2.4 về đường trục chính nội đồng chưa đạt), xây dựng ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phường 1, Phường 2 xây dựng phường đô thị văn minh. Đến nay (Phường 1 đạt 52/52 tiêu chí, tổ chức họp triển khai chuẩn bị hồ sơ cho công tác công nhận phường đô thị văn minh; Phường 2 đạt 49/52 tiêu chí, còn 03 tiêu chí chưa đạt).

- Vận động 12 cơ sở đăng ký 14 sản phẩm tham gia chương trình OCOP đang hỗ trợ xây dựng hồ sơ (ước 6 tháng xây dựng 08 sản phẩm đạt 266,6%)

(nguồn: Báo cáo số 333/BC-UBND ngày 10/6/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2024)

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

a) Dữ liệu về hiện trạng môi trường

- Nguồn dữ liệu: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh đợt tháng 3/2024

- Thành phần môi trường: nước biển ven bờ, với 02 vị trí lấy mẫu cụ thể như sau:

+ Khu du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hoà, thị xã Duyên Hải (ký hiệu: B_1)

+ Khu vực Cảng biển, thị xã Duyên Hải (ký hiệu: B_7)

Bảng 11: Dữ liệu kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước biển ven bờ

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 10: 2023/BTNMT
			B_1	B_7	
1	pH	-	7,22	7,11	6,5-8,5
2	Độ đục	NTU	81	178	-
3	Độ muối	‰	39,5	41,8	-
4	DO	mg/L	6,26	6,59	≥ 5
5	TSS	mg/L	33,3	**148,1**	50
6	Sulfua (tính theo S^{2-})	mg/L	0,05	0,05	-
7	NH_4^+ (tính theo N)	mg/L	0,085	KPH	0,1
8	PO_4^{3-} (tính theo P)	mg/L	0,02	0,03	0,2
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	0,5	KPH	5,0
10	As	mg/L	0,0017	0,0032	0,02
11	Hg	mg/L	<0,00024	<0,00024	0,0005

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 10: 2023/BTNMT
			B_1	B_7	
12	Fe	mg/L	0,28	**1,21**	0,5
13	Cr	mg/L	<0,015	0,03	0,1
14	Zn	mg/L	<0,09	<0,09	0,1
15	Cd	mg/L	<0,00075	<0,00075	0,005
16	Cu	mg/L	<0,03	<0,03	0,02
17	Phenol	mg/L	<0,0009	<0,0009	0,03
18	Hóa chất bảo vệ thực vật DDT_s)	µg/L	<0,09	<0,09	1,0
19	Coliform	MPN/100mL	$2,3.10^1$	$2,4.10^2$	1.000

(nguồn: Báo cáo số 95/BC-TTKT ngày 12/06/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

Theo dữ liệu kết quả quan trắc cho thấy, nước biển ven bờ tại 02 vị trí quan trắc nói riêng và khu vực thị xã Duyên Hải nói chung có chất lượng khá tốt, đa số các thông số quan trắc đều đạt QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển. Riêng một vài thông số vượt nhẹ so với quy chuẩn như: TSS, Fe tại vị trí B_7

b) Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường

Nhằm có cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường nền khu vực thực hiện dự án và hiện trạng các thành phần môi trường tiếp nhận nguồn thải phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa đã phối hợp với đơn vị tư vấn và đơn vị có chức năng thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường. Công tác thực hiện, vị trí và thời gian thực hiện cụ thể như sau:

Bảng 12: Thông tin chung về công tác đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Ngày lấy mẫu	Toạ độ lấy mẫu	
				X	Y
A	***Không khí xung quanh***				
1	Bờ biển cách dự án khoảng 2km	Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO_2, NO_2, CO	17/7/2024	1069 265	618 357
B	***Nước biển ven bờ***				

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Ngày lấy mẫu	Toạ độ lấy mẫu	
				X	Y
1	01 vị trí trong đường triều kiệt (ký hiệu: NB.01)	pH, DO, TSS, Coliform, Amoni, Phosphate, Fe, dầu mỡ khoáng	17/7/2024	1068 678	618 888
2	01 vị trí ngoài đường triều kiệt (ký hiệu: NB.02)		17/7/2024	1067 630	620 039
C	***Trầm tích***				
1	01 vị trí ngoài đường triều kiệt	As, Pb, Cu, Cr, Fe, Hg	17/7/2024	1067 628	620 042

Đơn vị thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu:

- Công ty Cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

+ Địa chỉ liên lạc: 156 Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

+ Quyết định số 218/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.



Hình 7: Hình ảnh công tác lấy mẫu quan trắc hiện trạng môi trường

- Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu hiện trạng môi trường được thể hiện trong các bảng sau:

b.1) Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường nước biển ven bờ

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và 2)
			NB.01	NB.01	
1	pH	-	7,32	7,36	**6,5 ÷ 8,5**
2	DO	mg/L	6,42	6,5	**≥ 5**
3	TSS	mg/L	KPH	KPH	**50**
4	NH_4^+- N	mg/L	**0,76**	**0,68**	**0,1**
5	PO_4^{3-} -P	mg/L	**0,22**	<0,03	**0,2**
6	Fe	mg/L	**0,658**	**1,986**	**0,5**
7	Coliform	MPN/ 100mL	KPH	KPH	**1.000**
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	**5,0**

Ghi chú: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển:

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ, nhằm mục đích bảo vệ môi trường sống dưới nước, áp dụng so sánh đối với các thông số ph, DO, TSS và Coliform

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ, nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái biển, áp dụng so sánh đối với các thông số quan trắc như NH_4^+- N, PO_4^{3-} -P, Fe và Tổng dầu, mỡ khoáng

Theo kết quả quan trắc cho thấy, nước biển tại các vị trí quan trắc có chất lượng khá tốt, đa số các thông số quan trắc đều đạt QCVN 10:2023/BTNMT (bảng 1 và 2). Riêng các thông số NH_4^+- N, PO_4^{3-} -P và Fe vượt nhẹ so với giới hạn cho phép.

Nhìn chung, hoạt động nuôi nghêu của Dự án hầu như không gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển ven bờ, nhưng quá trình sinh trưởng, phát triển của nghêu bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chất lượng nước biển ven bờ. Do đó, chủ dự án cần có chương trình, kế hoạch quan trắc nước biển ven bờ hoặc theo dõi kết quả quan trắc do các cơ quan chức năng thực hiện, từ đó có các biện pháp ứng phó kịp thời trước diễn biến bất thường của môi trường (nếu có).

b.2) Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí xung quanh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	52,4	**70**(*)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	130	**300**
3	NO_2	µg/Nm^3	47	**200**
4	SO_2	µg/Nm^3	45	**350**
5	CO	µg/Nm^3	< 9.000	**30.000**

Ghi chú: Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (giá trị trung bình 1 giờ).

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

Theo kết quả quan trắc cho thấy, không khí xung quanh khu vực thực hiện Dự án có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT

b.3) Kết quả quan trắc trầm tích

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43:2017/BTNMT
				Trầm tích nước mặn, nước lợ
1	Hg	mg/kg	KPH	**0,7**
2	Cu	mg/kg	<1,9	**108**
3	Cr	mg/kg	KPH	**160**
4	Pb	mg/kg	KPH	**112**
5	Fe	mg/kg	22,327	**-**
6	Asen	mg/kg	KPH	**41,6**

Ghi chú: QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích – Cột trầm tích nước mặn, nước lợ.

Mẫu trầm tích tại vị trí quan trắc có chất lượng tốt, 06/06 thông số quan trắc đều đạt QCVN 43:2017/BTNMT (Cột trầm tích nước mặn, nước lợ), đặc

biệt có 05/06 thông số quan trắc đều có giá trị là không phát hiện (KPH).

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

a) Dữ liệu hiện trạng đa dạng sinh học

- Động vật phù du: Thành phần loài động vật phù du được tìm thấy khoảng 48 giống loài phân bố theo các ngành Prorozoa; bộ Cladocera 75 loài trong đó ngành Arthropoda có số lượng nhiều nhất.

- Động vật đáy: Thành phần loài động vật đáy (Zoobenthos) vùng cửa sông và ven biển Trà Vinh kém phong phú, chỉ tìm thấy 73 loài.

- Giáp xác: Đã xác định được 109 loài có ý nghĩa sinh thái và kinh tế thuộc 06 họ và 30 loài bao gồm: Họ tôm He hay tôm biển (Penaeidae) xác định được 18 loài; Họ tôm Càng (Palaemonidae) xác định được 1 loài; Họ tôm Lân (Alpheidae) có 1 loài; Họ tôm Tít (Squillidae) có 1 loài; Họ Moi, Ruốc (Sergestidae) xác định được 6 loài; Nhóm cua xác định được 3 loài trong họ cua Bơi (Portunidae). Trong đó cua Xanh (Scyllaserrate) và ghẹ Xanh (Portunus pelagicus), ghạ Ba Châm (Portunussanguinoletus); nhóm Còng (Grapsidae): rất phong phú về số lượng.

- Nhuyễn thể: Đã xác định được 70 loài, trong đó, lớp chân bụng 30 loài, chân đầu 10 loài, hai mảnh vỏ 40 loài. Trong các loài 2 mảnh vỏ nghêu (Meretrix lyrata) và Sò Huyết (Anadata granosa) là hai đối tượng có giá trị kinh tế và có số lượng lớn.

- Khu hệ cá biển/lợ: Theo các kết quả nghiên cứu, hệ cá biển/lợ được xác định có tổng cộng 211 loài cá thuộc 58 họ.

(nguồn: Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, được ban hành kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 07/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

- Hệ sinh thái rừng ngập mặn tại khu vực rừng phòng hộ lân cận khu vực thực hiện Dự án: Ở phía biển, đai rừng có loài Mấm trắng (Avicennia alba) chiếm ưu thế, đây là kiểu rừng khá phổ biến ở Trà Vinh. Đai rừng của các loài cây ngập mặn tham gia hiện diện ở phía sau khu vực ảnh hưởng của thủy triều với các loài như Tra nhớt (Hibiscus tiliaceous) và Tra bồ đề (Thespesia populnea) và một số loài khác. Loài cây thấp và mọc dày như Lức ấn (Pluchea indica) hay Ô rô (Acanthus ilicifolius), Ráng đại (Acrostichum spp.), cây bò trườn như Ngọc nữ biển (Clerodendrum inerme).

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn xây dựng

- Khối lượng công việc trong giai đoạn xây dựng rất nhỏ, thời gian thi công ngắn, … nên không phát sinh các tác động tiêu cực đến chất lượng các thành phần môi trường.

- Khu vực thực hiện dự án không tiếp giáp với khu dân cư, các công trình trọng điểm của địa phương, …. nên hoàn toàn không gây tác động đến các đối tượng này.

2.3.2. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn vận hành

- Trong giai đoạn vận hành dự án có phát sinh chất thải từ 02 nguồn chính là:

(1) Chất thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án;

(2) Chất thải phát sinh từ quá trình nuôi nghêu, tuy nhiên đây là nguồn thải không liên tục, chỉ phát sinh khi phát sinh sự cố nghêu chết đồng loạt.

- Như vậy, trong giai đoạn vận hành có phát thải ra môi trường, từ đó có khả năng gây ảnh hưởng đến các đối tượng như:

+ Môi trường tiếp nhận nước thải sinh hoạt

+ Công trình thu gom CTR sinh hoạt tại địa phương

+ Hoạt động nuôi trồng thủy sản lân cận khu vực dự án

2.3.3. Nhận dạng yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

- Tại khu vực thực hiện dự án: Căn cứ theo khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, khu vực thực hiện của dự án **không** sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, … Do đó, dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Khu vực thực hiện Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa bao gồm đất bãi bồi và khu vực biển và hoàn toàn phụ hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, với quy hoạch sử dụng đất, … cụ thể như sau:

- Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 01/12/2021.

- Phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Duyên Hải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

- Phù hợp với Phương án phân bổ và khoanh đất các chỉ tiêu sử dụng đất Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023 của Chính phủ.

Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa không thực hiện xây dựng các hạng mục công trình, hạ tầng tại khu nuôi nghêu nên không phát sinh chất thải và các tác động môi trường từ nguồn này.

- Trong giai đoạn này, dự án triển khai thi công xây dựng 02 chòi canh, quy mô xây dựng khoảng 12 m^2/chòi, với kết cấu vật liệu chủ yếu là dạng nhà tiền chế và hầu như không sử dụng các loại phương tiện cơ giới trong quá trình xây dựng.

- Do đó, thải lượng chất thải rất thấp và các tác động môi trường trong giai đoạn này có quy mô tác động không đáng kể, phạm vi tác động nhỏ.

- Ngoài ra, tại thời điểm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án đã xây dựng hoàn thiện các chòi canh, do đó nội dung Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng chỉ thống kê lại các nguồn thải đã phát sinh và các biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện, cụ thể như sau:

3.1.1. Đánh giá các tác động

a) Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

a.1) Tác động do nước thải

a.1.1) Nước thải xây dựng

- Nguồn phát sinh: Nước thải phát sinh từ quá trình tưới nền công trình, rửa vật liệu xây dựng, … phần lớn nước thải phát sinh từ nguồn này tự thấm xuống bãi cát.

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ nguồn này ước tính khoảng 0,5 m^3/ngày

Về quy mô tác động: Lưu lượng nước thải xây dựng phát sinh rất thấp, không liên tục, nước thải chứa thành phần ô nhiễm chính là chất rắn lơ lửng (TSS), hầu như không chứa các chất ô nhiễm nhóm hữu cơ, dinh dưỡng, ... các tác động từ nguồn thải này là không đáng kể.

Về đối tượng tác động: Môi trường đất cát tại khu vực công trường

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (đã hoàn thành xây dựng trong tháng 7/2024, với thời gian xây dựng chỉ trong khoảng 10 ngày làm việc)

a.1.2) Nước thải sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các công nhân xây dựng.

- *Quy mô nguồn thải:* Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được tính theo công thức sau: $\boldsymbol{NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 80\%}$

Trong đó:

+ NT_{sh}: Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+ $N_{đm}$: Định mức nước sinh hoạt, theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc tại công trường với thời gian tối đa 08h/ngày, nên định mức nước sinh hoạt lấy 40 lít/người/ngày.

+ n: Số công nhân xây (tối đa là 10 người).

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80 % lưu lượng nước cấp.

- Như vậy lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này ước tính khoảng 0,32 m^3/ngày.

Về quy mô tác động: Nhìn chung, lưu lượng nước thải phát sinh rất thấp, trong thời gian ngắn, nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là rất thấp.

Về không gian tác động: Khu vực thi công dự án và khu vực xung quanh Dự án.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (đã hoàn thành xây dựng trong tháng 7/2024, với thời gian xây dựng chỉ trong khoảng 10 ngày làm việc).

a.1.3) Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực xây dựng phụ thuộc vào chế độ mưa của khu vực. Tính chất của nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào chất lượng mặt bằng rửa trôi. Do đó, nước mưa chảy tràn có thể bị ô nhiễm do cuốn vật liệu xây dựng, rác thải và các chất thải khác trên bề mặt sân bãi, … từ đó phát tán chất thải ra khu vực xung quanh Dự án.

- Nước mưa được quy ước là nước sạch nếu không tiếp xúc với các nguồn ô nhiễm như: Nước thải, chất thải rắn, đất bị ô nhiễm,… sẽ được dẫn thải

trực tiếp ra môi trường.

Về quy mô tác động: Với diện tích xây dựng rất nhỏ, khối lượng vật tư được tập kết tại công trường rất ít và chất thải phát sinh cũng rất ít, … nên hầu như không phát sinh vấn đề nước mưa chảy tràn bị nhiễm bẩn do mặt bằng, do đó các tác động do nước mưa chảy tràn được đánh giá là rất thấp.

Về thời gian tác động: Nước mưa chảy tràn chỉ ảnh hưởng trong khoảng thời gian xuất hiện mưa lớn và trong thời gian kéo dài.

a.2) Tác động do bụi, khí thải

- Trong giai đoạn xây dựng dự án, phát sinh bụi và khí thải chủ yếu từ phương tiện vận chuyển vật tư xây dựng bằng đường bộ

- Ngoài ra, trong quá trình thi công không sử dụng các phương tiện cơ giới, hoạt động đào đắp nền công trình, móng cột với quy mô rất nhỏ, do đó bụi phát sinh từ các nguồn này không đáng kể.

- Thải lượng của nguồn phát sinh khí thải và quy mô, đối tượng bị tác động cụ thể như sau:

* *Tác động do bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng bằng đường bộ*

- Quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển sẽ phát sinh ra bụi và một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm chủ yếu bao gồm: bụi lơ lửng, SO_2, NO_x, CO, THC.

- Trong một ngày có tối đa khoảng 04 lượt phương tiện ra vào khu vực thi công (trong đó: 02 lượt vận chuyển có tải và 02 lượt vận chuyển không tải). Vậy tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ nguồn này được dự báo và thể hiện trong bảng sau:

Bảng 13: Dự báo tải lượng khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển

STT	**Chất ô nhiễm**	**Điều kiện vận chuyển**	**Hệ số ô nhiễm** *(g/xe.km)*	**Lượt xe** *(xe/ngày)*	**Tải lượng ô nhiễm** *(g/km.ngày)*
1	Bụi	Chạy có tải	1,190	2	2,38
		Chạy không tải	0,611	2	1,22
2	SO_2	Chạy có tải	0,786	2	1,57
		Chạy không tải	0,582	2	1,16
3	NO_x	Chạy có tải	2,960	2	5,92
		Chạy không tải	1,620	2	3,24

STT	Chất ô nhiễm	Điều kiện vận chuyển	Hệ số ô nhiễm *(g/xe.km)*	Lượt xe *(xe/ngày)*	Tải lượng ô nhiễm *(g/km.ngày)*
4	CO	Chạy có tải	1,780	2	3,56
		Chạy không tải	0,913	2	1,83
5	VOC	Chạy có tải	1,270	2	2,54
		Chạy không tải	0,511	2	1,02

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, năm 2024

** Ghi chú: Hệ số ô nhiễm tham khảo theo WHO, Rapid inventory techique in environmental control, năm 1993*

Về quy mô tác động: Bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển (đường bộ) là các nguồn thải di động, phân tán theo chiều dài của đoạn đường vận chuyển. Do đó, tác động từ nguồn này được đánh giá là thấp và hầu như không gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Về không gian tác động: Trong khu vực thi công xây dựng và tuyến đường phương tiện di chuyển qua (chủ yếu trên các tuyến đường như: Đường Quốc lộ 53, Nguyễn Kim và đường Nguyễn Xí).

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong quá trình hoạt động của phương tiện (đã hoàn thành xây dựng trong tháng 7/2024, với thời gian xây dựng chỉ trong khoảng 10 ngày làm việc).

a.3) Tác động do chất thải rắn xây dựng

- Hiện trạng khu vực thực hiện xây dựng chòi canh là đất bãi bồi, đất trống, không có công trình xây dựng và thảm thực vật. Do đó, không thực hiện tháo dỡ công trình xây dựng và phát quang thảm thực vật, … nên không phát sinh chất thải từ nguồn này.

- Theo số liệu tham khảo tại Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn, Nguyễn Văn Phước, NXB Xây dựng năm 2008 và số liệu tham khảo từ các công trình xây dựng tương tự, khối lượng CTRXD phát sinh tại công trường ước tính khoảng 0,5 kg/m^2.

Với tổng diện tích xây dựng là 24 m^2, thì khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh ước tính khoảng 12 kg (tương đương 0,012 tấn).

Thành phần chủ yếu bao gồm: Các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng như tole vụn, bao bì chứa vật liệu xây dựng, ...

Về quy mô, phạm vi và đối tượng bị tác động: Các loại chất thải rắn phát

sinh trong giai đoạn xây dựng với khối lượng rất thấp, nên hoàn toàn không tác động đến môi trường, chỉ tác động đến hoạt động thi công tại khu vực xây dựng và mức độ tác động được đánh giá là không đáng kể.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (đã hoàn thành xây dựng trong tháng 7/2024, với thời gian xây dựng chỉ trong khoảng 10 ngày làm việc)

a.4) Tác động do chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt CTRSH)

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng, dự kiến tối đa là 10 người.

- *Quy mô nguồn thải:* khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = W \text{ (người)} * 0,2 \text{ (kg/người.ngày)}$$

Trong đó:

+ M_{CTRSH}: khối lượng chất thải rắn phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ W: Số công nhân xây dựng 10 người

+ Định mức phát sinh CTRSH: Căn cứ theo số liệu quy định tại Bảng 2.23 của QCVN 01:2021/BXD, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người-ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc trung bình 08 giờ/ngày (01 ca/ngày), không bố trí khu vực sinh hoạt tại công trường, … nên CTR sinh hoạt phát sinh với khối lượng rất thấp, ước tính tối đa khoảng 0,2 kg/người-ngày.

+ Như vậy khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này tối đa là 2 kg/ngày.

- *Tính chất nguồn thải:* CTRSH có thành phần chủ yếu là bao bì chứa thức ăn (hộp giấy, hộp nhựa, chai nhựa, túi nilong, …), thành phần chất hữu cơ rất thấp (chủ yếu là thức ăn thừa).

Về không gian tác động: Chất thải phát sinh với khối lượng rất thấp, thời gian phát sinh ngắn, nên phạm vi tác động chủ yếu tại khu vực sinh hoạt của công nhân.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn xây dựng Dự án (đã hoàn thành xây dựng trong tháng 7/2024, với thời gian xây dựng chỉ trong khoảng 10 ngày làm việc).

a.5) Tác động do chất thải nguy hại

Trong giai đoạn xây dựng dự án, hoàn toàn không phát sinh các loại chất

thải nguy hại.

b) Các tác động môi trường không liên quan đến chất thải

b.1) Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư

Khu vực đất bãi bồi dự kiến thực hiện Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa có hiện trạng đất trống, không có công trình xây dựng, nhà ở, nên trong giai đoạn này không thực hiện công tác di dân, tái định cư, do đó sẽ không phát sinh tác động từ vấn đề này.

b.2) Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn xây dựng Dự án, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng và phương tiện đi lại của công nhân xây dựng.

- Tuy nhiên, các phương tiện được sử dụng có tải trọng nhỏ (khoảng 2 tấn đối với phương tiện đường bộ), tần suất hoạt động rất thấp, không thường xuyên, … nên các tác động do tiếng ồn là không đáng kể.

b.3) An ninh trật tự, tai nạn giao thông và lao động

- An ninh trật tự: Xảy ra những xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ công nhân hoặc công nhân với người dân địa phương. Ngoài ra, đời sống sinh hoạt của công nhân dễ phát sinh các tệ nạn xã hội.

- Tai nạn giao thông: Hoạt động của các phương tiện đường bộ vận chuyển VLXD ra vào khu vực dự án và các phương tiện di chuyển của công nhân xây dựng làm tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông đường bộ, chủ yếu trên tuyến đường như: Đường Quốc lộ 53, Nguyễn Kim và đường Nguyễn Xí, đặc biệt tại vị trí gần Trường THCS Trường Long Hòa.

- Tai nạn lao động: Hoạt động xây dựng dự án không sử dụng phương tiên cơ giới (máy đào, máy đóng cọc, …), nên không phát sinh tại nạn lao động từ nguồn này. Tuy nhiên, trong quá trình vận chuyển VLXD từ phương tiện vận chuyển vào khu vực thi công, có thể phát sinh sự cố đổ ngã, … từ đó gây ảnh hưởng nhất định đến sức khỏe công nhân xây dựng.

Nhìn chung, quy mô công trình xây dựng rất nhỏ, thời gian thi công rất ngắn và số lượng công nhân xây dựng tập trung tại công trường tương đối thấp, … do đó, các sự cố, rủi ro, cũng như các vấn đề về an ninh trật tự hoàn toàn không phát sinh trong giai đoạn xây dựng.

b.4) Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử -

văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác

- Trong giai đoạn này, không thực hiện phát quang thảm thực vật, chất thải phát sinh trong giai đoạn này với thải lượng rất thấp và dự án không tiếp giáp với các công trình di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, … nên quá trình thi công xây dựng hoàn toàn không gây tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa.

- Yếu tố môi trường nhạy cảm: Trong phạm vi khu vực dự kiến thực hiện Dự án và xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường *(theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 28 Luật bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).*

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

a) Đối với nước thải

a.1) Công trình thu gom, xử lý nước thải xây dựng

Nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng với lưu lượng rất thấp, phần lớn tự ngấm xuống bãi cát, đơn vị thi công không bố trí các công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải này.

a.2) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Các biện pháp và công trình xử lý nước thải sinh hoạt đã được áp dụng trong giai đoạn xây dựng dự án bao gồm:

- Bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng, khu vực chòi canh 2 (chòi canh hiện hữu) phục vụ nhu cầu tiêu/tiểu của công nhân xây dựng.

- Tại 02 khu vực này đã bố trí 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt là hầm tự hoại, đã đảm bảo xử lý triệt để nước thải phát sinh, cụ thể như sau:

+ Tại khu vực chòi canh 2: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m

+ Tại Khu vực văn phòng: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3,5m x 2,5m x 1,8m

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, qua đó giảm thiểu được lưu lượng nước thải phát sinh tại khu vực công trường.

- Khuyến khích công nhân ăn uống, nghỉ trưa tại các cửa hàng, quán ăn, nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh nước thải tại khu vực xây dựng Dự án.

- Song song đó, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể công nhân xây dựng.

- Đơn vị thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường:

+ Đơn vị thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trên.

+ Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện, đồng thời hỗ trợ bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng của Dự án.

➔ *Đánh giá hiệu quả, tính khả thi của các công trình xử lý nước thải:* Các biện pháp phù hợp với hiện trạng khu vực dự án, năng lực của đơn vị thi công nên có tính khả thi, hiệu quả cao và đảm bảo xử lý triệt để nguồn thải.

b.3) Nước mưa chảy tràn

Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn, giảm thiểu nước mưa bị ô nhiễm do mặt bằng rửa trôi:

- Thùng chứa CTRSH có nắp đậy kín, thực hiện thu gom, tập kết CTRSH vào thùng chứa rác công cộng sau mỗi ngày làm việc;

- Kiểm soát chặt chẽ các khu vực tập kết CTR xây dựng và thực hiện thu gom, xử lý triệt để chất thải phát sinh, …. đảm bảo nước mưa chảy tràn không bị ô nhiễm do tiếp xúc với chất thải hoặc cuốn trôi chất thải ra môi trường.

b) Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

b.1) Chất thải rắn sinh hoạt

- Công trình thu gom CTRSH: Bố trí 02 thùng chứa (loại 12 lít, có nắp đậy kín) tại khu vực thi công xây dựng, nhằm thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh.

- Biện pháp xử lý: Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực *(trên tuyến đường Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa)*. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện đóng phí thu gom chất thải theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của công nhân xây dựng. Nghiêm cấm hành vi vứt rác không đúng nơi quy định hoặc vứt ra khu vực lân cận dự án.

- Khuyến khích công nhân xây dựng ăn uống, nghỉ trưa tại các cửa hàng, quán ăn, nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực xây

dựng Dự án.

- Ngoài ra, CTRSH phát sinh trong giai đoạn xây dựng Dự án với khối lượng rất thấp, nên không gây ảnh hưởng hoặc gây quá tải tại các thùng rác công cộng trong khu vực.

b.2) Chất thải rắn xây dựng

Thu gom và cung cấp cho cơ sở thu mua phế liệu. Tại thời điểm lập báo cáo, chất thải đã được xử lý triệt để.

➔ *Đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn:* Các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn có hiệu quả xử lý cao, đáp ứng được các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phạm vi áp dụng: Trong khu vực công trường xây dựng dự án.

Đơn vị thực hiện:

+ Đơn vị thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý CTR.

+ Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện trong suốt giai đoạn này.

c) Đối với bụi, khí thải

- Thực hiện kế hoạch thi công và bố trí nhân sự hợp lý.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng.
- Phương tiện vận chuyển VLXD: Phải có dụng cụ che kín thùng xe (vải bạc), đảm bảo không phát sinh bụi và vật liệu xây dựng rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

➔ *Hiệu quả của các giải pháp đã được áp dụng:* Đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh Dự án đạt yêu cầu theo quy định tại: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

Về không gian và thời gian áp dụng: Áp dụng tại khu vực thi công trong suốt giai đoạn xây dựng.

Đơn vị thực hiện: Đơn vị thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện và Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện.

d) An ninh trật tự, tai nạn giao thông và lao động

- Chỉ sử dụng lao động tại địa phương, ưu tiên lao động lành nghề, nhằm đảm bảo tiến độ thi công xây dựng, chất lượng công trình và giảm thiểu tối đa các rủi ro, sự cố tai nạn lao động.

- Có kế hoạch vận chuyển các loại VLXD từ đơn vị cung cấp đến công trường như: Khối lượng VLXD cần sử dụng trong ngày, số chuyến hoạt động trong ngày, tải trọng phương tiện vận chuyển, … từ đó giúp đơn vị thi công kiểm soát được các tác động phát sinh từ nguồn này.

- Phương tiện vận chuyển VLXD bằng đường bộ đảm bảo không vượt quá tải trọng cho phép của các tuyến đường phương tiện di chuyển qua, từ đó giảm thiểu tối đa sự cố sụt lún, hư hỏng tuyến đường giao thông.

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực.

- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

Nhìn chung, trong suốt giai đoạn xây dựng dự án, không ghi nhận các vấn đề về mất an ninh trật tự khu vực và hoàn toàn không phát sinh các sự cố tai nạn lao động và tai nạn giao thông.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

a) Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải

a.1) Tác động do nước thải

a.1.1) Nước thải sinh hoạt

* *Đối với bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chòi canh,…)*

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 20 nhân viên làm việc tại dự án

- *Quy mô nguồn thải:* Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án được tính theo công thức sau:

$$NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 100\% = (80 \times 20) \times 80\% = 1.280 \text{ lít/ngày} = 1,28 \text{ m}^3\text{/ngày}$$

Trong đó:

+ NT_{sh}: Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+ $N_{đm}$: Định mức nước sinh hoạt, theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày.

+ n: Số công nhân làm việc tại Dự án là 20 người

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80% lưu lượng nước cấp.

- *Tính chất nguồn thải:* Đặc điểm cơ bản của NTSH là có hàm lượng các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học (như cacbohydrat, protein, mỡ), các chất dinh dưỡng (phosphat, nitơ), vi sinh vật,.... Các chất hữu cơ trong nước thải có tốc độ phân hủy sinh học cao, gây ra mùi hôi thối khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng môi trường.

Hệ số ô nhiễm của các chất gây ô nhiễm có trong NTSH (nước thải chưa xử lý) được tham khảo theo tài liệu "Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí - tập I, Generva, 1993", cụ thể như sau:

Bảng 14: Hệ số tải lượng ô nhiễm của nước thải sinh hoạt

Stt	Chất gây ô nhiễm	Đơn vị tính	Hệ số ô nhiễm
1	BOD_5	g/người/ngày	45 - 54
2	COD	g/người/ngày	72 - 102
3	SS	g/người/ngày	70 - 145
4	Dầu mỡ	g/người/ngày	10 - 30
5	Amoni	g/người/ngày	3,6 - 7,2
6	Tổng coliforms	MPN/100ml	10^6 - 10^9

(Nguồn: WHO, 1993)

Căn cứ theo số lượng công nhân và lưu lượng nguồn thải, có thể dự báo được nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn thải như sau:

Bảng 15: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Stt	Chất ô nhiễm	Tải lượng *(g/ngày)*		Nồng độ *(mg/l)*		QCVN 14:2008/ BTNMT
		Min	Max	Min	Max	
1	BOD_5	1.350	1.500	703,13	781,25	**60**
2	COD	2.160	3.060	1.125,00	1.593,75	-

Stt	Chất ô nhiễm	Tải lượng *(g/ngày)*		Nồng độ *(mg/l)*		QCVN 14:2008/ BTNMT
		Min	Max	Min	Max	
3	TSS	2.100	4.350	1.093,75	2.265,63	**120**
4	Dầu mỡ	300	900	156,25	468,75	**24**
5	Amoni	108	216	56,25	112,50	**12**
6	Coliforms *(MPN/100ml)*	3.10^7	3.10^{10}	$1,56.10^7$	$1,56.10^{10}$	**5.000**

** Ghi chú:*

- Tải lượng (g/ngày) = hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x số công nhân (người)

- Nồng độ (mg/lít) = (Tải lượng (g/ngày) x 10^3)/Lưu lượng (lít/ngày) x 10^3

- Giá trị tối đa cho phép được tính theo công thức: C_{max}= C x K của QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, trong đó:

+ C: Giá trị của thông số ô nhiễm (cột B);

+ K: Là hệ số tính đối với cơ sở sản xuất < 500 người (K=1,2). Không áp dụng hệ số K cho chỉ tiêu Coliforms.

Theo số liệu tính toán cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý) rất cao và đều vượt giới hạn so với quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2). Do đó, nếu không được xử lý trước khi xả thải ra môi trường sẽ có khả năng gây các tác động xấu đến chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải.

Tuy nhiên, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tương đối thấp, … nên tác động từ nguồn này được đánh giá là thấp.

Về không gian và đối tượng bị tác động: Nước thải phát sinh với lưu lượng thấp nên phạm vi và không gian tác động tương đối hẹp.

Đối tượng bị tác động chủ yếu bao gồm: Môi trường đất bãi bồi xung quanh khu vực phát sinh nước thải, nước biển ven bờ tiếp nhận nước thải, mất cảnh quan khu vực dự án và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

** Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu)*

- *Nguồn phát sinh:* Chỉ phát sinh nước thải từ nhu cầu vệ sinh (tiêu, tiểu) của khoảng 500 lao động làm việc trong khoảng thời gian thu hoạch.

- *Quy mô nguồn thải:* Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được tính theo công thức sau:

$$NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 100\% = (10 \times 500) \times 80\% = 4.000 \text{ lít/ngày} = 4,0 \text{ m}^3\text{/ngày}$$

Trong đó:

+ NT_{sh}: Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+ $N_{đm}$: Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối đa là 10 lít/người/ngày.

+ n: Số lao động làm việc tại Dự án là 500 người

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80% lưu lượng nước cấp.

Trong giai đoạn thu hoạch, số lượng lao động được sử dụng tương đối lớn. Tuy nhiên, hoạt động thu hoạch nghêu được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn (tối đa 04h/ngày và 10 ngày/tháng), nên hầu như không phát sinh nước thải sinh hoạt hoặc phát sinh với lưu lượng thấp. Do đó, tác động từ nguồn này được đánh giá là thấp.

Như vậy, tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án tối đa khoảng 5,28 m^3/ngày.

a.1.2) Nước mưa chảy tràn

Khu vực triển khai thực hiện dự án là đất bãi bồi ven biển và khu vực biển, do đó các tác động từ nước mưa chảy tràn được đánh giá và nhận định là không phát sinh.

a.2) Tác động do bụi, khí thải

a.2.1) Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường bộ

- Trong giai đoạn vận hành dự án, các phương tiện giao thông đường bộ ra vào khu vực Dự án với số lượng thấp, chủ yếu là phương tiện của công nhân làm việc tại Dự án.

- Khi hoạt động, động cơ sử dụng nhiên liệu là xăng và dầu DO sẽ phát sinh ra các chất thải khí như: Bụi, CO, SO_2, NO_2, hyđrocacbon, …

- Lưu lượng khí thải phát sinh và tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải phụ thuộc vào chế độ vận hành: Lúc khởi động, lúc chạy nhanh, lúc hãm lại, cụ thể như sau:

Bảng 16: Thành phần ô nhiễm trong khói thải

Thành phần khí độc hại (%)	Chế độ làm việc của động cơ							
	Chạy chậm		Tăng tốc độ		Ổn định		Giảm tốc độ	
	Xăng	Diezen	Xăng	Diezen	Xăng	Diezen	Xăng	Diezen
Khí CO	7,0	Vết	2,5	0,1	1,8	Vết	2,0	Vết
Hydrocarbon	0,5	0,04	0,2	0,02	0,1	0,01	1,0	0,03
NO_x(ppm)	30	60	1050	850	650	250	20	30
Aldehyde	30	10	20	20	10	10	300	30

(Nguồn: Ô nhiễm không khí, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2003)

- Tác động từ các chất ô nhiễm có trong khí thải, phụ thuộc vào nồng độ các chất ô nhiễm mà tác động đến sức khỏe con người, sinh vật, các công trình tài sản, nhất là các công trình ngoài trời, do các khí gặp điều kiện ẩm ướt sẽ tạo nên các axit gây ăn mòn kết cấu công trình, thiết bị máy móc, làm giảm tuổi thọ của các thiết bị.

- Tuy nhiên, các phương tiện ra vào khu vực Dự án với tần suất rất thấp, thải lượng khí thải phát sinh từ nguồn cũng rất thấp, nên hầu như không gây tác động xấu đến môi trường không khí, sức khỏe cộng đồng.

a.2.2) Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông đường thủy

- Trong giai đoạn vận hành, Dự án sử dụng 06 phương tiện đường thủy (công suất hoạt động trung bình 40 – 90CV) phục vụ công tác tuần tra và quản lý hoạt động nuôi nghêu.

- Phương tiện sử dụng nhiên liệu chủ yếu là dầu diezen nên khí thải phát sinh là khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu với thành phần chủ yếu bao gồm: Bụi khói, CO, SO_2, NO_x, ...

- Hệ số phát thải ô nhiễm từ phương tiện vận tải đường thủy được tham khảo theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO, cụ thể như sau:

Bảng 17: Hệ số phát thải ô nhiễm từ phương tiện vận tải đường thủy

Chất ô nhiễm	Khí thải		
	Kg/U ***(U = 10.000 km)***	***g/Km***	***g/Km/ngày***
CO	0,036	0,000036	0,002
VOC	4,1	0,0041	0,0205
NO_X	90,7	0,0907	0,4535

Chất ô nhiễm	Khí thải		
SO_2	136*S	0,136*S	0,68
Bụi	6,8	0,0068	0,034

Về quy mô tác động: Khí thải phát sinh từ nguồn này với hệ số ô nhiễm rất thấp, phát sinh trong khoảng không gian rất lớn, … nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể và đối tượng bị tác động chủ yếu là môi trường không khí xung quanh.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động trong khoảng thời gian phương tiện hoạt động

a.3) Tác động do chất thải rắn sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án (lao động thường xuyên và lao động thời vụ)

- *Quy mô nguồn thải:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = W \text{ (người)} * M_{ct} \text{ (kg/người.ngày)}$$

Trong đó:

+ M_{CTRSH}: khối lượng chất thải rắn phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ W: nhân viên làm việc tại Dự án (20 lao động thường xuyên và 500 lao động thời vụ)

+ M_{ct}: Định mức phát sinh CTRSH: Theo số liệu quy định tại Bảng 2.23 của QCVN 01:2021/BXD, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người-ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc trung bình từ 04 - 08 giờ/ngày, nên CTR sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,2 - 0,4 kg/người-ngày.

- Như vậy, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án là 108 kg/ngày, cụ thể như sau:

+ Đối với Bộ phận nhân viên, lao động thường xuyên (quản lý, trực chòi canh,…): phát sinh tối đa 8 kg/ngày *(lấy định mức phát sinh CTRSH = 0,4 kg/người-ngày)*

+ Đối với lao động thời vụ (thu hoạch nghêu): phát sinh tối đa 100 kg/ngày *(lấy định mức phát sinh CTRSH = 0,2 kg/người-ngày)*

- *Tính chất nguồn thải:* CTRSH có thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu, nguồn thải này phát sinh với khối lượng không lớn nhưng không được quản lý và xử lý đúng quy định, sẽ gây các tác động nhất định đến các thành phần môi

trường tiếp nhận chất thải.

- Thành phần chất thải rắn sinh hoạt được tham khảo trong bảng sau:

Bảng 18: Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt

STT	Thành phần	Tỷ lệ (%)
1	Các chất hữu cơ dễ phân hủy	40 - 60
2	Các loại bao bì polyme	25 - 35
3	Các chất dễ cháy như giấy, carton	10 - 14
4	Kim loại	1 - 2
5	Các chất khác	3 - 4

Nguồn: Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn - NXB Xây dựng, năm 2010

Về không gian tác động: Chất thải rắn có thể theo gió hoặc sóng biển phát tán ra khu vực xung quanh dự án. Do đó, không gian tác động tương đối lớn nếu nguồn thải này không được quản lý chặc chẽ.

Về đối tượng tác động: Môi trường khu đất bãi bồi ven biển, môi trường nước biển ven bờ và có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của Dự án và khu vực lân cận dự án. Tuy nhiên, CTRSH phát sinh với khối lượng tương đối thấp, nên mức độ tác động được đánh giá là thấp.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

a.4) Tác động do chất thải rắn thông thường

a.4.1) Vỏ nghêu (hao hụt trong quá trình nuôi)

- Trong quá trình nuôi, do bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan (chất lượng môi trường, chất lượng con giống, thiên tai, …) mà tỷ lệ hao hụt chiếm khoảng 40%, trên tổng số lượng con giống (tính từ thời điểm thả giống đến thu hoạch).

- Tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển, khối lượng vỏ nghêu phát sinh khác nhau và chưa có cơ sở cụ thể để tính toán và xác định được khối lượng chất thải phát sinh từ nguồn này.

- Tham khảo số liệu của các dự án lân cận khu vực thực hiện Dự án, vỏ nghêu (hao hụt trong quá trình nuôi) ước tính khoảng 300 - 500 kg/tháng.

Về không gian tác động: Vỏ nghêu có thể bị sóng biển đưa dạt vào khu vực bãi bồi hoặc đưa ra khu vực biển, do đó khó xác định cụ thể phạm vi, không

gian tác động của nguồn thải này.

Về đối tượng tác động: Môi trường khu đất bãi bồi ven biển, môi trường nước biển ven bờ và có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của Dự án và khu vực lân cận dự án. Tuy nhiên, chất thải phát sinh với khối lượng tương đối thấp, nên mức độ tác động được đánh giá là thấp.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

a.4.2) Chất thải rắn trôi dạt vào khu vực Dự án

- Tham khảo số liệu của các dự án lân cận khu vực thực hiện Dự án, một số chất thải rắn như túi nilon, chai nhựa, cành cây, … trôi dạt vào khu vực đất bãi bồi, từ đó gây ảnh hưởng đến hoạt động nuôi nghêu của Dự án và mất cảnh quan khu vực.

- Khối lượng chất thải: ước tính phát sinh tối đa khoảng 5 - 10 kg/ngày.

a.5) Tác động do chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động bảo trì, sửa chữa phương tiện đường thủy; Phát sinh từ khu vực văn phòng và phát sinh từ hoạt động sửa chữa hệ thống chiếu sáng.

- Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh: Các loại CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành được dự báo trong bảng sau:

Bảng 19: Thành phần và khối lượng CTNH

Mã chất thải	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng *(kg/năm)*
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	NH	02
18 02 01	Chất hấp thụ, giẻ lau, bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	KS	15
08 02 04	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	KS	06
16 01 12	Pin, ắc quy thải	Rắn	NH	02
Tổng cộng				***25***

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

- *Tính chất nguồn thải:* Tính chất của từng loại chất thải nguy hại cụ thể như sau:

+ Có độc tính (ký hiệu tính chất nguy hại Đ): Gây kích ứng, gây độc cấp

tính, ... cho con người ở mức độ thấp. Ngoài ra, khi chất thải tiếp xúc với không khí hay nước sẽ giải phóng ra khí độc hại, gây nguy hiểm đối với con người và ô nhiễm môi trường.

+ Có độc tính sinh thái (ký hiệu tính chất nguy hại ĐS): Chất thải thuộc nhóm này có các thành phần nguy hại nhanh chóng hay từ từ đối với môi trường và hệ sinh thái thông qua tích lũy.

+ Có tính ăn mòn (ký hiệu tính chất nguy hại AM): Thông qua các phản nước hóa học, chất thải này sẽ gây tác động nghiêm trọng đến các đối tượng, môi trường tiếp xúc chất thải.

Về không gian tác động: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng rất thấp, tác động chủ yếu trong phạm vi dự án.

Tuy nhiên, khi CTNH được xử lý chung với chất thải rắn thông thường (chủ yếu là CTRSH), thì không gian tác động của chất thải này sẽ khó xác định và kiểm soát. Chất thải sẽ gây ra nhiều tác hại cho những người tiếp xúc trực tiếp với rác thải, ảnh hưởng tới quá trình phân hủy rác, hòa tan các chất nguy hại vào nước rỉ rác, qua đó gây tác động đến các thành phần môi trường như môi trường đất, môi trường nước dưới đất, ...

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

b) Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn vận hành, tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án (Xe môtô 2 bánh, xe ôtô 4 chỗ, 7 chổ) và các phương tiện tuần tra khu nuôi.

Mức ồn phát sinh từ phương tiện giao thông hoạt động trong giai đoạn vận hành Dự án được tham khảo tại bảng sau:

Bảng 20: Mức ồn phát sinh của các phương tiện giao thông

STT	**Phương tiện**	**Độ ồn *(dBA)***	**Độ ồn trung bình *(dBA)***
1	Xe môtô 2 bánh	60 - 70	65
2	Xe ôtô 4 chỗ, 7 chỗ, ….	60 - 62	61
QCVN 26:2010/BTNMT		***Từ 6h - 21h: 70 dBA***	
QCVN 24:2016/BYT		***Thời gian tiếp xúc: 08 giờ***	

Nguồn: Nguyễn Hải, Âm học và Kiểm tra tiếng ồn, NXB Giáo dục

Khi lan truyền trong không khí, sóng âm bị mất dần năng lượng nên mức âm thanh cũng giảm bớt. Có thể dùng công thức sau để tính gần đúng mức giảm tiếng ồn: $\Delta L = 20lg\ (r_2/r_1)^{1+a}$ ***(dBA)***

Trong đó:

- r_1: Khoảng cách đo tiếng ồn ban đầu (thường = 02 m).
- r_2: Khoảng cách từ điểm tính toán tới nguồn tiếng ồn (m).
- a: Hệ số kể đến khả năng hấp thu tiếng ồn của mặt đất.

+ a = -0,1 đối với mặt đường nhựa và bêtông.

+ a = 0 đối với mặt đất trống.

+ a = 0,1 đối với mặt đất trồng cỏ.

Theo công thức trên, ta tính được mức ồn tại các vị trí cách nguồn phát sinh tiếng ồn 20m, 50m, 100m, 150m.

Bảng 21: Độ ồn của các phương tiện giao thông hoạt động tại dự án

STT	Nguồn phát sinh	Độ ồn(dBA)			
		Khoảng cách 20m	**Khoảng cách 50m**	**Khoảng cách 100m**	**Khoảng cách 150m**
1	Xe môtô 2 bánh	47,0	39,8	34,4	31,2
2	Xe ôtô 4 chỗ, 7 chỗ, ….	43,0	35,8	30,4	27,2
QCVN 26:2010/BTNMT		**70**			
QCVN 24:2016/BYT		**85**			

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Ghi chú:

- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (áp dụng đối với thời gian tiếp xúc với tiếng ồn 8 giờ);
- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

Về không gian tác động: Theo số liệu tại các bảng trên cho thấy, độ ồn phát sinh từ các phương tiện sẽ giảm dần theo khoảng cách xa dần nguồn phát sinh và tại vị trí cách điểm phát sinh từ > 20m - 150m, độ ồn thấp, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy, không gian tác động chủ yếu trong phạm vi < 20m,

tính từ điểm phát sinh.

Về đối tượng tác động: Số liệu tại bảng trên cho thấy, độ ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông thông dụng như xe môtô và xe ôtô (loại 4 chổ, 7 chổ) có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép, nên các tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án.

c) Sự cố, rủi ro

Trong giai đoạn vận hành của Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa, có khả năng phát sinh các sự cố môi trường và rủi ro như sau:

c.1) Sự cố nghêu chết hàng loạt

- Trong trường hợp xảy ra sự cố nghêu chết hàng loạt, sẽ phát sinh chất thải rắn với khối lượng rất lớn. Với đặc thù khu nuôi là vùng biển, nên rất khó khăn trong công tác thu gom chất thải và kiểm soát phạm vi tác động.

- Khối lượng chất thải phát sinh: Tùy thuộc vào thời điểm xảy ra sự cố, giai đoạn phát triển của nghêu và thời gian xảy ra sự cố, … mà khối lượng chất thải phát sinh khác nhau.

Nhằm có cơ sở để đề xuất các biện pháp, giải pháp ứng phó, khắc phục sự cố, đơn vị tư vấn dự báo khối lượng chất thải phát sinh trên cơ sở số lượng/khối lượng con giống được thả nuôi, cụ thể như sau:

- **Trường hợp 1:** Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian đầu vụ nuôi *(trong khoảng 01 – 02 tháng sau khi thả giống)*, tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 133,5 tấn.

- **Trường hợp 2:** Phát sinh sự cố vào khoảng thời gian cuối vụ nuôi *(trong khoảng 01 – 02 tháng chuẩn bị thu hoạch)*, tỷ lệ tối đa 30%: Tổng khối lượng ước tính khoảng 623,7 tấn.

Nhìn chung, khi phát sinh sự cố nghêu chết hàng loạt, không chỉ dừng lại ở thiệt hại nặng nề về mặt kinh tế, mà còn dẫn đến nhiều hệ lụy khác như ô nhiễm môi trường nước biển, môi trường đất bãi bồi, tác động tiêu cực đến các vùng nuôi lân cận dự án và gây ảnh hưởng đến đời sống của hàng trăm lao động địa phương.

c.2) Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại)

- Trong quá trình xây dựng, nếu 02 hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

không được xây dựng đúng yêu cầu kỹ thuật, sẽ phát sinh sự cố hư hỏng như sụt lún, vỡ hầm, … từ đó phát sinh nước thải sinh hoạt chưa xử lý ra môi trường.

- Trong quá trình sử dụng, nếu không thực hiện hút bùn định kỳ, gây quá tải cho công trình xử lý và từ đó phát sinh nước thải sinh hoạt chưa xử lý ra môi trường.

Trong trường hợp phát sinh sự cố, sẽ gây tác động trực tiếp đến chất lượng khu đất bãi bồi, nước biển, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động nêu nghêu tại Dự án và có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến các dự án nuôi nghêu lân cận.

c.3) Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu

Trong quá trình sử dụng các phương tiện giao thông thủy, có thể phát sinh các sự cố và rủi ro như sau:

- Phát sinh va chạm giữa phương tiện của dự án và các phương tiện di chuyển trong khu vực.

- Phát sinh sự cố do kỹ năng xử lý tình huống của người điều khiển phương tiện chưa cao, không mặc áo phao, … dẫn đến sự cố lật tàu/ghe và sự số đuối nước.

- Vào khoảng thời gian thu hoạch, gia tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông đường thủy.

- Ngoài ra, khi phát sinh sự cố va chạm giữa các phương tiện sẽ kéo theo phát sinh sự cố tràn dầu, từ đó gây ảnh hưởng đến môi trường và đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nuôi nghêu của dự án và lân cận dự án.

Khi phát sinh sự cố, tai nạn giao thông thủy, tùy theo mức độ nghiêm trọng mà có thể gây thiệt hại, hư hỏng phương tiện giao thông và sức khỏe, tính mạng người điều khiển, người ngồi trên phương tiện.

d) An ninh trật tự và tai nạn giao thông đường bộ

Triển khai Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa không chỉ mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, mà còn mang lại nhiều tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn vận hành dự án, nhu cầu sử dụng lao động tương đối cao (vào đợt thu hoạch sử dụng tối đa khoảng 500 lao động thời vụ), từ đó có khả năng phát sinh một số vấn đề về an ninh, trật tự trong khu vực như:

- Phát sinh xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ lao động, phát sinh các tệ nạn xã hội.

- Gia tăng mật độ giao thông trong khu vực, qua đó tăng nguy cơ phát sinh tai nạn giao thông trên các tuyến đường phương tiện di chuyển qua (chủ yếu là tuyến đường Quốc lộ 53, Nguyễn Kim và đường Nguyễn Xí).

- Ngoài ra, còn tiềm ẩn nguy cơ gây ùn tắc giao thông vào các giờ cao điểm, chủ yếu tại khu vực Trường học, Ủy ban xã, ….

e) Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến hoạt động của Dự án

- Về điều kiện môi trường: Nghêu là những loài biến nhiệt, máu lạnh, ăn lọc, không có khả năng chủ động kiếm mồi và chọn lọc thức ăn. Các yếu tố môi trường bên ngoài là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động trao đổi chất, đào bới, hô hấp, khả năng sử dụng thức ăn của nghêu. Trong các yếu tố môi trường, thì nhiệt độ và độ muối là những yếu tố quan trọng quyết định đến sự phân bố, sinh trưởng, sống sót của nghêu.

Theo Tổng cục Thủy sản, kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường và theo dõi sức khoẻ nhuyễn thể nuôi hàng năm tại một số vùng trọng điểm cho thấy hiện tượng nhuyễn thể chết hàng loạt thường xảy ra vào thời điểm tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau do độ mặn tăng cao, kết hợp với nhiễm thứ cấp các yếu tố vi sinh như Vibrio, vi khuẩn nội bào Ricketsia hay ký sinh trùng gây bệnh, nhiệt độ biến động giữa ngày và đêm lớn, thời gian phơi bãi kéo dài.

- Về điều kiện thức ăn: Nghêu là loài ăn lọc, thành phần thức ăn tự nhiên của nghêu là mùn bã và các mảnh vụn hữu cơ lơ lửng trong nước chiếm khoảng 75 - 90%, thực vật phù du chiếm tỷ lệ thấp khoảng 10 - 25% về số lượng cũng như tần số bắt gặp, chủ yếu là tảo silic (tảo khuê) gặp khoảng 44 loài tảo, chiếm 93,18% thuộc ngành Bacillariophyta và các loài còn lại thuộc các ngành Pyrrophyta và Cyanophyta. Trong quá trình nuôi, hoàn toàn không sử dụng thức ăn và hóa chất, do đó giai đoạn vận hành dự án hoàn toàn không phát sinh các tác động xấu đến đa dạng sinh học.

- Ngoài ra, hoạt động nuôi nghêu của Dự án không những có giá trị về kinh tế, mà còn mang lại nhiều yếu tố tích cực về bảo vệ nguồn lợi, bảo tồn và đa dạng sinh học; bảo đảm phát triển bền vững, ổn định hệ sinh thái vùng bãi triều ven biển thị xã Duyên Hải nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

a) Đối với công trình xử lý nước thải

a.1) Nước thải sinh hoạt

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, khuyến khích lao động sinh hoạt,

nghỉ giữa ca tại gia đình, quán ăn, hạn chế tập trung sinh hoạt tại khu vực Dự án, qua đó góp phần giảm thiểu tối đa phát thải tại khu vực Dự án.

- Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 03 hầm tự hoại bố trí tại chòi canh và văn phòng.

+ Chức năng: Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận

+ Quy mô: Thể tích hầm tự hoại được tính toán như sau

- Thể tích phần lắng (nước thải đầu vào): $W_i = 5,28$ (m^3)
- Thể tích phần chứa bùn: $W_b = (b * N * t)/1000 = (0,1 * 520 * 365)/1000 = 18,98$ (m^3)
- Thể tích tổng cộng của bể tự hoại: $W = W_i + W_b = 5,28 + 18,98 = 24,26$ (m^3) ≈ 25 (m^3)

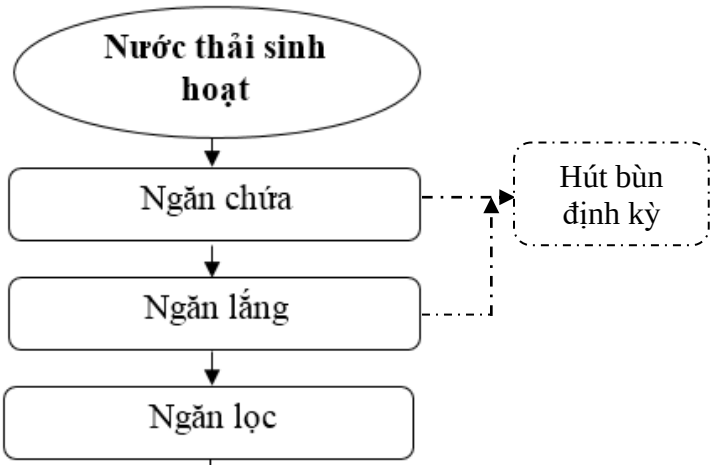
Trong các công thức trên:

- W_i: Lưu lượng nước thải (m^3/ngày-đêm)
- b: Tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày đêm; giá trị của b phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể, cụ thể như: Nếu thời gian giữa hai lần hút cặn dưới một năm thì b lấy bằng 0,1 l/ng.ngày.đêm, nếu trên 1 năm thì lấy b bằng 0,08 l/ng.ngày.đêm;
- N: Số người sử dụng (520 người, bao gồm: 20 lao động thường xuyên và 500 lao động thời vụ)
- t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại (chọn t = 365 ngày)

+ Hầm tự hoại được xây dựng tại Dự án: 03 hầm, với tổng thể tích ước tính khoảng 33,75 m^3, bao gồm:

- Tại khu vực chòi canh 2: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m
- Tại khu vực chòi canh 4: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m
- Tại Khu vực văn phòng: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3,5m x 2,5m x 1,8m

+ Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 8: Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại

** Thuyết minh quy trình*

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa và phân hủy kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm ½ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải.

Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữa cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể được giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân hủy các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân hủy trong bể.

+ Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm ¼ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lững còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật.

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm ¼ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

+ Biện pháp xử lý bùn dư: Định kỳ thuê đơn vị hút và xử lý đúng quy

định. Tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

Về không gian và thời gian áp dụng: Áp dụng tại khu vực dự án, trong suốt giai đoạn vận hành.

Đơn vị thực hiện: Chủ dự án chịu trách nhiệm bố trí đầy đủ kinh phí thực hiện các biện pháp, công trình xử lý nước thải

a.2) Nước mưa chảy tràn

- Theo quy định nước mưa được thải trực tiếp ra môi trường, chủ dự án không đầu tư công trình xử lý.

- Tuy nhiên, nhằm đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm do mặt bằng chảy qua, cần thực hiện một số biện pháp kiểm soát chất lượng của nước mưa chảy tràn cụ thể như sau:

+ Thùng chứa CTRSH được bố trí trong khu vực chòi canh, không bố trí ngoài trời, đảm bảo nước mưa hoàn toàn không tiếp xúc với rác thải.

+ Thực hiện thu gom triệt để CTRSH khu vực dự án và chất thải do sóng đánh dạt vào khu vực dự án, hạn chế tối đa rác thải bị nước biển hoặc nước mưa chảy tràn cuốn trôi và phát tán ra khu vực biển.

b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải

- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho công nhân, lao động làm việc tại Dự án, hạn chế phương tiện di chuyển trên khu vực bãi bồi.

- Thực hiện kiểm tra, sửa chữa các phương tiện giao thông thủy, đảm bảo các phương tiện luôn đạt mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thực hiện vệ sinh khu vực sân bãi, khu vực bãi đỗ xe bố trí tại khu vực văn phòng, nhằm giảm thiểu phát tán bụi từ sân đường.

c) Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

c.1) Chất thải sinh hoạt

- Bố trí thùng chứa rác tại các vị trí phát sinh chất thải như: Khu vực văn phòng, chòi canh, … đảm bảo thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh, cụ thể như sau:

+ Khu vực văn phòng: Bố trí 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín; 01 thùng nhựa, thể tích 60 lít/thùng, có nắp đậy kín

+ Khu vực chòi canh: Số lượng thùng chứa được bố trí mỗi chòi canh cụ thể như sau: Bố trí 01 - 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín;

- Biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt: Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực *(trên tuyến đường Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa)*. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

c.2) Chất thải rắn thông thường

- Bố trí nhân viên thu gom vỏ nghêu. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Bố trí nhân viên thu gom rác thải trôi dạt vào khu vực bãi bồi thuộc phạm vi dự án. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Toàn bộ chất thải được thu gom, đóng bao và tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực *(trên tuyến đường Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa).*

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

c.3) Chất thải nguy hại

- Tuyên truyền, hướng dẫn nhân viên nhận biết chất thải nguy hại, nhằm giảm tỷ lệ chất thải nguy hại lẫn vào chất thải sinh hoạt thông thường.

- Bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như:

+ Khu vực lưu chứa: với diện tích khoảng 1m^2, bố trí tại kho chứa trong Khu vực văn phòng của Dự án.

+ Bố trí thiết bị thu gom, lưu chứa CTNH: 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít

- Biện pháp xử lý CTNH: Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

- Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Trong trường hợp lưu chứa CTNH trên 01 năm, thực hiện báo cáo kịp thời đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

→ Các biện pháp đề xuất thực hiện đơn giản, phù hợp với khối lượng chất thải, ... nên có tính khả thi cao, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu, quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

d) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

d.1) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn

- Tất cả các phương tiện phải đảm bảo yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện giao thông (thuộc quyền sở hữu của dự án).

- Đảm bảo thời gian hoạt động trong ngày, hạn chế hoạt động vào thời gian nghỉ trưa, giờ cao điểm.

d.2) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

e) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

e.1) Sự cố nghêu chết hàng loạt

- Phương án phòng ngừa phát sinh sự cố: thực hiện theo Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hướng dẫn quy trình nuôi nghêu (Meretric lyrata), Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và Văn bản số 1453/TCTS-NTTS ngày 27/7/2018 của Tổng Cục Thủy sản về hướng dẫn, quản lý nuôi trồng thủy sản bền vững, cụ thể như sau:

+ Sử dụng con giống: phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, đảm bảo an toàn dịch bệnh và đáp ứng QCVN 02 - 37:2021/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giống động vật thân mềm.

+ Kiểm tra các mối nguy có thể ảnh hưởng đến quá trình phát triển của nghêu nuôi như: Nhiệt độ, độ mặn, ảnh hưởng của sóng, gió,...

+ Theo dõi dịch hại: Khi triều xuống thường xuyên kiểm tra và thu gom, bắt ốc xanh.

+ Trong trường hợp nghêu đạt kích cỡ thu hoạch, cần khẩn trương thu hoạch nhanh gọn, tránh thiệt hại xảy ra. Đối với nghêu chưa đạt kích cỡ thu hoạch cần chủ động cào thưa ra toàn dự án, không để mật độ quá dày.

+ Trong trường hợp phát hiện nghêu chết, lập tức thu gom, xử lý để tránh lây lan sang các cá thể còn sống.

- Phương án ứng phó và khắc phục sự cố:

+ Tiến hành báo cáo tới các cơ quan chức năng như Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban

nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, …

+ Thực hiện xác định nguyên nhân sự cố: Phối hợp với đơn vị đủ chức năng để lấy và phân tích mẫu bệnh phẩm, mẫu môi trường (nước biển, trầm tích, …) nhằm có đủ cơ sở xác định nguyên và biện pháp khắc phục.

+ Thực hiện thu hoạch nhanh chóng, kịp thời đối với nghêu đạt kích cỡ thương phẩm, nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về kinh tế và giảm thiểu tối đa phát sinh nghêu chết.

+ Thực hiện thu gom, tiêu hủy vỏ nghêu theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Trạm thú y, Chi cục thú y, …

e.2) Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại)

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại) được xây dựng đảm bảo đạt TCVN 10334:2014

- Thực hiện đầy đủ công tác hút bùn thải, nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải và ngăn ngừa sự cố quá tải.

e.3) Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu

- Nhân viên điều khiển phương tiện giao thông thủy phải đảm bảo đủ trình độ vận hành, sử dụng phương tiện; có khả năng bơi tốt, … nhằm giảm thiểu tối đa sự cố tai nạn đuối nước

- Phương tiện giao thông thủy chỉ hoạt động trong phạm vi vùng biển thuộc dự án, nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh sự cố va chạm với các phương tiện giao thông thủy khác.

- Bố trí đầy đủ áo phao, phao cứu sinh, … trên mỗi phương tiện, bố trí biển báo nguy hiểm ngoài khu vực biển.

- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi (tại khu vực chòi canh), khi có phương tiện đang hoạt động ngoài khu vực biển.

- Bố trí phao vây dầu trên trên mỗi phương tiện, nhằm ứng phó nhanh, kịp thời khi phát sinh sự cố.

- Đối với hoạt động thu hoạch:

+ Cần thực hiện khi triều kiệt, đảm bảo hoàn thành trước khi bắt đầu thủy triều lên, … đảm bảo người lao động ra khỏi khu vực Dự án khi thủy triều lên.

+ Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đúng tải trọng, giảm thiểu tối đa sự cố chìm tàu do quá tải.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố, khẩn trương báo cáo sự số đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, … để được hướng dẫn và hỗ trợ khắc phục sự cố.

- Thực hiện khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có).

e.4) An ninh trật tự

- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với lao động ngoài địa phương, phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại dự án.

- Không bố trí khu vực sinh hoạt (ăn uống, nghỉ qua đêm, …) cho lao động thời vụ, nhằm giảm thiểu tối đa phát sinh mất trật tự và tệ nạn (cờ bạc, trộm cướp, …)

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân viên, người lao động trong thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực.

- Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trung tâm y tế, trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Tổ chức thực hiện:

+ Trong giai đoạn xây dựng: Đơn vị thi công và đơn vị chủ dự án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Trong giai đoạn vận hành: Chủ dự án chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định của Luật bảo vệ môi trường, bao gồm: Bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 22: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

TT	Các vấn đề môi trường	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (đồng)
I	***Giai đoạn xây dựng***			
1	Chất thải rắn sinh hoạt	- Thùng chứa rác loại 12 lít	02	200.000
		- Thực hiện đóng phí thu gom CTRSH	01 háng	200.000

TT	Các vấn đề môi trường	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (đồng)
2	Bụi, khí thải, nhiệt dư và tiếng ồn	- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động	-	1.000.000
3	Sự cố, rủi ro	- Dự trù kinh phí bồi thường, hỗ trợ và khắc phục sự cố	-	20.000.000
II	***Giai đoạn vận hành***			
A	***Chi phí xây dựng***			
1	- Nước thải sinh hoạt	- Công trình xử lý nước thải (03 hầm tự hoại)	Tính cho toàn dự án	150.000.000
2	- Chất thải rắn sinh hoạt	- Thùng chứa CTRSH		
3	- Chất thải nguy hại	- Thùng chứa CTNH (02 thùng nhựa HDPE, dung tích 60 lít) - Khu vực lưu chứa CTNH		
4	Sự cố	- Thiết bị ứng phó (phao cứu sinh, áo phao, …)		
B	***Chi phí vận hành***			
1	Nước thải sinh hoạt	- Hút bùn thải	01 lần/năm	50.000.000
2	- Chất thải rắn sinh hoạt - Chất thải rắn thông thường	- Thuê đơn vị thu gom và xử lý	01 lần/tháng (tần suất đóng phí thu gom CTR)	300.000
3	Chất thải nguy hại	- Thuê đơn vị thu gom và xử lý	01 lần/năm	3.000.000
4	Sự cố, rủi ro	- Dự trù kinh phí bồi thường, hỗ trợ và khắc phục sự cố - Dự trù kinh phí sửa chửa, khắc phục hư hỏng các công trình BVMT	-	200.000.000

Nguồn: Đơn vị tư vấn dự toán kinh phí, 2024

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Kết quả đánh giá tác động môi trường đã được thực hiện có mức độ tin cậy, chi tiết cao bởi vì:

- Áp dụng những phương pháp đánh giá tác động được công bố và ban hành rộng rãi;

- Sử dụng chuỗi số liệu trong tính toán từ những tài liệu kỹ thuật đã được ban hành, quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam;

- Sử dụng định mức, số liệu khoa học của một số cơ quan quốc tế có uy tín như WHO, USEPA;

- Tham khảo các phương pháp tính toán, phương pháp đánh giá của những cơ quan, tác giả có uy tín trong nước;

- Tham khảo một số báo cáo đánh giá tác động môi trường của những dự án có loại hình hoạt động giống hoặc tương tự dự án trong và ngoài tỉnh;

- Sử dụng chuỗi dữ liệu môi trường nền từ những báo cáo quan trắc môi trường đã được phê duyệt;

- Sử dụng chuỗi số liệu thống kê về kinh tế xã hội từ Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh;

- Các số liệu quan trắc chất lượng các thành phần môi trường môi trường: Quá trình thực hiện lấy mẫu tại hiện trường và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm được thực hiện bởi Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú

+ Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, mã số VIMCERTS 292.

+ Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Ngoài ra, công tác thống kê, xử lý số liệu được thực hiện bởi đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên môn về kỹ thuật môi trường, địa chất công trình, khoa học môi trường, quản lý môi trường.

Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

Bảng 23: Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	Cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy như Báo cáo môi trường Quốc gia, …
2	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức y tế thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
3	Phương pháp so sánh	Cao	Các kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
4	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Cao	Được tiến hành bằng cách tham vấn lãnh đạo và đại diện cộng đồng dân cư lân cận dự án
5	Phương pháp kế thừa	Trung bình	Thực hiện bằng cách tham khảo các báo cáo ĐTM có quy mô và loại hình tương tự đã được phê duyệt để dự báo và đánh giá các tác động có khả năng xảy ra
6	Phương pháp khảo sát thực địa	Cao	Được thực hiện bởi đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng theo đúng quy định hiện hành
7	Phương pháp quan trắc	Cao	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Chương 4: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường của đơn vị thi công

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	**Các hoạt động của dự án**	**Các tác động môi trường**	**Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**	**Thời gian thực hiện và hoàn thành**
1	***2***	***3***	***4***	***5***
Giai đoạn xây dựng	- Vận chuyển vật liệu xây dựng - Thi công xây dựng các hạng mục công trình	- Bụi, khí thải	- Thực hiện kế hoạch thi công và bố trí nhân sự hợp lý, - Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng. - Đối với cát xây dựng: có dụng cụ che kín (vải bạc); Đối với ximăng: được tập kết về khu vực công trường phù hợp với nhu cầu và sử dụng trong ngày.	Tháng 7/2024
		- CTR xây dựng thông thường	- Thu gom và cung cấp cho cơ sở thu mua phế liệu. Tại thời điểm lập báo cáo, chất thải đã được xử lý triệt để	Tháng 7/2024
		- Nước thải xây dựng	- Nước thải xây dựng với lưu lượng rất thấp, phần lớn tự ngấm xuống bãi cát, đơn vị thi công không bố trí các công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải này.	Tháng 7/2024
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng	- CTR sinh hoạt	- Bố trí 02 thùng chứa (loại 12 lít) - Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực	Tháng 7/2024

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		- Nước thải sinh hoạt	Bố trí khu vực nhà vệ sinh tại Khu vực văn phòng và chòi canh 2. Hiện trạng đã bố trí 02 hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt, cụ thể như: + Tại khu vực chòi canh 2: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,5m + Tại Khu vực văn phòng: 01 hầm, với kích thước dài x rộng x sâu = 3,5m x 2,5m x 1,8m	Tháng 7/2024
Giai đoạn vận hành	Hoạt động nuôi và thu hoạch nghêu thương phẩm	- Chất thải rắn thông thường	- Toàn bộ chất thải được thu gom, đóng bao và định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực *(trên tuyến đường Quốc lộ 53, tại ngã từ Trường THCS Trường Long Hòa).*	Xuyên suốt giai đoạn vận hành dự án
		- Sự cố môi trường - Sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động	*Sự cố nghêu chết hàng loạt:* thực hiện theo Hướng dẫn số 33/HD-NN ngày 13/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn bản số 1453/TCTS-NTTS ngày 27/7/2018 của Tổng Cục Thủy sản	nt
			Sự cố hư hỏng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại) - Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các chòi canh (hầm tự hoại) được xây dựng đảm bảo đạt TCVN 10334:2014 - Thực hiện đầy đủ công tác hút bùn thải, nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải và ngăn ngừa sự cố quá tải.	nt
			Sự cố, tai nạn giao thông thủy và tràn dầu - Nhân viên điều khiển phương tiện giao thông thủy phải đảm	nt

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			bảo đủ trình độ vận hành, sử dụng phương tiện; có khả năng bơi tốt, … - Phương tiện giao thông thủy chỉ hoạt động trong phạm vi vùng biển thuộc dự án. - Bố trí đầy đủ áo phao, phao cứu sinh, … trên mỗi phương tiện, bố trí biển báo nguy hiểm ngoài khu vực biển. - Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi (tại khu vực chòi canh), khi có phương tiện đang hoạt động ngoài khu vực biển. - Bố trí phao vây dầu trên trên mỗi phương tiện. - Đối với hoạt động thu hoạch: + Cần thực hiện khi triều kiệt, đảm bảo hoàn thành trước khi bắt đầu thủy triều lên, … đảm bảo người lao động ra khỏi khu vực Dự án khi thủy triều lên. + Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đúng tải trọng. - Trong trường hợp phát sinh sự cố, khẩn trương báo cáo sự số đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân thị xã, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, … - Thực hiện khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại (nếu có).	
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	- Bụi, khí thải và tiếng ồn	- Bố trí khu vực bãi đậu xe cho công nhân, lao động làm việc tại Dự án, hạn chế phương tiện di chuyển trên khu vực bãi bồi. - Thực hiện kiểm tra, sửa chữa các phương tiện giao thông thủy, đảm bảo các phương tiện luôn đạt mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. - Thực hiện vệ sinh khu vực sân bãi, khu vực bãi đỗ xe bố trí tại	nt

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			khu vực văn phòng. - Tất cả các phương tiện phải đảm bảo yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. - Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện giao thông (thuộc quyền sở hữu của dự án).	
		- Nước thải sinh hoạt	- Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 03 hầm tự hoại bố trí tại chòi canh và văn phòng, với tổng thể tích ước tính khoảng 33,5 m^3 - Định ký thuê đơn vị hút và xử lý đúng quy định. Tần suất tối thiểu 01 lần/năm.	nt
		- CTR sinh hoạt	- Khu vực văn phòng: Bố trí 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín; 01 thùng nhựa, thể tích 60 lít/thùng, có nắp đậy kín - Khu vực chòi canh: Số lượng thùng chứa được bố trí mỗi chòi canh cụ thể như sau: Bố trí 01 - 02 thùng nhựa, thể tích 12 lít/thùng, có nắp đậy kín; - Bố trí công nhân định kỳ tập kết vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày. - Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định	nt
		- CTNH (phát sinh từ khu vực văn Phòng	- Bố trí khu vực chứa chất thải: với diện tích khoảng $1m^2$, bố trí tại kho chứa trong Khu vực văn phòng của Dự án. + Bố trí thiết bị thu gom, lưu chứa CTNH: 02 thùng nhựa HDPE, dung tích chứa 60 lít - Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom,	nt

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định. - Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Trong trường hợp lưu chứa CTNH trên 01 năm, thực hiện báo cáo kịp thời đến Sở Tài nguyên và Môi trường.	
		An ninh trật tự	- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với lao động ngoài địa phương, phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại dự án. - Không bố trí khu vực sinh hoạt (ăn uống, nghỉ qua đêm, …) cho lao động thời vụ - Tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân viên, người lao động trong thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự khu vực. - Tại văn phòng có danh bạ điện thoại cần liên lạc như: Trung tâm y tế, trạm y tế, Công an địa phương, Cảnh sát PCCC, Cảnh sát 113,...	
	Yếu tố vi khí hậu	Nước mưa chảy tràn	- Thùng chứa CTRSH được bố trí trong khu vực chòi canh, không bố trí ngoài trời, đảm bảo nước mưa hoàn toàn không tiếp xúc với rác thải. - Thực hiện thu gom triệt để CTRSH khu vực dự án và chất thải do sóng đánh dạt vào khu vực dự án, hạn chế tối đa rác thải bị nước biển hoặc nước mưa cuốn trôi và phát tán ra khu vực biển.	nt

4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

4.2.1. Giai đoạn xây dựng

Tại thời điểm lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa, đã hoàn thành giai đoạn xây dựng. Do đó, chủ dự án không đề xuất thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn này

4.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát chất lượng nước biển ven bờ

- Số lượng: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: 01 vị trí ngoài đường triều kiệt (ký hiệu: NB_{vb})
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: pH, Độ muối, DO, TSS, NH_4^+ (tính theo N), Dầu mỡ khoáng, Fe và tổng Coliform
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển:

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ môi trường sống dưới nước.

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước biển vùng biển ven bờ nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái biển.

b) Giám sát chất lượng trầm tích

- Số lượng: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong đường triều kiệt (ký hiệu: TT)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: As, Cu, Pb, Cr, Fe, As
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích – Cột Trầm tích nước mặn, nước lợ

Chương 5: KẾT QUẢ THAM VẤN

5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa (đơn vị Chủ dự án) phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường), gửi Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa đến Phòng Quản lý môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 điều 26 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến

Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa (đơn vị Chủ dự án) sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và với Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa tổ chức tham vấn bằng hình thức họp lấy ý kiến theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 điều 26 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Thực hiện niêm yết báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa

- Thực hiện tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư có khả năng chịu tác động bởi dự án

5.2. Tham vấn bằng văn bản theo quy định

Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa (đơn vị Chủ dự án) sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (kèm theo văn bản tham vấn) đến các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư, bao gồm: Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Trường Long Hòa theo đúng quy định tại điểm c khoản 3 điều 26 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

5.3. Kết quả tham vấn cộng đồng

Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa (đơn vị Chủ dự án) sẽ phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo ý kiến tham vấn.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Qua xây dựng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa, có thể đưa ra một số kết luận khái quát như sau:

- Triển khai thực hiện Dự án Đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa mang tính cấp thiết, khả thi cao và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Trà Vinh nói chung và thị xã Duyên Hải nói riêng.

- Chuyên đề Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nhận diện khá đầy đủ các tác động đến chất lượng các thành phần môi trường.

- Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường được đề xuất áp dụng chi tiết đối với từng nguồn tác động, nên có tính khả thi cao; được xây dựng trên cơ sở của quy định tại các tiêu chuẩn/quy chuẩn và quy định hiện hành, nên cơ bản đáp ứng được yêu cầu giảm thiểu các tác động của nguồn thải, yêu cầu về vệ sinh môi trường,…

- Các biện pháp giảm thiểu đề xuất thực hiện, áp dụng với tất cả các tác động tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện dự án và nằm trong khả năng cho phép của chủ dự án. Cơ bản chưa phát hiện các tác động vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án.

2. Kiến nghị

Thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thì đơn vị Chủ dự án kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở và Ban ngành có liên quan xem xét tính tích cực của dự án và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, để từ đó tạo điều kiện để dự án sớm triển khai thực hiện;

3. Cam kết của chủ dự án đầu tư và đơn vị thi công dự án

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết về độ chính xác, chịu trách nhiệm về các số liệu tham khảo, sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án;

- Cam kết thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn;

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo bằng tiếng việt

+ Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2002;

+ Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập 1: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm; tập 2: Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi, GS.TS Trần Ngọc Chấn, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1999;

+ Ô nhiễm không khí, PGS.TS. Đinh Xuân Thắng, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003;

+ Ô nhiễm không khí, GS.TS.Trần Ngọc Chấn, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004;

+ Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải - Tập 1 (Ô nhiễm không khí, tính toán khuếch tán chất ô nhiễm) và Tập 3 (Lý thuyết tính toán và Công nghệ xử lý khí độc hại), GS.TS.Trần Ngọc Chấn, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2001;

+ Ủy ban BVMT U.S - Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1.

+ Tổng Cục môi trường tổng hợp số liệu của USEPA, năm 2010.

+ Nguyễn Hải, Âm học và Kiểm tra tiếng ồn, NXB Giáo dục.

+ Báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia, giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài

- Assessment of Source of Air, water and land pollution, A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating Environment Control Strategies; Geneva; 1993; Wordl Health Organaization;

- Enviromental assessment sourcebook, volume II, sectoral guidelines, enviroment, World Bank, Washington D.C, 8/1991;

- WHO, Rapid inventory techique in environmental control,năm 1993

- Management of the Environment, WHO, 2000.

- Rapid Enviromental Assessment, WHO, 1993

PHỤ LỤC

UBND THỊ XÃ DUYÊN HẢI
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ
Số: 2100663646

Đăng ký lần đầu, ngày 16 tháng 12 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 23 tháng 11 năm 2023

1. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP – THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HÒA**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX NN-TS TRƯỜNG LONG HÒA

2. Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0367369823 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây hàng năm khác *Trồng trọt luân canh cây hoa màu*	0119*(Chính)*
2	Hoạt động dịch vụ trồng trọt *Cung cấp cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật*	0161
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch *Thu mua nông sản, tìm đầu ra cho sản phẩm*	0163
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa *Nuôi trồng thủy sản*	0322
5	Nuôi trồng thủy sản biển *Nuôi trồng, quản lý, khai thác nghêu giống, nghêu thương phẩm và thủy sản khác*	0321
6	Bán buôn thực phẩm *Kinh doanh nghêu, sò thương phẩm*	4632

7	Hoạt động cấp tín dụng khác *Tổ chức tín dụng nội bộ Hợp tác xã*	6492

4. Vốn điều lệ: 25.020.000.000 *(Hai mươi lăm tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Họ và tên: LÂM MINH THIỆN Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 19/02/1984 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 084084000269

Ngày cấp: 08/02/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Khoán Tiều, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở hiện tại: Ấp Khoán Tiều, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
TX. DUYÊN HẢI - T. TRÀ VINH

Nguyễn Chí Linh

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu

- Thời gian bắt đầu: Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 03 năm 2024.

- Địa điểm: Hội trường Sở Kế hoạch và Đầu tư *(số 19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).*

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Theo giấy mời số 53/GM-SKHĐT ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cuộc họp.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Ông Nguyễn Hoàng Đệ, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Chủ trì cuộc họp.

- Ông Cao Đăng Linh, Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Thư ký Ông Trần An Phương, Chuyên viên Trung tâm XTĐT&HTDN.

2. Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa

- Ông Lâm Minh Thiện, Giám đốc

- Ông Lâm Văn Thành, Phó Giám đốc

II. NỘI DUNG

Ông Nguyễn Hoàng Đệ - Chủ trì cuộc họp nêu vấn đề:

Ngày 19/3/2023[1], tại Văn phòng UBND tỉnh Phó Chủ tịch Nguyễn Quỳnh Thiện đã tổ chức cuộc họp với các ngành liên quan đến diện tích nuôi nghêu tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải và có ý kiến kết luận. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông tin đến 02 Hợp tác xã như sau:

Các khu đủ điều kiện để thực hiện dự án nuôi nghêu tại khu vực xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, với tổng diện tích 417,66 ha, trong đó:

- Diện tích đất trong đường triều kiệt 185,15 ha, gồm: Khu A 100,91 ha; khu C 9,97 ha; khu H 74,27 ha. Diện tích đất đủ điều kiện cho thuê trong năm 2024 là khu A 100,91 ha (phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất); các khu còn lại là C và H phải chờ UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (84,24 ha).

- Diện tích đất ngoài đường triều kiệt 232,51 ha, gồm: Khu B 14,23 ha; khu D 55,70 ha; khu E 29,16 ha; khu F 55,50 ha, khu I 33,86 ha, khu L 34,59 ha, khu K 9,47 ha. Tất cả các khu được phép giao khu vực biển để thực hiện dự án.

---

[1] Thư mời số 84/TM-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Qua cuộc họp, ý kiến kết luận giao Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa diện tích dự kiến giao, cụ thể:

+ Tổng cộng 164 ha (trong đường triều kiệt diện tích 60 ha thuộc khu A, diện tích 30 ha do Hợp tác xã Phương Đông trả lại, và diện tích 74 ha khu H (đất bằng chưa sử dụng))

+ Trong đường triều kiệt diện tích khu C diện tích khoảng 4,98 ha (sau khi Thị xã Duyên Hải điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)

+ Diện tích nằm ngoài đường triều kiệt khoảng 203,35 ha gồm: Khu B 14,23 ha; khu D 55,70 ha; khu F 55,50 ha, khu I 33,86 ha, khu L 34,59 ha, khu K 9,47 ha.

*** Ý kiến các đơn vị:**

1. Ông Cao Đăng Linh:

- Đề nghị 02 Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất để đo đạc, thống nhất điện tích, có biên bản cụ thể.

- Khi lập hồ sơ đề xuất dự án, Hợp tác xã phải đảm bảo năng lực tài chính của để triển khai thực hiện dự án.

- Sau khi chấp thuận chủ trương phải thực hiện ký quỹ đầu tư để đảm bảo thực hiện dự án theo quy định.

2. Ông Lâm Minh Thiện:

- Hợp tác xã mới thành lập với 346 thành viên, đã góp được khoảng 25 tỷ đồng trong quý I năm 2024.

- Hợp tác xã thống nhất diện tích được giao đã nêu.

III. Kết luận:

Qua ý kiến của Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa, chủ trì cuộc họp kết luận như sau:

- Đối diện tích trong đường triều kiệt khu A, Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa rà soát, thống nhất diện tích; phối hợp với Hợp tác xã Phương Đông, Trung tâm phát triển quỹ đất để đo đạc và có biên bản thống nhất giữa các bên.

- Đối diện tích trong đường triều kiệt khu C, diện tích ngoài đường triều kiệt khu B; khu D; khu F, khu I, khu L, khu K, Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Duyên Hải để đo đạc; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với khu C.

- Sau khi có sơ đồ diện tích để thực hiện dự án, đề nghị Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa thực hiện hồ sơ đề xuất dự án theo quy định của Luật Đầu tư.

Cuộc họp kết thúc vào 08 giờ 30 phút cùng ngày. Nội dung biên bản được thông qua các thành viên tham dự cuộc họp và cùng thống nhất với các nội dung được ghi tại biên bản này./.

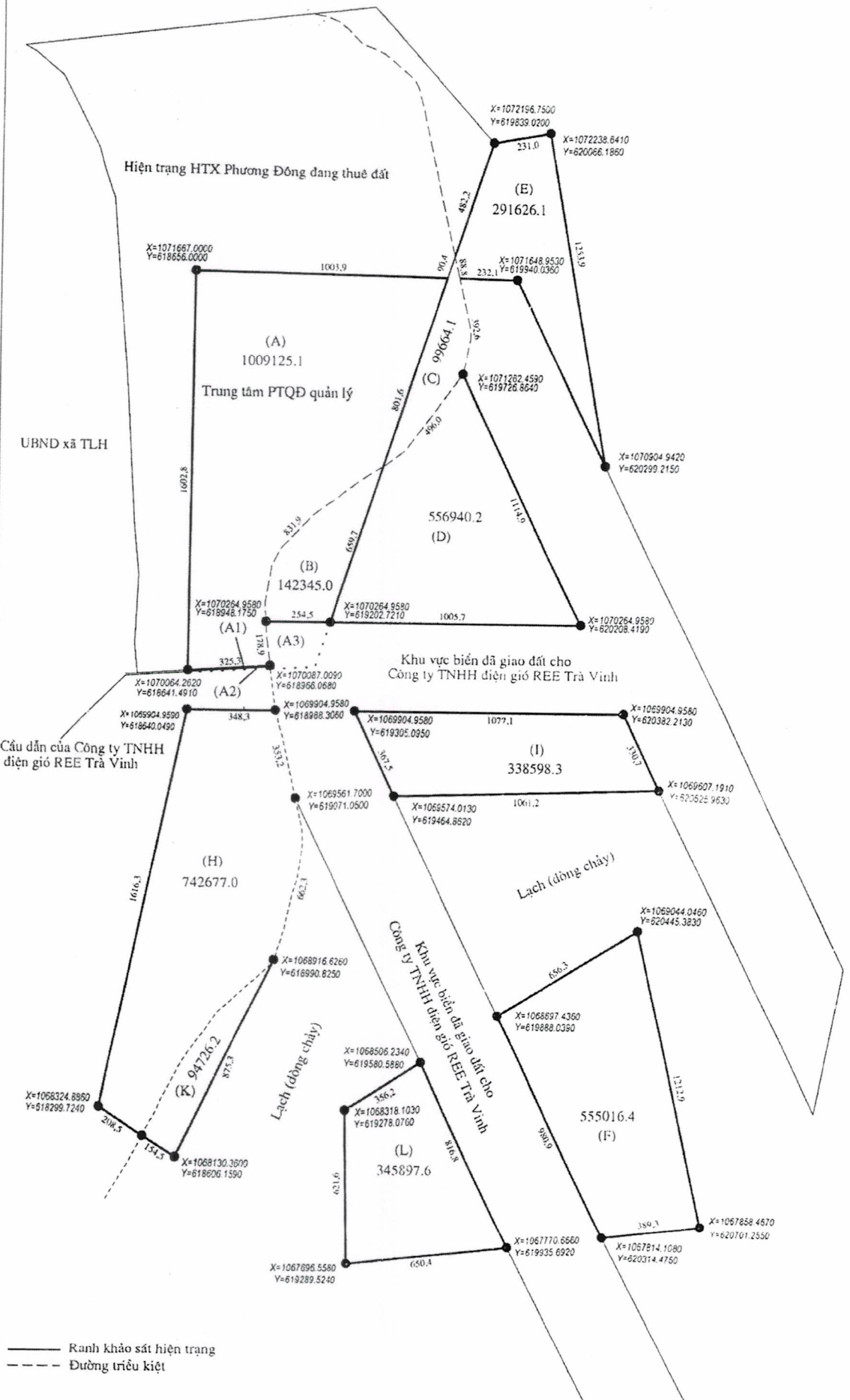
THƯ KÝ	CHỦ TRÌ
Trần An Phương	Nguyễn Hoàng Đệ

Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa

.....

Tăng Minh Thiên

SƠ ĐỒ KHU ĐẤT KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG NGÀY 8/1/2024



UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc khảo sát thực địa khu đất bãi bồi ven biển để thực hiện dự án nuôi nghêu tại khu vực xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Thực hiện nội dung thống nhất tại Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông trong việc thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu.

Hôm nay, lúc 8 giờ 00 phút, ngày 10/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các thành phần có liên quan theo Giấy mời số 182/GM-STNMT ngày 09/4/2024, tiến hành khảo sát thực địa khu đất nêu trên.

I. Thành phần tham gia gồm có:

1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Bà Nguyễn Thị Diệu Thê: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai;
- Ông Lê Hải Trường : Trưởng phòng QL và PTQĐ;
- Ông Trần Xuân Đạt: Trưởng phòng KTĐC - VPĐKĐĐ;
- Ông Hứa Minh Hiền: Nhân viên phòng KTĐC - VPĐKĐĐ.

2. Đại diện UBND thị xã Duyên Hải

- Ông Trần Thanh Cần: Chuyên viên Phòng TN & MT.

3. Đại diện UBND xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải

- Ông Hà Vũ Bằng: Chủ tịch.

4. Đại diện HTX Phương Đông

- Ông Nguyễn Văn Mười: Phó Giám đốc.

5. Đại diện Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa

- Ông Lâm Minh Thiện: Giám đốc.

II. Nội dung khảo sát:

Khảo sát nội dung thống nhất tại Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông trong việc thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu *(đính kèm Biên bản)*. Cụ thể:

1. Nội dung thứ nhất: Khảo các khu đất chia tách để xin chủ trương thuê đất giữa Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông như sau:

- Tách Khu (A) diện tích 100,91 ha (diện tích nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê 40 ha;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê 60,91 ha.

- Tách Khu (C) diện tích 9,96 ha (diện tích nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê 4,98 ha;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê 4,98 ha.

Riêng các khu đất còn lại có ký hiệu (H), (B), (D), (E), (F), (I), (L), (K) diện tích thống nhất theo Biên bản khảo sát ngày 08/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung thứ hai: Khảo sát phần diện tích khoảng 29 ha của Hợp tác xã Phương Đông không còn nhu cầu sử dụng và xin trả lại đất (phần cán búa). Đồng thời, Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin chủ trương thuê phần diện tích này.

III. Kết quả khảo sát:

1. Nội dung thứ nhất: Khảo các khu đất chia tách để xin chủ trương thuê đất giữa Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông như sau:

- Tách Khu (A) diện tích 1.009.125,1 m^2 (diện tích nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê diện tích 350.789,5 m^2 có ký hiệu (A2), giảm 49.210,5 m^2 so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê diện tích 658.335,6 m^2 có ký hiệu (A1), tăng 49.210,5 m^2 so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Tách Khu C diện tích 99.664,1 ha (diện tích nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất). Trong đó:

+ Hợp tác xã Phương Đông xin thuê diện tích 51.695,8 m^2 có ký hiệu (C2), tăng 1.895,8 m^2 so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

+ Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê diện tích 47.968,3 m^2 có ký hiệu (C1), giảm 1.895,8 m^2 so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Nội dung thứ hai: Khảo sát phần diện tích khoảng 290.000,0 m^2 của Hợp tác xã Phương Đông không còn nhu cầu sử dụng và xin trả lại đất (phần cán búa). Đồng thời, Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin chủ trương thuê phần diện tích này. Thực tế diện tích khảo sát hiện trạng 279.165,1 m^2 có ký hiệu (A3),giảm 10.834,9 m^2 so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Nguyên nhân: Việc tăng, giảm diện tích giữa kết quả khảo sát chia tách tại phần diện tích (A), (C) và phần (A3) so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư là do giữa Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông thống nhất xác định lại vị trí ranh đất cho liền mí giữa 3 khu (A), (C) và khu (A3) để 2 Hợp tác xã dễ quản lý.

(Chi tiết ranh ranh giới, tọa độ và diện tích khu đất được thể hiện theo Sơ khu đất và Bảng thống kê diện tích kèm theo).

Qua kết quả khảo sát các thành phần tham dự có ý kiến trao đổi như sau:

(1) Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông: Thống nhất kết quả khảo sát nêu trên, việc tăng, giảm diện tích giữa kết

quả khảo sát chia tách tại phần diện tích (A), (C) và phần (A3) so với Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư là do 2 bên tự nguyện thống nhất lại ranh cho liền mí giữa 3 khu (A), (C) và khu (A3) để dễ quản lý.

(2) UBND xã Trường Long Hòa: Thống nhất kết quả khảo sát nêu trên, đề nghị thực những nội dung như sau:

- Các cơ quan chuyên môn quan tâm hỗ trợ cho 2 HTX trong công tác lập thủ thục xin thuê đất;

- Giữa 2 HTX có sự thống nhất chung và quán triệt sâu rộng đến các thành viên 2 HTX phải đoàn kết để cùng nhau phát triển;

- Trong quá trình sử dụng 2 HTX lưu ý phải tính phương án cho phù hợp khi người dân lưu thông.

Qua kết nội dung trao đổi các thành phần tham dự thống nhất như sau:

- Thống nhất kết quả khảo sát hiện trạng khảo sát theo sơ đồ khu đất nêu trên.

- Hợp tác xã Phương Đông thực hiện các nội dung như sau:

+ Lập thu tục xin chủ trương thuê đất đối với phần diện tích có ký hiệu (A2) nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

+ Lập thủ tục xin giao khu vực biển đối với phần diện tích có ký hiệu (E); Riêng phần diện tích có ký hiệu (C2) nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, sau khi UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất thì mới lập thủ tục xin thuê phần diện tích này;

+ Lập thủ tục xin trả lại phần diện tích có ký hiệu (A3) do không còn nhu cầu sử dụng;

- Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa thực hiện các nội dung như sau:

+ Lập thu tục xin chủ trương thuê đất đối với phần diện tích có ký hiệu (A1) nằm trong đường triều kiệt phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;

+ Lập thủ tục xin giao khu vực biển đối với phần diện tích có ký hiệu (B), (D), (F), (I), (L), (K); Riêng phần diện tích có ký hiệu (C1), (H) nằm trong đường triều kiệt chưa phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, sau khi UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất thì mới lập thủ tục xin thuê phần diện tích này;

+ Lập thủ tục xin thuê đất đối với phần diện tích có ký hiệu (A3) của Hợp tác xã Phương Đông không còn nhu cầu sử dụng và xin trả lại đất.

- Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp cung cấp Sơ đồ khu đất từng vị trí cụ thể để Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông xin chủ trương thuê và giao đất khu vực biển (có hợp đồng thu phí theo quy định).

- UBND thị xã Duyên Hải bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đối với phần diện tích có ký hiệu (C1), (C2), (H) theo nội dung biên bản họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

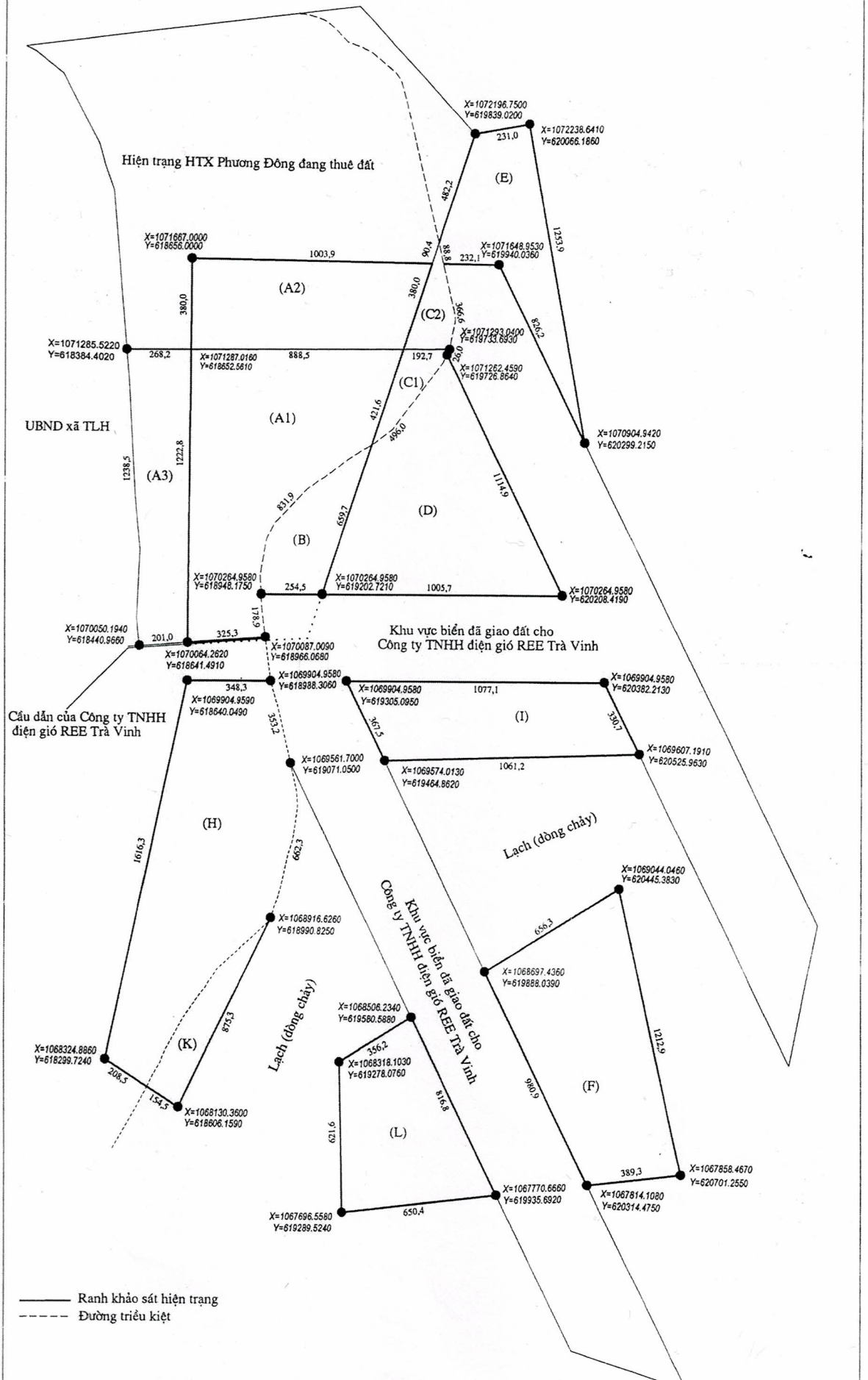
Biên bản kết thúc vào lúc ..10... giờ ..20.. phút cùng ngày có đọc lại cho các thành phần tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên dưới đây./.

ĐD. Sở Tài nguyên Và Môi trường

Trung tâm Phát triển quỹ đất	**Văn phòng ĐKĐĐ**
Lê Hải Mường	Nguyễn Thị Diệu Thi
ĐD. HTX Phương Đông	**ĐD. Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa**
Nguyễn Văn Mười	Trần Minh Thuận
ĐD. UBND xã Trường Long Hòa	**ĐD. UBND Thị xã Duyên Hải**
Hồ Văn Bằng	Trần Thanh Cần

Trần Xuân Bát

SƠ ĐỒ KHU ĐẤT
(KÈM THEO BIÊN BẢN KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG NGÀY 10/4/2024)



——— Ranh khảo sát hiện trạng

– – – – – Đường triều kiệt

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH
(Kèm theo Biên bản khảo sát ngày 10/4/2024

Đơn vị tính m2

1	(A1)	658335.6	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (nằm trong đường triều kiệt)
2	(A2)	350789.5	HTX Phương Đông xin thuê (nằm trong đường triều kiệt)
3	(A3)	279165.1	HTX Phương Đông xin thuê xin trả lại đất. Đồng thời Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê phần diện tích này (nằm trong đường triều kiệt)
4	(C1)	47968.3	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (nằm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
5	(C2)	51695.8	HTX Phương Đông xin thuê (nằm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
6	(H)	742677.0	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (nằm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
7	(B)	142345.0	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
8	(D)	556940.2	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
9	(E)	291626.1	Hợp tác xã Phương Đông xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
10	(F)	555016.4	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
11	(I)	338598.3	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
12	(L)	345897.6	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
13	(K)	94726.2	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)

SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Thời gian ký: 14/06/2024 12:10:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1043/QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: Ngày 14 tháng 6 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Xét Báo cáo thẩm định số 349/BC-SKHĐT ngày 29/5/2024 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; ý kiến của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 346-CV/BCSĐ ngày 14/6/2024 thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 2701-TB/VPTU ngày 13/6/2024 của Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa, Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 2100663646 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Duyên Hải cấp lần đầu ngày 16/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/11/2023. Địa chỉ trụ sở: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0367 369 823.

2. Tên dự án: Dự án đầu tư nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa.

3. Mục tiêu dự án: Tận dụng lợi thế, tiềm năng diện tích mặt nước, đất bãi bồi ven biển để phát triển nuôi nghêu thương phẩm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; góp phần tạo việc làm cho lao động tại địa phương, nâng cao thu

nhập người dân cải thiện cuộc sống; góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương thông qua các hoạt động đóng thuế.

4. Quy mô dự án:

- Diện tích sử dụng đất, mặt nước: 2.971.024,4 m^2. Trong đó: Đất bãi bồi 937.500,7 m^2; khu vực biển 2.033.523,7 m^2.

- Công suất thiết kế: 2.079 tấn nghêu/vụ (12 tháng/vụ).

- Sản phẩm cung cấp: Nghêu thương phẩm.

5. Vốn đầu tư của dự án: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng), 100% vốn góp của nhà đầu tư.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 05 năm *(được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).*

7. Địa điểm thực hiện dự án: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

8. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào khai thác vận hành:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa	25.000.000.000		100%	Tiền mặt	Đã góp đủ vốn (thể hiện tại Báo cáo tài chính)

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Đến tháng 9/2024: Hoàn thành thủ tục pháp lý.

- Tháng 10/2024 - tháng 11/2024: Mua trang thiết bị, cải tạo vùng nuôi.

- Tháng 12/2024: Đưa dự án vào hoạt động.

9. Ưu đãi đầu tư và điều kiện áp dụng:

a) Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất: Nhà đầu tư cam kết không hưởng ưu đãi.

b) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC ngày 07/5/2018 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017).

- *Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi:* Dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

10. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đối với nhà đầu tư:

- Thực hiện ký cam kết tiến độ và ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư được quy định trong pháp luật về môi trường đất đai, tài nguyên biển, thủy sản …; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra sai phạm trong việc đầu tư xây dựng tại dự án.

- Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm về tình hình thực hiện dự án và chế độ báo cáo thuế, thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho phép; chấp hành các quy định của chính quyền địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tình hình thực hiện giám sát, đánh giá các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về thông tin, số liệu trong Báo cáo về kết quả thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nuôi nghêu thương phẩm Trường Long Hòa. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện có nội dung sai sót, không phù hợp với các quy định của pháp luật phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Các Sở, Ban, ngành tỉnh: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, thuế, môi trường,…liên quan đến dự án.

3. Nhà đầu tư (Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa) có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải; nhà đầu tư (Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa) có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho nhà đầu tư (Hợp tác xã nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa) 01 bản, Sở Kế hoạch và Đầu tư 01 bản và 01 bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu:VT, KT.02

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quỳnh Thiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1260/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 25 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Hợp tác xã nông nghiệp thủy sản Trường Long Hòa thuê 937.500,7m^2 đất, tạo lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án đầu tư nuôi nghiêu thương phẩm Trường Long Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 370/TTr-STNMT ngày 18 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Hợp tác xã nông nghiệp thủy sản Trường Long Hòa, địa chỉ: Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh thuê diện tích 937.500,7m^2 đất, thuộc thửa đất số: 24, 26, tờ bản đồ số 8, loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh để thực hiện dự án Đầu tư nuôi nghiêu thương phẩm Trường Long Hòa.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Vị trí ranh giới khu đất giao được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính số: 403, 405/TL-VPĐKĐĐ tỷ lệ 1/25000 cùng ngày 02 tháng 7 năm 2024 do Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập.

Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 13 tháng 6 năm 2029.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện:

1. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thông báo cho Hợp tác xã nông nghiệp thủy sản Trường Long Hòa nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Ký hợp đồng thuê đất với Hợp tác xã nông nghiệp thủy sản Trường Long Hòa theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho Hợp tác xã nông nghiệp thủy sản Trường Long Hòa theo quy định.

4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Hợp tác xã nông nghiệp thủy sản Trường Long Hòa đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa và Hợp tác xã nông nghiệp thủy sản Trường Long Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD; KT;
- CTTĐT Trà Vinh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

D:\Tot24\Quyet dinh cho thue dat\24. Cho HTX Truong Long Hoa thue 937.500,7m2 – xa TLH

Phụ lục số 13

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số: 403 /TL-VPĐKĐĐ

Tỷ lệ: 1/25000

1. Số thứ tự thửa đất: 24 Tờ bản đồ địa chính số: 8

xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải tỉnh Trà Vinh

2. Diện tích: 279165,1 m^2

3. Mục đích sử dụng đất: NTS

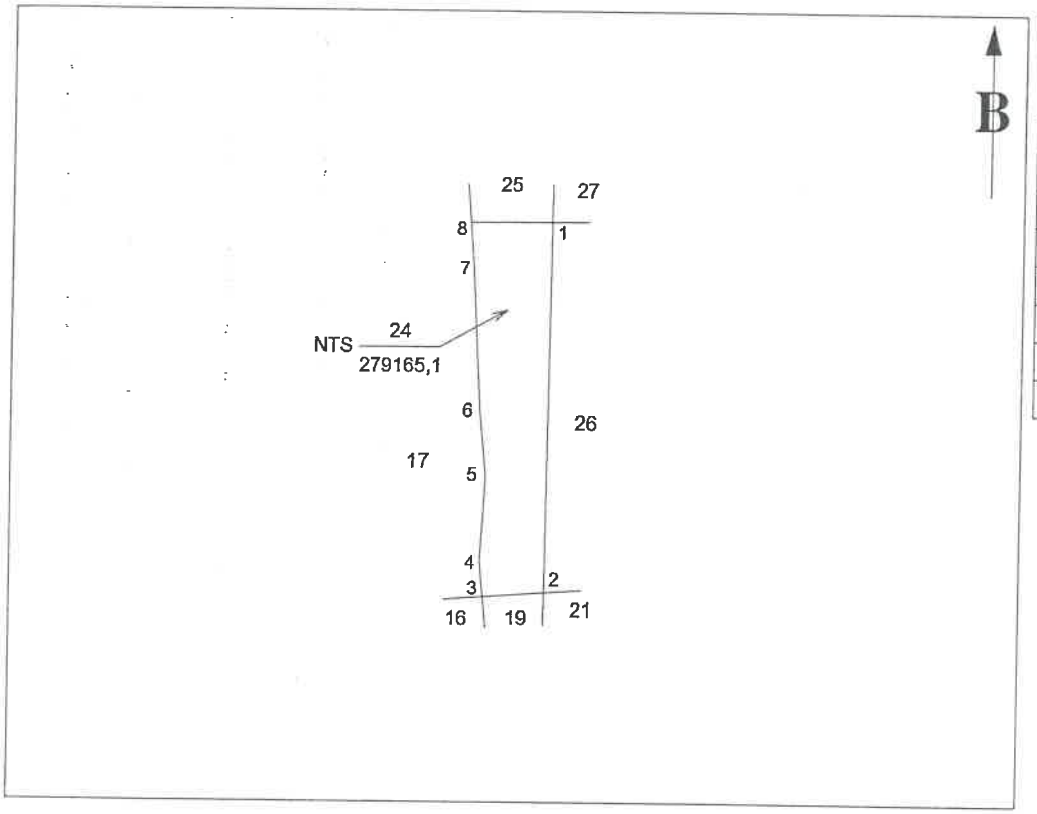
4. Tên người sử dụng đất: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HÒA

Địa chỉ thường trú: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất:

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Sơ đồ thửa đất



6.2. Chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	1222,81
2 - 3	201,02
3 - 4	117,06
4 - 5	282,37
5 - 6	219,29
6 - 7	485,63
7 - 8	134,16
8 - 1	268,16

- Khu vực UBND tỉnh Trà Vinh cho Hợp tác nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa thuê đất
- Trích lục theo tài liệu đo đạc năm 2009, biên tập lại năm 2016

Trà Vinh, ngày 02 tháng 7 năm 2024

Người trích lục
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Kim Diệu

Giám đốc
Văn phòng đăng ký đất đai
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Nguyễn Văn Trai

Phụ lục số 13

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số: 405 /TL-VPĐKĐĐ

Tỷ lệ: 1/25000

1. Số thứ tự thửa đất: 26 Tờ bản đồ địa chính số: 8

xã Trường Long Hòa thị xã Duyên Hải tỉnh Trà Vinh

2. Diện tích: 658335,6 m^2

3. Mục đích sử dụng đất: NTS

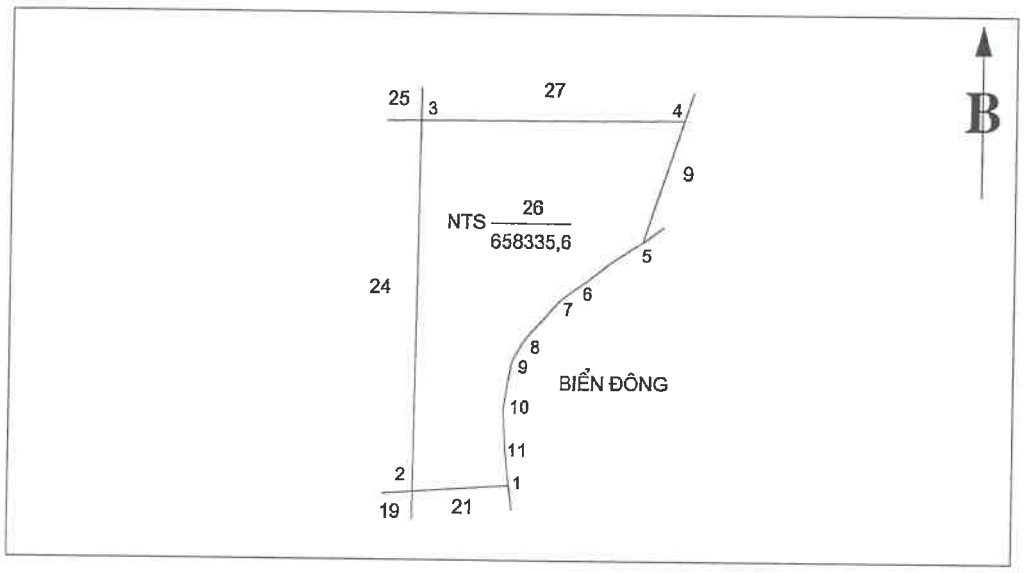
4. Tên người sử dụng đất: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HÒA

Địa chỉ thường trú: ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất:

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Sơ đồ thửa đất



6.2. Chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	325,26
2 - 3	1222,81
3 - 4	888,45
4 - 5	421,59
5 - 6	264,70
6 - 7	70,34
7 - 8	188,50
8 - 9	76,82
9 - 10	156,42
10 - 11	133,78
11 - 1	120,24

- Khu vực UBND tỉnh Trà Vinh cho Hợp tác nông nghiệp - thủy sản Trường Long Hòa thuê đất
- Hủy thửa 22
- Thửa 5 được tách thành 02 thửa:
  + Thửa 21 diện tích 2263,0 m^2(thửa 21 đã thu hồi và giao cho Công ty TNHH điện gió Ree Trà Vinh để thực hiện hạng mục cầu dẫn thuộc dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí V1-3
  + Thửa 23 diện tích 1192986,6 m^2
- Thửa 23 diện tích 1009125,1 m^2, giảm 183861,5 m^2(trong đó: giảm 41516,5 m^2đã giao đất khu vực biển cho Công ty TNHH điện gió Ree Trà Vinh và giảm 142345,0 m^2do nằm ngoài đường triều kiệt)
- Thửa 23 được tách thành 02 thửa:
  + Thửa 26 diện tích 658335,6 m^2
  + Thửa 27 diện tích 350789,5 m^2
- Trích lục theo tài liệu đo đạc năm 2009, biên tập lại năm 2016

Trà Vinh, ngày 02 tháng 7 năm 2024

Người trích lục
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Kim Diệu

Giám đốc
Văn phòng đăng ký đất đai
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Nguyễn Văn Trai

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Số: 316 /VPĐKĐĐ-KTĐC
V/v cung cấp sơ đồ khu đất theo kết quả khảo sát ngày 10/4/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa

Thực hiện nội dung thống nhất tại Biên bản cuộc họp ngày 27/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa và Hợp tác xã Phương Đông trong việc thực hiện thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nuôi nghêu.

Ngày 10/4/2024, Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp với các thành phần có liên quan theo Giấy mời số 182/GM-STNMT ngày 09/4/2024, tiến hành khảo sát thực địa khu đất nêu trên *(đính kèm Biên bản khảo sát thực địa ngày 10/4/2024)*.

Căn cứ nội dung thống nhất tại Biên bản khảo sát thực địa ngày 10/4/2024, Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp Sơ đồ khu đất để Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa để thực hiện các công việc tiếp theo *(đính kèm sơ đồ khu đất và Bảng thống kê diện tích)./.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- STN&MT (b/c);
- BLĐ VPĐKĐĐ;
- Lưu: VT, KTĐC.

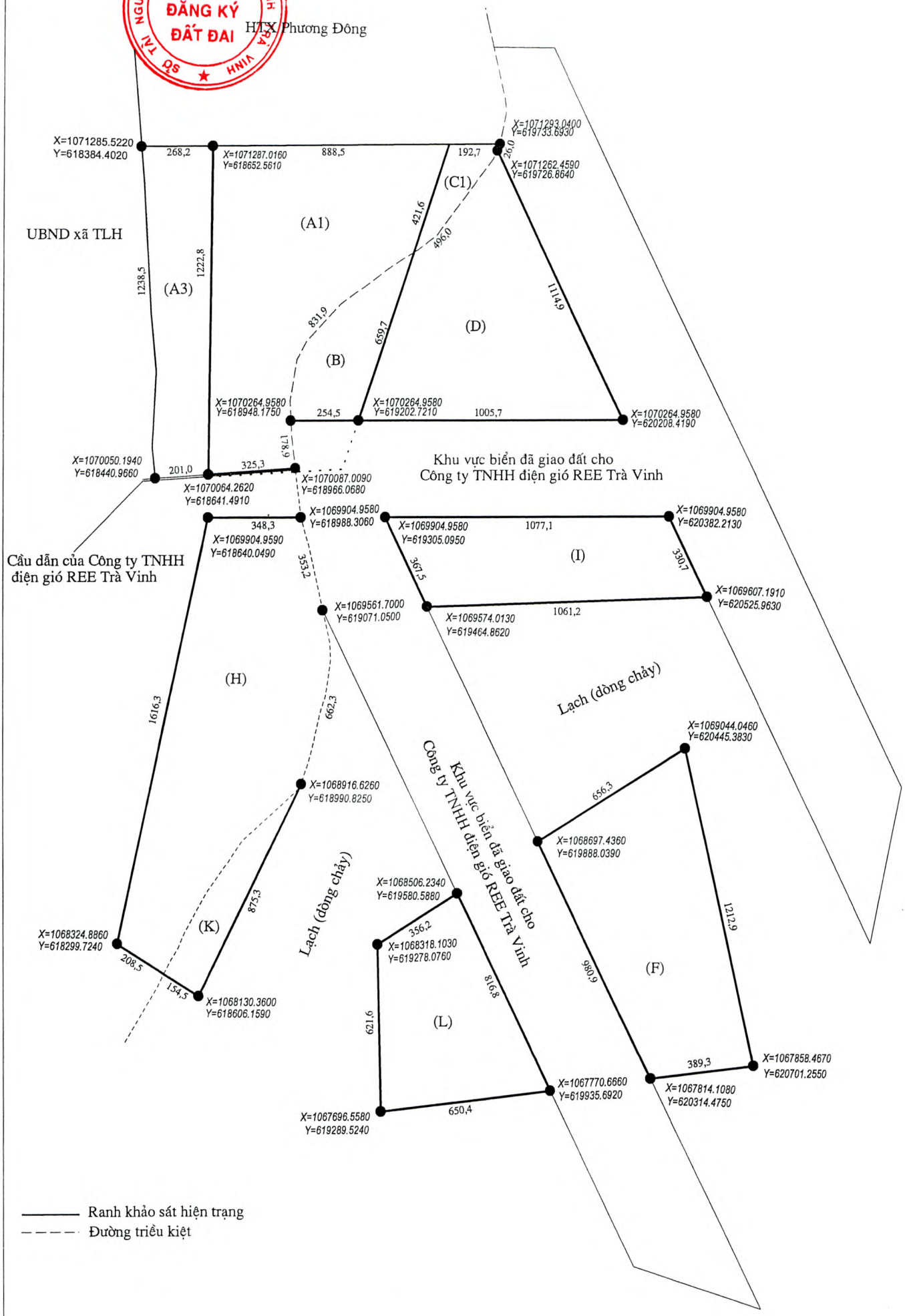
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Nguyễn Văn Trai

SƠ ĐỒ KHU ĐẤT

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI



Ranh khảo sát hiện trạng

Đường triều kiệt

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH

Đơn vị tính m2

1	(A1)	658335.6	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (nằm trong đường triều kiệt)
2	(A3)	279165.1	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê sau khi HTX Phương Đông trả lại đất (nằm trong đường triều kiệt)
3	(C1)	47968.3	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (nằm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
4	(H)	742677.0	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin thuê (nằm trong đường triều kiệt, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)
5	(B)	142345.0	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
6	(D)	556940.2	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
7	(F)	555016.4	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
8	(I)	338598.3	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
9	(L)	345897.6	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)
10	(K)	94726.2	Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa xin giao đất (nằm ngoài đường triều kiệt)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM
Tel: *028.66604779* ***Email:*** *mtdaiphu@gmail.com*
Website: *www.giamsatmoitruong.com.vn*

MS: TTCL-08/BM03
Số BH: 03
Ngày BH: 21/08/2023
Số trang: 1/4

Số:

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

- Đơn vị yêu cầu quan trắc: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN
- Căn cứ chức năng hoạt động của **Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú**
- Hôm nay, ngày 11 tháng 07 năm 2023

I. CHÚNG TÔI GỒM:

1. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú
- Ông (bà): Phạm Tấn Thanh Chức vụ: NVQT
- Ông (bà): Nguyễn Thanh Thanh Chức vụ: NVQT
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

2. Đại diện đơn vị giám sát:
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

3. Đại diện cơ sở được quan trắc:
- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

1. Địa điểm lấy mẫu: TRANG TRẠI NÔNG NGHIỆP - THUỶ SẢN TRƯỜNG LONG HÒA Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, Thị Xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

2. Mục đích lấy mẫu: Đo đạc môi trường

3. Lấy mẫu trong điều kiện: Trời nắng

4. Thực hiện:

Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: Theo trong Vimcerts được chứng nhận

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ	Ghi chú
KK 1	Bờ biển cách dự án 2KM	Tiếng ồn, TSP, SO_2, NO_2, CO	1069265 0618357	
NB01	Nước trong kênh Triều Kiệt nơi thực hiện dự án	pH, DO, TSS, coliform, NH_4^+, PO_4^{3-} tổng, Fe, dầu mỡ khoáng	1068678 0618888	
NB02	Nước ngoài kênh Triều Kiệt nơi thực hiện dự án	"	1067670 0620039	
TT01	Trầm tích nước ngoài kênh Triều Kiệt nơi thực hiện dự án	As, Pb, Cu, Cr, Fe, Hg	1067628 0620042	
TS01	phiêu sinh động, thực vật nước ngoài kênh Triều Kiệt nơi thực hiện dự án	Thực vật nổi, động vật nổi, động vật đáy	1067629 0620041	

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ	Ghi chú

5. Mẫu kiểm soát chất lượng QC

Ký hiệu mẫu	Loại mẫu QC	Thông số quan trắc	Ghi chú
KO1	Blank	Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO_2	
N.B.01	Blank	TSS, ~~COD~~, Coliform, Fe, NH_4^+	
NBL.01	Lặp	TSS, ~~COD~~, Coliform, Fe, NH_4^+	

6. Các mẫu niêm phong gồm: .....

Quá trình tiến hành lấy và bảo quản mẫu đúng theo phương pháp lấy mẫu được chứng nhận. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng thử nghiệm với biên bản bảo quản mẫu quan trắc đi kèm.

Lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải, mẫu có chỉ tiêu vi sinh và chỉ lưu các mẫu còn lại):

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không ? ☐ Có ☑ Không

Biên bản được thành lập 02 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở ..... bản, giao cho đơn vị giám sát 01 bản (nếu có đơn vị giám sát), Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú lưu 01 bản.

Trà Vinh, ngày 17 tháng 07 năm 2024

Đại diện cơ sở được quan trắc	**Đại diện đơn vị giám sát**	**Đại diện đơn vị quan trắc**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Lâm Minh Thiện	Nguyễn Hoàng Như	Nguyễn Thanh Thích

PHỤ LỤC

Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước mặt	☐ TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016
Nước thải	☐ TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016
Nước dưới đất	☐ TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016
Nước biển	☐ TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016
Vi sinh	☐ TCVN 8880:2011
Thực vật nổi	☐ SMEWW 10200B:2017
Động vật nổi	☐ SMEWW 10200B:2017
Động vật đáy	☐ SMEWW 10200B:2017
Đất	☐ TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007
Trầm tích	☐ TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-19:2015, TCVN 6663-15:2004
Bùn thải	☐ TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004
Chất thải rắn	☐ TCVN 9466:2012
Không khí	**Đo tại hiện trường** ☐ Nhiệt độ QCVN 46:2012/BTNMT ☐ Độ ẩm QCVN 46:2012/BTNMT ☐ Tiếng ồn TCVN 7878-2:2018 ☐ Áp suất QCVN 46:2012/BTNMT ☐ Tốc độ gió QCVN 46:2012/BTNMT ☐ Rung TCVN 6963:2001 ☐ Hướng gió QCVN 46:2012/BTNMT **Lấy mẫu** ☐ Tổng bụi lơ lửng (TSP) TCVN 5067:1995 ☐ Bụi Chì TCVN 5067:1995 ☐ Bụi PM 10 40 CFR part 50 Method appendix J ☐ Bụi PM 2.5 40 CFR Part 50 Method Appendix L ☐ NO_2 TCVN 6137:2009 ☐ SO_2 TCVN 5971:1995 ☐ H_2S MASA 701 ☐ NH_3 MASA 401 ☐ CO HDCV/LM-23 ☐ Cl_2 MASA 202 ☐ Asen (As) NIOSH Method 7300 ☐ Asin (AsH_3) NIOSH method 6001 ☐ Cadimi (Cd) NIOSH method 7048 ☐ Niken (Ni) NIOSH Method 7300 ☐ Mangan (Mn) NIOSH Method 7300 ☐ Hydrocacbon (C_xH_y) NIOSH Method 1500 ☐ Tetracloetylen NIOSH Method 1003 ☐ Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan) ASTM 02913 - 96(2007) ☐ Naphtalen OSHA method 35 ☐ Acetaldehyde NIOSH Method 2538 ☐ Fomaldehyt NIOSH Method 2541 ☐ Vinyl clorua NIOSH Method 1007 ☐ Acetonitrile NIOSH Method 1606 ☐ VOCs NIOSH Method 1501 ☐ Cloroform NIOSH method 1003 ☐ HF NIOSH method 7906 ☐ HBr NIOSH method 7907 ☐ HCl NIOSH method 7907 ☐ HNO3 NIOSH method 7907 ☐ H_3PO_4 NIOSH method 7908 ☐ H_2SO_4 NIOSH method 7908 ☐ Phenol NIOSH method 2546 ☐ Metan (CH4) MASA 101
Khí thải	**Đo tại hiện trường** ☐ Xác định vị trí lấy mẫu US EPA Method 1 + US EPA Method 1A ☐ Hàm ẩm US EPA Method 4 ☐ CO HDCV/LM-82 ☐ Vận tốc US EPA Method 2 ☐ Nhiệt độ HDCV/LM-72 ☐ SO_2 HDCV/LM-82 ☐ Lưu lượng US EPA Method 2 ☐ Áp suất HDCV/LM-82 ☐ O_2 HDCV/LM-82 ☐ Khối lượng mol phân tử khí khô US EPA Method 3 ☐ NO_x (tính theo NO_2) HDCV/LM-82 ☐ CO_2 HDCV/LM-82 **Lấy mẫu** ☐ Tổng bụi US EPA Method 5 ☐ HF US.EPA Method 26A ☐ SO_2 US.EPA Method 8 ☐ VOCs PD CEN/TS 13649:2014 ☐ NO_x (tính theo NO_2) TCVN 7172:2002 ☐ Hydrocacbon (C_xH_y) US EPA method 0010 ☐ CO TCVN 7242:2003 ☐ NH_3 JIS K 0099:2004 ☐ HCl US.EPA Method 26A ☐ H_2SO_4 US.EPA Method 8 ☐ HBr US.EPA Method 26A ☐ Asen (As) US.EPA Method 29 ☐ Cl_2 US.EPA Method 26A ☐ Cadimi (Cd) US.EPA Method 29 ☐ Đồng (Cu) US.EPA Method 29 ☐ Crom (Cr) US.EPA Method 29 ☐ Chì (Pb) US.EPA Method 29 ☐ Coban (Co) US.EPA Method 29 ☐ Mangan (Mn) US.EPA Method 29 ☐ Photpho (P) US.EPA Method 29 ☐ Niken (Ni) US.EPA Method 29 ☐ Selen (Se) US.EPA Method 29 ☐ Kẽm (Zn) US.EPA Method 29 ☐ Bạc (Ag) US.EPA Method 29 ☐ Beri (Be) US.EPA Method 29 ☐ Tali (Ti) US.EPA Method 29 ☐ Thủy ngân (Hg) US.EPA Method 29 ☐ Bari (Ba) US.EPA Method 29 ☐ Antimon US.EPA Method 29 ☐ Methyl etyl keton (MEK) PD CEN/TS 13649:2014 ☐ Hợp chất hidrocacbon đa US EPA method 0023

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 04217/2024/PKQ (24.4109)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HOÀ- DỰ ÁN ĐẦU TƯ NUÔI NGHÊU THƯƠNG PHẨM TRƯỜNG LONG HOÀ - Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Không khí xung quanh

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ *Sampling locations*	Tọa độ/ *Coordinate*
24.4109.K.01	Khu vực bờ biển cách dự án 2km	X=1069265, Y=0618357

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 17/07/2024

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 05/08/2024

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*	QCVN không khí xung quanh
				24.4109.K.01	**Trung bình 1 giờ(1)**
1	Tiếng ồn(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	52,4	**70(2)**
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(a)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	130	**300(3)**
3	NO_2(a)	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	47	**200(3)**
4	SO_2(a)	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	45	**350(3)**
5	CO(a)	µg/Nm^3	SOP-H16	< 9.000	**30.000(3)**

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
3. (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
4. (3): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 04218/2024/PKQ (24.4109)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HOÀ- DỰ ÁN ĐẦU TƯ NUÔI NGHÊU THƯƠNG PHẨM TRƯỜNG LONG HOÀ - Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Nước biển

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ *Sampling locations*	Tọa độ/ *Coordinate*
24.4109.NB.01	Mẫu trong đường triều kiệt nơi thực hiện dự án	X=1068678, Y=0618888
24.4109.NB.02	Mẫu ngoài đường triều kiệt nơi thực hiện dự án	X=1067630, Y=0620039

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 17/07/2024

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 05/08/2024

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*		QCVN 10:2023/BTNMT
				24.4109. NB.01	24.4109. NB.02	Chất lượng nước biển vùng biển ven bờ
1	pH[a,b]	-	TCVN 6492:2011	7,32	7,36	6,5 ÷ 8,5
2	DO[a,b]	mg/L	TCVN 7325:2016	6,42	6,5	≥ 5
3	TSS[a]	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	50
4	NH_4^+ (NH_4^+ tính theo N)[a,b]	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	0,76	0,68	0,1
5	PO_4^{3-} (PO_4^{3-} tính theo P)[a,b]	mg/L	TCVN 6202:2008	0,22	<0,03	0,2
6	Fe[a,b]	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,658	1,986	0,5
7	Coliform[a,b]	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	1.000
8	Tổng dầu. mỡ khoáng[a]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	5

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316800274 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 04219/2024/PKQ (24.4109)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN TRƯỜNG LONG HOÀ- DỰ ÁN ĐẦU TƯ NUÔI NGHÊU THƯƠNG PHẨM TRƯỜNG LONG HOÀ - Ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hoà, Thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Trầm tích

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	**Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations*	**Tọa độ/** *Coordinate*
24.4109.TT.01	Trầm tích nằm ngoài đường triều kiệt nơi thực hiện dự án	X=1067628, Y=0620042

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 17/07/2024

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 05/08/2024

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	**Thông số/** *Parameters*	**Đơn vị/** *Unit*	**Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods*	**Kết quả/** *Testing result*	**QCVN 43:2017/BTNMT**
				24.4109.TT.01	**Trầm tích nước mặn, nước lợ(1)**
1	Hg(c)	mg/kg	US EPA Method 7471B	KPH (MDL=0,05)	**0,7**
2	Cu(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	<1,9	**108**
3	Cr(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=1)	**160**
4	Pb(a,b)	mg/kg	TCVN 6496:2009 + SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=1)	**112**
5	Fe(c)	mg/kg	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	22,327	-
6	Asen(c)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,3)	**41,6**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ *The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.*
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
4. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
   "-": Không quy định
5. (1): Giá trị giới hạn của các thông số trong trầm tích

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận

4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.

5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 292

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 292

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở chính và Phòng thí nghiệm: 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 218 /QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đoàn Thị Thuỷ Chức vụ: Giám đốc

Số CMT: 025532917

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 15 tháng 11năm 2011

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày 26 tháng 01 năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 04	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 08 thông số
2. Khí:		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 34	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 32	Đo tại hiện trường: 12 thông số
3. Đất:	Lấy mẫu: 01	
4. Bùn:	Lấy mẫu: 01	
5. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01	
6. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	37 thông số
- Nước thải:	38 thông số
- Nước biển:	22 thông số
- Nước dưới đất:	35 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	19 thông số
- Khí thải:	10 thông số
3. Đất:	13 thông số
4. Bùn:	15 thông số
5. Trầm tích:	08 thông số
6. Chất thải rắn:	10 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 218 /QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)./.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở: 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028.66604779

- Địa chỉ Email: mtdaiphu@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường** *(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 218 /QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

2. Số đăng ký: **292/TN-QTMT**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 218 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với đối với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú"**, địa chỉ tại 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **292/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 292)** theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

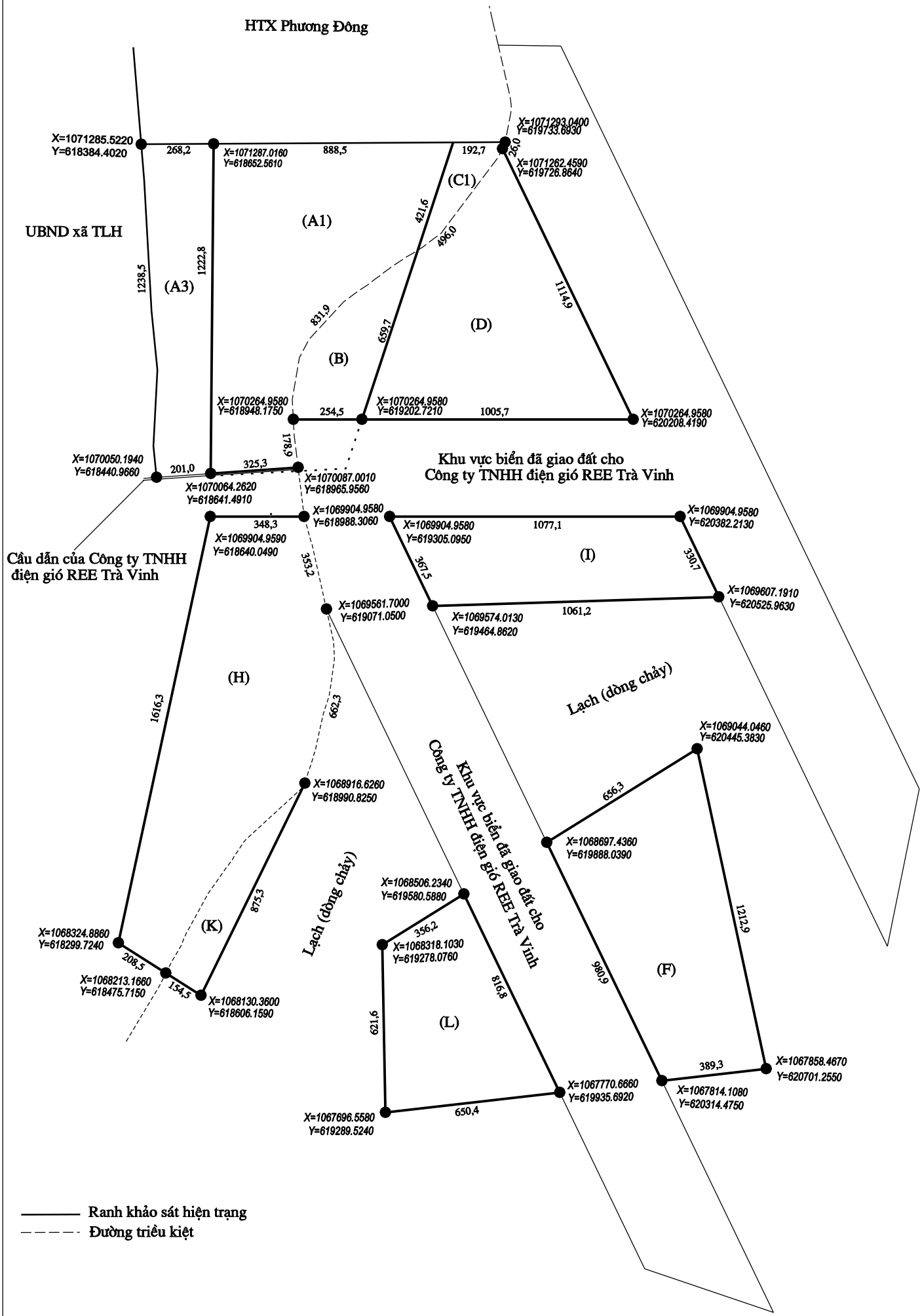
Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

SƠ ĐỒ KHU ĐẤT


HTX Phương Đông
X=1071285.5220
Y=618384.4020
268,2
X=1071287.0160
Y=618652.5610
888,5
192,7
X=1071293.0400
Y=619733.6930
26,0
X=1071262.4590
Y=619726.8640
(C1)
421,6
496,0
UBND xã TLH
(A1)
1222,8
1238,5
(A3)
831,9
659,7
(B)
(D)
1114,9
X=1070264.9580
Y=618948.1750
254,5
X=1070264.9580
Y=619202.7210
1005,7
X=1070264.9580
Y=620208.4190
178,9
X=1070050.1940
Y=618440.9660
201,0
325,3
X=1070064.2620
Y=618641.4910
X=1070087.0010
Y=618965.9560
Khu vực biển đã giao đất cho
Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh
X=1069904.9580
Y=618988.3060
348,3
X=1069904.9590
Y=618640.0490
X=1069904.9580
Y=619305.0950
1077,1
X=1069904.9580
Y=620382.2130
Cầu dẫn của Công ty TNHH
điện gió REE Trà Vinh
353,2
(I)
367,5
330,7
X=1069561.7000
Y=619071.0500
X=1069574.0130
Y=619464.8620
1061,2
X=1069607.1910
Y=620525.9630
(H)
1616,3
662,3
Lạch (dòng chảy)
X=1069044.0460
Y=620445.3830
X=1068916.6260
Y=618990.8250
656,3
Khu vực biển đã giao đất cho
Công ty TNHH điện gió REE Trà Vinh
X=1068697.4360
Y=619888.0390
X=1068506.2340
Y=619580.5880
875,3
Lạch (dòng chảy)
X=1068324.8860
Y=618299.7240
(K)
356,2
X=1068318.1030
Y=619278.0760
1212,9
980,9
(F)
208,5
X=1068213.1660
Y=618475.7150
154,5
X=1068130.3600
Y=618606.1590
816,8
621,6
(L)
389,3
X=1067858.4670
Y=620701.2550
X=1067770.6660
Y=619935.6920
X=1067814.1080
Y=620314.4750
650,4
X=1067696.5580
Y=619289.5240
Ranh khảo sát hiện trạng
Đường triều kiệt